

**hương
thiền**

TẬP 02/2016 - (36)



Vui thay, Phật ra đời!



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ



THƯ PHÁP NGUYỄN HIẾU TÍN

HƯƠNG THIÊN - tập 2 (36)

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiền Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

MỸ THUẬT: Họa sĩ Nguyễn Thịnh

ÂM NHẠC: Nhạc sĩ Trần Đức Tâm

ẢNH BÌA: Nghi Trần

CHỦ BIÊN: Phan Cát Tường

E-mail: phancattuong@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

T.P. HỒ CHÍ MINH - 2016

PHẬT GIÁO CA _ VUI THAY! PHẬT RA ĐỜI

◇ Lời: Theo **Kinh Pháp Cú**

Nhạc: **Ngộ Anh Kiệt**

Vừa phải ♩ = 95

The musical score is written in 2/4 time with a tempo of 95 beats per minute. It consists of eight staves of music. The lyrics are written below the notes. The score includes a key signature of one sharp (F#) and a common time signature of 2/4. The lyrics are in Vietnamese and describe the joy of the Buddha's birth. The score includes a key signature of one sharp (F#) and a common time signature of 2/4. The lyrics are in Vietnamese and describe the joy of the Buddha's birth. The score includes a key signature of one sharp (F#) and a common time signature of 2/4. The lyrics are in Vietnamese and describe the joy of the Buddha's birth.

Khó thay! Được làm người. Khó thay! Được sống
còn. Khó thay! Nghe diệu pháp. Khó thay! Phật ra
đời. Vui thay! Phật ra đời. Vui
thay! Pháp được giảng. Vui thay! Tăng hòa hợp, mọi
người cùng nhau tu. Vui tu. Bud - dham
Sa - ra - nam Gac - chā - mi. Dham - ma Sa - ra - nam
Gac - chā - mi. Sang - ham Sa - ra - nam Gac - chā - mi. (*)

(*) Độc giả có thể nghe bài hát này tại địa chỉ: <http://youtube/Vui thay! Phật ra đời>.

Bảy Bước Nở Hoa Sen



Đản sinh của đức Phật ngang qua bảy bước mà kinh Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi, kinh Ưu Bà Di Tịnh Hạnh Diệu Pháp môn phẩm Thụy Ứng ghi lại như sau:

Sau khi thọ thai Đấng Thánh lớn, gần ngày mãn nguyệt khai hoa, Hoàng hậu Ma Gia trở về quê mẹ. Trên đường về quê cũ, Hoàng hậu nghỉ chân dưới một vườn hoa Lâm Tỳ Ni xinh đẹp. Hoàng hậu khoan thai dạo bước quanh vườn, hít thở không khí trong lành của gió xuân mát dịu, lắng nghe từng đàn chim chuốt giọng trên cành, ngắm nhìn từng đóa hoa đua sắc khoe màu trong nắng sớm, rồi nhẹ tay vin hái cành hoa Vô Ưu thì liền Đản sinh Đấng Thánh lớn. Sự Đản sinh ấy được đánh dấu qua tiến trình giải thoát giác ngộ, biểu trưng qua bảy bước nở hoa sen, mà nhân loại hôm nay đang ngưỡng vọng và noi theo Ngài.

1. Bước thứ nhất đức Phật nhìn về phương Đông và bảo rằng: “Phương Đông ấy chính là ngọn đuốc soi đường tối thượng cho chúng sinh trong mọi lãnh vực” (Thị Đông phương vị chúng sinh vi đạo thủ cố). Đức Phật lấy phương mặt trời mọc để chỉ cho sự phát huy trí tuệ. Thật vậy, từ phạm phu đến quả vị Thánh hiền, không một ai mà không cần đến ánh sáng của trí tuệ. Trí tuệ là ngọn đuốc soi đường đi đến chân - thiện - mỹ; mà “Văn hóa là chìa khóa mở đầu”. Từ trường đời đến trường đạo đều lấy sự giáo dục làm đầu.

2. Bước thứ hai đức Phật nhìn về phương Nam và bảo rằng: “Phương Nam ấy chính là ruộng phước an lành cho chúng sinh gieo gặt” (Thị Nam phương vị chúng sinh lương phước điền cố). Đức Phật lấy phương Nam để chỉ cho chúng sinh nhờ phát huy trí tuệ, biết quán chiếu vào sâu trong lòng thực tại nên biết quy hướng về những nghiệp nhân tốt lành.

3. Bước thứ ba đức Phật nhìn về phương Tây và bảo rằng: “Phương Tây ấy chỉ cho chúng sanh cách hóa giải động cơ sinh tử, chấm dứt sanh thân cuối cùng” (Thị Tây phương vị chúng sanh dĩ tối hậu thân cố). Phương Tây là phương mặt trời lặn, để chỉ cho sự an nghỉ tuyệt đối của tâm thức. Dòng tâm thức (Samsàra) đã đưa đẩy chúng sinh trong sáu nẻo luân chuyển từ vô lượng kiếp đến nay. Đức Phật đã thấy rõ nguyên nhân của dòng sinh tử là do động lực của Vô minh.

4. Bước thứ tư đức Phật nhìn về phương Bắc và bảo rằng: “Phương Bắc ấy chỉ cho chúng sinh là ta đã được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác” (Thị Bắc phương vị chúng sanh ngã đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề). Chúng sinh đang quần quai trong đêm dài tăm tối lạnh lùng (phương Bắc) với bao sầu bi khổ ưu não. Bóng vô minh tưởng chừng như mãi đè nặng lên tâm hồn nhân thế. Dòng tâm sinh diệt như con tạo tưởng chừng cứ mãi đong đưa.

5. Bước thứ năm đức Phật nhìn xuống phương dưới và bảo rằng: “Phương dưới ấy ta sẽ chỉ cho chúng sinh chinh phục ma lực (của tham ái, si mê, và sân hận) để vượt thoát mọi khổ đau” (Thị

Hạ phương vị chúng sanh dị dục hàng ma cô). Vì lòng thương tưởng đến chúng sinh đang quần quại trong biển đời đầy đau khổ bởi bóng tối vô minh, nên đức Phật bắt đầu chuyển bánh xe pháp. Đức Phật tùy bệnh nặng nhẹ mà cứu nguy và cho thuốc. Phương dưới ấy là chỉ cho cảnh khổ đau của Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sinh. Sở dĩ chúng sinh rơi vào trong ba đường xấu ác ấy là do nghiệp nhân xấu ác của ý, miệng và thân, và bởi sự thúc đẩy của tham, sân, si.

6. Bước thứ sáu đức Phật chỉ lên phương trên và bảo rằng: “Phương trên ấy là chỉ cho chúng sinh sống đúng năm nhân cách và mười điều thiện” (Thị Thượng phương vị chúng sinh quy y thiên nhân cô). Chúng sinh muốn vượt thoát ba đường dữ là Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sinh thì phải trở lại sống đúng năm nhân cách (5 giới) và mười điều thiện. Thật vậy, năm nhân cách là nền tảng cho một cuộc sống có hạnh phúc, có chí hướng vị tha, có năng lực bảo vệ giống nòi, bảo vệ thân sống, nguồn sống, và lẽ sống của nhân loại. Đây chính là thước đo đạo đức của một con người có đủ lý trí và tình thương trên thế gian này.

7. Và cuối cùng là bước thứ bảy: Đức Phật một tay chỉ lên, một tay chỉ xuống và bảo rằng: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn. Vô lượng sinh tử, ư kim hỷ tận” : Từ các cõi trời cho đến địa ngục (chúng sinh luôn trôi lăn trong ba cõi sáu đường) đều do vọng tâm ngã chấp chi phối; vì vậy cho nên đã trôi dạt trong vô lượng kiếp sinh tử, và đến kiếp này là sinh thân cuối cùng của ta vậy”.

Vì vậy cho nên, mọi ý hướng đi tìm chân lý bởi thứ tình thức mang tính chủ quan của từng bộ óc (pháp môn), nó chỉ tạo nên những uy lực đè nặng tâm hồn và phân hóa thực tại mà thôi. Nếu quán sát tâm theo khuôn mẫu của ký ức đã chết cứng tự bao giờ, thì vô tình ta đã quay lưng sấp mặt bỏ qua thực tại với những nguyên nguyên của nó.

Chân tướng của vạn hữu là bản thể sống động bao hàm, và luôn vận hành một cách lung linh màu nhiệm.

T.M.Đ

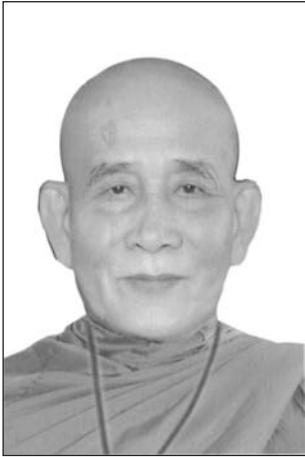
Tưởng niệm đức ân sư thượng Giác hạ Khánh

ÂN quảng đại tiếp tăng độ chúng
SƯ giáo truyền trì tụng pháp môn
thượng cầu niệm Phật tinh hồn
GIÁC ngộ chân lý, giác hồn siêu sinh
hạ tu tuyệt dục mẹ tình
KHÁNH tâm như ý, tánh linh nhiệm mầu
ĐỨC Sư ông Đạo hành gương mẫu
TÔN hạnh ngài tinh đầu sáng soi
SƯ trao tâm pháp rạch ròi
Lưu truyền con cháu mà noi tu hành
LIÊN tông Tịnh độ tín thành
HOA sen chín phẩm duyên lành vãng sanh
TỰ tâm quyết, tự thực hành
Đường về chánh giác, Lạc thành đâu xa?

*Kỷ niệm lễ húy kỵ lần thứ 4 đức ân sư thượng Giác hạ Khánh,
Viện chủ chùa Liên Hoa, Quận 8
(18/03/Canh Dần - 18/03/Bính Thân)
Hiếu tử Thích Thiên Tài kính đề*

NHÂN NGÀY GIỖ LẦN THỨ TƯ (18/3/ BÍNH THÂN)
HÒA THƯỢNG THƯỢNG GIÁC HẠ KHÁNH - GIÁM LUẬT LIÊN TÔNG
TỊNH ĐỘ NON BÔNG, VIỆN CHỦ CHÙA LIÊN HOA, QUẬN 8.

Người về cõi Tịnh



Hòa thượng Thích Giác Khánh

Hòa thượng Thích Giác Khánh tên thật là Lê Văn Nghĩa, sinh năm Canh Thìn, 1940 nơi một vùng sông nước xã Long Hậu Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An trong một gia đình nông dân nho phong gia giáo, mang tính nhân văn vùng đồng bằng sông nước. Nơi đây, ảnh hưởng rất nhiều đạo giáo, như Khổng, Lão, Phật trong đó có Phật giáo chính thống, Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư Sĩ... nên đại đa số người dân tín ngưỡng Phật, tôn sùng đạo đức của Đức Phật

là trên hết.

Thân phụ là cụ ông Lê Văn Mẫn và Thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Thiệt, có 09 anh, chị, em mà Hòa thượng là người con thứ tám trong gia đình. Cuộc sống quanh năm chỉ mong gắn bó với ruộng vườn, nhàn nhã giữ gìn đạo lý gia phong là trên hết.

XUẤT GIA TU PHẬT

Năm 1959, lúc bảy giờ Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước khai sơn môn phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, hồng truyền Pháp môn niệm Phật Tịnh Độ Tông, tại Tổ Đình Linh Sơn, núi Dinh, Bà Rịa Vũng Tàu. Đặc biệt là truyền dạy phương pháp tu gia trì tịnh niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, kinh hành niệm Phật, lễ bái niệm Phật, tụng kinh niệm Phật. Lúc bấy giờ khắp cả miền Trung Nam nước Việt, những gia đình Phật tử ở Bình Dương, Biên Hòa, Sài Gòn, Long An, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Châu Đốc, Long Xuyên... người người đều đăng sơn tìm cầu học Phật pháp. Tổ đình Linh Sơn lúc bấy giờ có cả năm, sáu trăm Tăng Ni, tịnh nhơn cư trú tu hành, thực tập niệm Phật vang dội cả núi rừng. Trong đó có gia đình kiến họ Phạm, cụ ông Phạm Văn Hơn (vai cậu của HT. Thích Giác Khánh - sau này xuất gia trở thành vị trưởng lão đạo cao đức cả trong môn phong Tịnh Độ, pháp danh Thích Từ Đức, còn gọi là thầy Tư Bò Đè), phát tâm đưa rước gia đình con cháu đăng sơn núi Bồng Lai tầm sư học đạo. Thân phụ, thân mẫu của Hòa Thượng cũng đem cả gia đình quy y Tam Bảo với Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, húy Nhựt Ý, thuộc dòng Lâm Tế thứ 41, có ảnh hưởng rất lớn với pháp phái Tịnh Độ Thiền Tông do đức Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch khai sáng tại vùng Vĩnh Cửu. Quá trình quy y Tam Bảo, thân phụ được ban pháp danh là Thiện Đạo, thân mẫu là Diệu Thành, còn Hòa Thượng được Tôn sư hứa khả thể độ cho xuất gia với pháp danh Giác Khánh, húy Trung Nghĩa, cầu pháp xuất gia vào ngày rằm tháng mười, năm Canh Tý (1960).

SỰ NGHIỆP ĐẠO PHÁP - DÂN TỘC

Ngày 15 tháng Giêng, năm Giáp Thìn (1964) lúc bảy giờ tông học Phật Pháp năm cuối (năm thứ III) tại Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo, sau khi tốt nghiệp Phật học, được Tôn Sư cho phép thọ pháp quy y tu hành theo pháp hạnh Khất sĩ và

thọ Sa Di giới tại Trường Sanh Phật Tự, tỉnh Mỹ Tho do Hòa Thượng Thích Từ Ân chứng truyền.

Sở dĩ trong tông phong Liên tông Tịnh độ người người đều tu theo pháp hạnh Khất sĩ là vì Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước tôn kính đức Giáo Tổ Minh Đăng Quang trong quá trình học đạo. Nên dù hoằng truyền Tịnh Độ, nhưng Hòa thượng Tôn sư vẫn thường khuyến tấn chư Tăng Ni đệ tử tu theo pháp hạnh Khất Sĩ.

Hòa Thượng Thích Giác Khánh là pháp hữu đồng môn với quý Hòa Thượng Thích Giác Thông, Hòa Thượng Thích Huệ Hải, Hòa Thượng Thích Thiện Hồng, Hòa Thượng Thích Thiện Thọ và Hòa Thượng Thích Giác Quang (Thường Trụ Tông Phong Liên Tông Tịnh Độ). Ngày nay quý Hòa Thượng Liên tông Tịnh độ đều đứng trong hàng ngũ Giáo hội PGVN, phục vụ trong các ngành hành chánh, hoằng pháp và giáo dục Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

* Năm 1965, tản cư xuống núi, học cổ ngữ Pali tại chùa Kỳ Quang, Sài Gòn.

* Ngày 13 tháng 07 năm Ất Ty, Hòa Thượng được thọ giới Tỳ khưu tại Chùa Liên Tông, Trụ sở Trung ương Hội Phật Giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam, đường Đề Thám, quận Nhất, Sài Gòn, do Đại lão Hòa Thượng Thích Huệ Chiếu chứng truyền.

* Ngày 15 tháng 01 năm Đinh Mùi (1967), tham dự hội nghị thành lập Tăng đoàn Du Tăng Khất Sĩ Non Bồng tại Tây Viện - Quan Âm Tu Viện, xã Bửu Hòa, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa (cũ) dưới sự chứng minh của Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước.

* Năm 1969, Đức Tôn sư chỉ giáo bổ xứ hành đạo về tại Quận 8, Sài Gòn tạo dựng ngôi Tam bảo chùa Liên Hoa, xiển dương pháp môn niệm Phật và thành tựu sự nghiệp đạo pháp cho đến ngày nay.

* Hòa Thượng là thành viên Thường trực Hội Đồng Tông Phong Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng. Quá trình thế độ Tăng Ni, Phật Tử, Hòa Thượng đã đào tạo chư Tăng môn nhơn đệ tử, như :

- Thượng tọa Thích Thiện Tài, Trụ trì chùa Linh Bửu.
- Đại Đức Thích Thiện Quý, Tiến sĩ Phật học, Giảng viên Học Viện PGVN tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh Văn phòng Ban Trị sự Thành hội PG TP.HCM.
- Đại Đức Thích Minh Dũng, Trụ trì chùa Giác Linh.
- Nhà báo Phan Cát Tường, phóng viên báo Giác Ngộ, Chủ biên tập văn Hương Thiền.

Và quý Sư cô đã trưởng thành và tinh chuyên tu hành hướng dẫn các đạo tràng Phật tử thực tập các khóa lễ tụng niệm.

Từ năm 1997-2004, đương vi Chứng minh Ban Đại Diện Phật giáo Quận 8, TP.Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ 5, 6, 7. Hòa Thượng là hàng giáo phẩm tiêu biểu trong Phật giáo Quận 8.

Hòa thượng còn có người em gái xuất gia tu hành cùng năm 1960, hiện nay được Trung ương Giáo hội tấn phong Ni sư Thích Nữ Diệu Tín, Trụ trì Huỳnh Mai tịnh viện, ấp Phước Thành, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

CÔNG TÁC TỪ THIỆN - XÃ HỘI

Ngày 01/03/1968, tham gia công tác từ thiện xã hội tại Cô Nhi Viện Phước Lộc Thọ, xã Bửu Hòa, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa (cũ), do Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác làm Giám đốc.

Từ sau ngày hòa bình 30/04/1975, Hòa thượng đã tham gia Ban Liên Lạc Phật giáo Yêu Nước Tp. Hồ Chí Minh, liên quận Quận 7 và Quận 8. Đắc cử Đại biểu Hội Đồng Nhân dân Quận 8, nhiệm kỳ VIII.

Hòa thượng tích cực hưởng ứng các phong trào công tác

Ăn chay, niệm Phật như đôi cánh của con đại bàng. Ăn chay là không giết hại sinh mạng của loài vật để nuôi dưỡng thân này, đó là trường dưỡng tâm Từ. Niệm Phật là phó thác sinh mạng mình cho đức Phật A Di Đà, nên tâm không còn tham giận kẻ khác khi bị xúc chạm, đó là trường dưỡng lòng Bi.

Ăn chay - niệm Phật là đôi cánh Từ Bi đưa con về Tịnh Độ.

(Lời giảng của HT. THÍCH GIÁC KHÁNH)

từ thiện xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương, mở lớp học tình thương tại chùa giúp đỡ cho con em nghèo biết chữ và học lên các lớp phổ thông cao hơn.

VIÊN TỊCH

Những năm cuối đời, Hòa thượng lâm trọng bệnh. Là bậc Tăng lữ chân tu, nhưng cũng không sao tránh khỏi luật vô thường theo dòng sanh, lão, bệnh, tử.

Ngày 16 tháng 03 năm Canh Dần (2010) Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác, Trưởng Tông phong, quý Hòa thượng đồng tu đến thăm viếng an ủi, Hòa thượng đã trình bày những Phật sự viên thành và giao nhiệm vụ Trụ trì lại cho Đại Đức Thích Thiện Quý cùng Đại Đức Thích Minh Dũng, góp phần chung lo Phật sự bền vững trong tương lai. Vào lúc 22 giờ, ngày 18 tháng 03 năm Canh Dần (nhằm 01/05/2010) Hòa thượng đã xả báo an tường, thu thần thị tịch, để lại những công hạnh lợi lạc chúng sanh, nhục thân được thiêu hóa tại đài hỏa táng Đa Phước (huyện Bình Chánh) và nhập tháp tại huê viên chùa Liên Hoa.

NHẤT TÂM ĐẢNH LỄ TÂN VIÊN TỊCH TỪ LÂM TẾ GIA PHỔ TỬ THẬP TAM THỂ HUY THƯỢNG GIÁC HẠ KHÁNH TỰ TRUNG NGHĨA LÊ CÔNG HÒA THƯỢNG GIÁC LINH.

T.G.Q

Liên hoa thượng diệu

*Ta Bà cảnh khổ không ai biết
Nhưng biết không rời có ích chi*

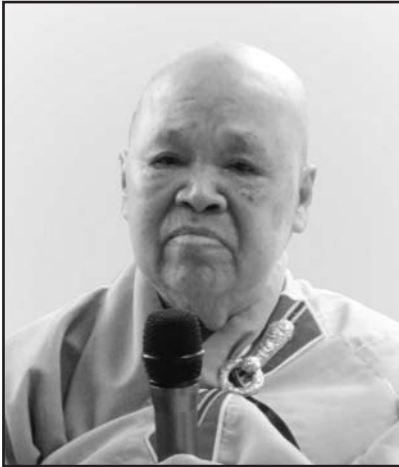
*Đây là thủa vàng son của con
Đây là nghiên vàng bút ngọc của con
Đây là xuân vạn hạnh của đời con
Đây là lương dược thượng diệu của đời con
Đây là kim chỉ nam, thành Niết Bàn của đời con*

*Trời tây bóng ngọc xế tà
Nước non một mảnh sơn hà mệnh mang
Việt Nam gắn lại đôi hàng
Ngọc hồng chiếu rạng Nam bang vẹn toàn*

*Rồng tiên tích sử Hồng Bàng
Chư hầu vạn quốc Tây phang đặng về
Liên hoa thượng diệu bồ đề
Cúng dường Tam Bảo hương quê Lạc Thành.*

Về thăm Già nơi am Trắng

(Ghi lại nhân dịp chư Tăng, Phật tử đạo tràng chùa Linh Bửu, Quận 8 thăm viếng và dâng lễ Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác tại Quan Âm tu viện (Biên Hòa - Đồng Nai) năm 2014).



Chúng tôi lên Quan Âm tu viện lễ Phật và thăm Già, vị Ni trưởng trụ trì. Sau khi lễ Phật, chúng tôi xin phép ra phía hậu liêu để lễ Già. Thú thật, tuy là đệ tử Quan Âm tu viện gần 50 năm, nhưng đây là lần đầu tiên tôi được kính lễ Già ngay tại cốc Ngài.

Cốc được Già đặt tên là Bạch Tịnh am, mà đệ tử thường gọi là am Trắng hay am Mây

Trắng để tôn vinh vẻ đẹp thuần khiết của nơi này.

So với vẻ đồ sộ uy nghiêm của các công trình ở phía trước Chánh điện thì Bạch Tịnh am thật quá đơn sơ, giản dị. Cốc lợp tole, lát gạch tàu cũ kỹ, nằm nép mình dưới những tàn cây cổ thụ. Già ngồi đong đưa trên chiếc võng vải bạc màu, chung quanh là mớ đồ lộn xộn, nào là những tảng cỏ thạch được mài bóng có khắc chữ thư pháp điều luyện do các đệ tử dâng cúng. Rồi mớ hoa trái, bánh kẹo, dầu ăn, bột ngọt,... được bày la liệt trên bộ ván như một cái chợ quê.

Và chất “quê” còn đậm hơn nữa khi tôi nhìn thấy những chú bồ câu hồn nhiên mổ thóc dưới bóng dừa bên cạnh. Mấy chú gà con chim chíp tha mồi. Giò lan rừng đong đưa trong gió. Chú sóc thoảng ẫ, thoảng hiện giữa tàn cây...

Già sống đơn sơ, chân chất như một bà mẹ quê. Thiên nhiên, cây cỏ, gia súc. Già muốn mình là một con người bình thường. Tôi đã không thấy chất liệu tôn giáo nào hiện diện nơi đây.

Đó là nếp sống của một vị Tông trưởng Liên tông Tịnh độ, một tông phái có đến gần 200 ngôi tự viện, tịnh thất, tịnh xá, niệm Phật đường cùng hàng triệu tín đồ đi dọc theo chiều dài đất nước. Chỉ riêng khoản từ thiện xã hội của Tông phong mỗi năm lên đến hàng tỷ đồng, chưa nói đến những khoản đóng góp khác cho giáo hội và địa phương.

Tôi được biết những vị Tỳ kheo có địa vị như Già, họ có xe hơi riêng, phòng ngủ máy lạnh, cuộc sống đầy đủ tiện nghi và xa hoa chẳng kém bậc đế vương.

Nhưng Già có vẻ như thờ ơ với tất cả những thứ đó. Tôi yêu chiếc áo lam bạc màu cũ kỹ, đôi dép sòn và râu chuôi gỗ của Già. Tôi yêu cánh bồ câu, đàn gà con và chú sóc xám trong vườn Già. Tôi yêu tiếng gậy lóc cóc của Già trong đêm thanh vắng để đánh thức đệ tử đến giờ niệm Phật.

Già ít nói pháp, nhưng rất nhiều người muốn nghe Già nói. Nhưng trong tâm khảm tôi, Ngài lúc nào cũng nói pháp, vì đời sống Già là một bài pháp tuyệt vời. Nơi đó, tôi thấy được sự hiện hữu của hạnh thiếu dục tri túc mà đức Phật đã căn dặn đệ tử trong “Phật Di Giáo kinh”. Nơi đó, giáo lý Vô Ngã bàng bạc trong Hoa Nghiêm, Bát Nhã đã hiện diện một cách sống động. Và hơn hết, ý nghĩa của Quan Âm nằm ngay nơi cốc Già, vì chất liệu của Quan Âm chính là lòng Từ Bi, là đời sống chia sẻ, là tính Vô Ngã trong cách hành xử, là sự buông bỏ trong đời sống nhập thế... Thì ra bức tượng Quan Âm hoành tráng kia đặt ở tiền đường của Quan Âm



tu viện chỉ là một biểu tượng mạnh mẽ cho chất liệu Quan Âm thực sự nằm khuất sâu nơi Bạch Tịnh Am ở phía hậu liêu của ngôi Tổ đình này. Và tên gọi Quan Âm tu viện mà Tổ khai sơn Hòa thượng t h u ợ n g Thiện hạ Phước (đức Mẫu Trầu) đặt cho tu viện này chỉ là một dụng ý nhằm xiển

dương công hạnh tu tập cho hàng đệ tử hậu học.

Tổ khai sơn đã truyền thừa vị trí Nhị tổ cho Già theo tinh thần “truyền đăng tục diệm”. Già đã tiếp nhận và hết lòng hoằng hóa tôn chỉ của tông phong bằng đời sống kham nhẫn, bằng hạnh nguyện từ bi và lòng trân trọng đối với thiên nhiên như đức Phật đã hành xử khi Ngài còn tại thế.

P.C.T

Lệ Châu

*Lòng như bát ngát mây xanh
Thân như sương tụ trên cành đông mai
Cuộc đời - chớp lóe, mưa bay
Càng đi, càng thấy dậm dài nỗi không.*

*Thân Tâm Bệnh - nghiệp trần hồng
Lênh đênh trầm nguyệt, bèo bồng phù vân
Giám trong Tài, Mệnh, Giả, Chân
Trăm năm hồ dễ một lần bay cao*

*Đau lòng chuốt tiếng đàn nao
Năm cung nước chảy lại chao phận mình
Đời Kiều trái máy nhục vinh
Ngã, Nhân đã vượt, thế tình đã qua.*

*Đoạn Trường số gói tên Hoa
Xưa là Giọt Lệ - nay là Hạt Châu*

(Trích Đoạn Trường Vô Thanh - PHẠM THIÊN THU)

Đại Bi Tâm Đà – Ra – Ni

*Đò đưa mỗi chuyến sang sông
Trả tôi chỉ một tấm lòng đại bi ...*

“Hỡi bậc Đạo sư của Ngũ Phật Thân và Ngũ Trí Như Lai, bậc Thủ Trì Liên Hoa và Bảo Châu, xin Ngài hoan hỷ gia hộ độ trì cho lục đạo chúng sanh thoát khỏi trầm luân đau khổ”. Đây là phát nguyện lợi tha chí thành của hành giả trì niệm Đại Bi Tâm – Đà – Ra – Ni, người có thể tự hào mặc chiếc y phước điền trân trọng hay tự tin khoác lên thân mình chiếc áo lụa là nhưng gấm cao sang hoặc bình thản an nhiên mặc áo vải thô sơ bạc màu giản dị. Nhưng điều trước tiên, phải biết lấy tâm Bồ Đề làm nhân, đại bi làm gốc và phương tiện làm cứu cánh, đi giữa lòng cuộc đời hành đạo, chẳng màng danh lợi khen chê.

Theo Kinh Thiên Quang Nhân Bí Mật Bồ Tát Quán Tự Tại (*Mật Tạng bộ 3 số 1065 trang 119 – 126*). Một thời Đức Phật Thích Ca ngự trong cung điện của Bồ Tát ở núi Phổ Đà Lạc Ca (*Potalaka*) cùng đại chúng. Đức Phật bảo: Này A-Nan! Lúc xa xưa Bồ Tát Quán Tự Tại ở nơi Đức Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai thọ nhận Đại Bi Tâm – Đà – Ra – Ni xong, liền vượt lên chúng Đệ Bát Địa, tâm vô cùng hoan hỷ, phát đại nguyện rộng lớn. Ngay lúc đó có đủ ngàn tay ngàn mắt, nhập vào Vô Sở Úy Tam Muội... Đức Phật Thích Ca nói tiếp: Này A-Nan! Đừng nghi ngờ về lực đại thần thông của Đà – Ra – Ni cùng lực Vô Úy của Bồ Tát. Vì thườ rất xa ấy, Quán Tự Tại Bồ Tát ở nước ta, thành Phật tên là Chánh Pháp Minh Như Lai đủ mười hiệu. Và khi ấy chính ta là đệ tử khổ hạnh dưới trướng Phật này, mong nhờ sự giáo hóa của Bồ Tát Quán Tự Tại đều chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề, chuyên bán xe Diệu Pháp. Bởi thế các người đừng sinh nghi hoặc hãy thường cúng dường và luôn xưng danh hiệu Bồ Tát, chắc chắn sẽ có công đức ngang bằng cúng dường 62 ức hằng hà sa số Như Lai, phước sanh vô lượng...

Theo giáo huấn tông môn (*Sám Giảng Non Bồng*), Đức Sơ Tổ Mẫu Trầu dạy rằng: Người Phật tử Tịnh Độ Non Bồng, thứ nhất phải ăn trường chay, thứ hai Niệm Phật cầu vãng sanh, thứ ba tụng Chú Đại Bi sau đó mới tụng kinh Pháp Hoa. Khởi đầu tụng Phẩm Phổ Môn, kế đó tụng Phẩm Phổ Hiền, ngủ thấy mình ngồi trên lưng con voi trắng sáu ngà thì tương ưng với hạnh Phổ Hiền (*riêng Mật Tông thấy mình cầm hai cây kiếm đầu cong Ngô Câu Kiếm thì chứng hạnh Phổ Hiền*). Sau đó, mới tụng kinh Pháp Hoa 27 phẩm. Tuy nhiên, trước lúc tụng chú Đại Bi phải tụng kinh Phổ Đà dẫn nhập. Đây là đoạn kinh trích từ nửa phần cuối bản Huỳnh Đình cầu kinh biên chép từ Phổ Am Ấn Túc Ngữ Lục của Thiền Sư Phổ Am Đại Đức Thích Đàm Chương (1115 – 1169) người Trung Hoa đời Tống. Toàn bộ biên soạn của Ngài Phổ Am được ghi lại trong quyển 3 Vạn Tân Toàn Tục Tạng Kinh. Nội dung

Huỳnh đình Cầu Kinh ca ngợi lạc cảnh thượng hảo Núi Phổ Đà của Bồ Tát Quán Tự Tại ở vùng biển phía Nam Ấn Độ gồm quần thể chín ngọn núi xếp thành hình tam giác đều. Biểu tượng Cung Ly (*que số 9 Hà Đồ Lạc Thu*). Riêng bản Huỳnh Đình cầu kinh được lưu truyền nhiều ấn chứng nhiệm màu linh nghiệm độc đáo mà các Thiền Sư Trung Hoa luôn vô cùng ngưỡng mộ, điển hình như Ngài Vân Thê Châu Hoàng, các bậc Cổ Đức của Phái Trúc Lâm Yên Tử, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa với tinh thần Tam Giáo Quy Nguyên Phật thánh Tiên đồng dạy Đạo, đã chọn lọc đưa vào công phu Nhật Tụng. Bởi vì khi thực hành tinh tấn sẽ có năng lực gia trì hiệu nghiệm, trợ giúp thân tâm tịnh hóa rõ ràng, bằng bạc qua bốn câu Kệ Khai Kinh tiêu biểu: Niệm Đắc Huỳnh Đình – Thiên Hôn Địa Động – Siêu Phàm Nhập Thánh – Giải Thóa Trần Ai (có ảnh chụp minh chứng). Xin giới thiệu bài Kinh Phổ Đà được chư Tổ Việt Nam sao lục và nhuận sắc (*Huỳnh Đình Tam Kinh gồm có Huỳnh Đình Vận Chuyển Báo Ứng Linh Nghiệm Thần Thông Kinh, Huỳnh Đình Cầu Kinh và Huỳnh Đình Thiên Kinh*).

*Nam mô Đại đế phụng vương tây trước
Phổ Đà đạt đạo ngự non châu.
Cửu khúc trùng trùng thủy vang tân.
Cúc nở nhụy hoa ve kêu réo rắt.
Đờn ngâm suối đá
Quán Âm Phật ngự long cung giá.
Phổ Đà cảnh hảo vô biên.
Trên thông reo gió thổi tự nhiên.
Dưới Ròng châu Phụng múa.
Mây áng hồng lồ lộ.
Mấy thứ lá nhụy nở hây hây.
Đào đơm bông, cúc nở thơm cây.
Nghe vắng vẻ tiếng người gìn giữ.
Trên Đức Phật Từ Bi quảng đại.*

*Dưới Ròng châu Phụng múa tiêu thiêu.
Cảnh Thiên Thai vàng chuộng báu yêu.
Cõi Tây Trước Văn Ly châu chực.
Nam mô lấy san hô làm cột.
Lấy hổ phách làm sườn.
Lược đời mỗi làm ngôi che sưng.
Bông sen nở làm thuyền Bát Nhã.
Bình tịnh thủy rưới qua Tây Hớn.
Nước cam lồ dành để cứu dân.
Mái thiên địa có giao lân.
Trời có sanh có diệt.
Chuông Nam Tào khởi động Thành Tây.
Trống Bắc Đẩu tiền đồ phóng xả.
Điểm điểm thất tinh như Càn Long Mã.
Hỗn độn sơ khai Đẩu Xuất tam cung.
Lấy bát quái lập làm tứ trụ.
Án Đà Ra Đế Dạ Bà Ha.
Thỉnh Quán Âm Phật Thông Tra.
Án Hồng Rị Hồng Rị Thông Hồng Tá Ha.*

NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT. (3 lần)

Kế tiếp liền tụng bài Sám Pháp Xưng Tán Chú Đại Bi do
Ni Trường Tu Viện Quan Âm sáng tác:

*Kính lạy Quan Âm Chú Đại Bi
Sức nguyện rộng sâu thân tướng đẹp
Ngàn mắt quang minh khắp chiếu soi
Ngàn tay trang nghiêm khắp nâng đỡ
Nơi tâm vô vi khởi lòng bi
Trong thể chân thật tuyên lời mật
Thiên Long các Thánh đều từ hộ
Mau cho đầy đủ những mong cầu
Hay khiến dứt trừ nhiều tội nghiệp
Muôn ngàn tam muội đã huân tu*

*Thân thọ trì là quang minh tràng
Tâm thọ trì là thần thông tạng
Rửa sạch trần lao khơi bể nguyện
Mở muôn phương tiện đến Bồ Đề
Nay con khen ngợi thế Quy Y
Nguyện chỗ mong cầu được thành tựu.*

NAM MÔ HIỀN THÁNH VIÊN THÔNG TÂM THINH CỨU KHỔ

ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT. (3 lần)

Theo truyền thống Mật Tông Kim Cang Thừa, phải tụng Quan Âm Đại Bi Quán Đảnh Đà - Ra - Ni trước khi niệm tụng Đại Bi Tâm - Đà - Ra - Ni như sau:

OM (*ba thân quy mệnh*), AMOGHA (*bất không*), AVLOKITESVARAYA (*Quán Tự Tại*), MAHA MUDRA (*Đại Thủ Ấn*), JVALATI (*Chiếu Minh*), MANI (*Bảo Châu*), PADMA (*Hồng Liên Hoa*), VAJRI (*Kim Cang bền chắc*), HÛM (*phá chướng ngại*), SVAHA (*thành tựu viên mãn*) (3 lần).

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni...

Bạn ơi! Có lúc hỏi gió gió cứ lang thang, đôi khi hỏi mây mây trôi lãng đãng, bắt chợt hỏi nước nước chảy lững lờ, ân cần hỏi núi đứng chơ vơ. Thế nên đành quay lại tự hỏi mình, bỗng nghe tiếng lòng ngân vang lời quyết định: **là hành giả trì niệm Đại Bi Tâm - Đà - Ra - Ni, phải đặt cho được thân Đại Bi, khẩu Đại Bi, ý Đại Bi. Nếu như chưa tương ứng với Tam Mật Gia Trì Đồng Thể Đại Bi thì mọi lạc thú ở dương trần sẽ chỉ là cội nguồn của tang thương trần trở.**

*Ta về uống nước cảnh dương
Xa miền vọng chấp vô thường hôm nao
Tan rồi một giấc chiêm bao
Lòng an lạc giữa nhiệm màu Quan Âm.*

Núi Dinh - Mùa Hạ Vàng Rực Nắng 2016

TẠM MUỘN

*Mượn sương mù lợp mái am
Mượn vàng trăng khuyết treo gian phía ngoài
Câu thơ nhật chữ mây trời
Tụng kinh vay tạm tiếng lời suối chim!*

GÓI LẠI

*Mai đây gói cái thân già
Gói luôn sinh tử, phù hoa một đời
Thả vào hang gió lưng vời
Ngục sâu mỗi cổ, cõi trời run chân!*

HẠN

*Lô xô đá cát đuổi nhau
Chạy tìm sa mạc, đồi sau tiếp đồi
Suối khe, nước bỏ đi rồi
Cành cây khô nứt, quạ ngòi trông trăng!*

RÁC XANH

*Trong mắt, cái rác biếc xanh
Nhìn đâu cũng thấy long lanh bóng mình
Văn thơ tô chuốt sự tình
Hào hoa câu chữ, phù sinh biến màu.*

SÀI GÒN - GIA ĐỊNH

NHỮNG NHÀ SƯ PHẬT GIÁO
NGUYỄN THỦY TRUYỀN GIÁO ĐẦU TIÊN



Những người Việt Nam đầu tiên phát động phong trào nghiên cứu Phật giáo Nguyên thủy có thể nói là cụ Nguyễn Văn Hiếu, Văn Công Hương và bác sĩ Lê Văn Giảng. Các người này là những nhà nho, có học thức thời bấy giờ, vì tuổi đời chồng chất và ngán ngẩm thể sự nên tìm đến sự êm dịu, thanh tịnh và mát mẻ của tâm hồn bằng con đường sách vở. Chính quyển sách “La Sagesse de Boudha” của người Đức viết bằng tiếng Pháp về Phật giáo đã làm chuyển hóa những tâm hồn vĩ đại đó. Thế rồi ba tâm hồn này tự hứa hẹn nhiệm vụ cho nhau để mở đạo pháp Nguyên thủy tại Việt Nam, nhiệm vụ đó là:

- Cụ Nguyễn Văn Hiếu tìm đất xây chùa tạo tháp để có địa điểm chư Tăng hoằng dương chánh pháp.

- Cụ Văn Công Hương nhận trách nhiệm in ấn những tài liệu kinh điển cần thiết để truyền bá chánh pháp.

- Bác sĩ Lê Văn Giảng vì đang còn làm việc ở Campuchia nên nhận trách nhiệm khảo cứu kinh điển Phật giáo và tìm biện pháp truyền bá Phật giáo Nguyên thủy về Việt Nam.

Trách nhiệm đã có, ngày chia tay đầy cảm động, trời đất dường như cũng đồng cảm với ba con người vĩ đại này. Ai cũng có trách nhiệm với công việc của mình nên không bao lâu hoài bão và tâm nguyện của các vị này thành tựu. Từ ngày chia tay bác sĩ Lê Văn Giảng trở về Nam Vang tầm sư học đạo, sôi mài kinh sử. Với chút vốn liếng hiểu biết về đạo pháp, bác sĩ chia sẻ cho những người bạn của mình. Nào có ngờ đâu, Phật pháp nhiệm mầu nên những người bạn của bác sĩ hoan hỷ đến mức độ bỏ tất cả trần duyên cuộc sống xuất gia theo Phật giáo Nguyên thủy.

Người đầu tiên tu theo Phật giáo nguyên thủy là Hòa thượng Thiện Luật, thế danh Ngô Bảo Hộ, sinh năm 1898 tại Sa Đéc, xuất gia Sa di năm 1934 và xuất gia Tỳ kheo năm 1937. Người thứ hai là Hòa thượng Huệ Nghiêm, thế danh Hồ Văn Viên, sanh tại Sa Đéc, xuất gia năm 1938. Người thứ ba là hòa thượng Bửu Chơn, thế danh

Phạm Văn Tông sinh 1914 tại Hội An, Sa Đéc, xuất gia ngày 19 tháng 7 năm 1940. Người thứ tư, Hòa thượng Hộ Tông, thế danh Lê Văn Giảng sinh 1893 quận 7, Phnom- Penh, xuất gia ngày 15 tháng 10 năm 1940.

Tuy nhiên trước đó cũng có một số nhà sư xuất gia tu theo Phật giáo Nguyên Thủy nhưng những vị này là người Việt gốc Khmer ở sáu tỉnh miền Tây nam bộ. Cố nhiên những vị này cũng có công rất lớn trong giai đoạn đầu của Phật giáo Nguyên thủy, đó là sư Miên, sư Sanh, sư Thạnh (trụ trì Chùa Sùng Phước) và sư Bảy Tiệm.

Song song với những nhà sư đó là nhóm Phật tử Việt kiều ở Campuchia, họ cũng là những người phát huy phong trào nghiên cứu đạo Phật nguyên thủy và truyền bá chánh pháp. Thầy Tám Học là người Phật tử có công rất lớn chuyển đổi ngôi chùa Sùng Phước ở Nam Vang thành ngôi chùa của Phật giáo Nguyên Thủy đầu tiên. Chính địa điểm này là trung tâm đầu tiên để nhóm cư sĩ Phật tử hội họp bàn thảo về đạo pháp. Ban dịch thuật lần đầu được thành lập tại đây để dịch những kinh sách cần thiết giúp ích Phật tử Việt Nam hiểu về đạo Phật Nguyên thủy. Nhóm dịch thuật này do cư sĩ Lê Văn Giảng (nay là Hòa Thượng Hộ Tông) làm trưởng ban. Trong số này có thầy Sáu Hoa, thầy Ba Diên và thầy Ba Lý là những nhà dịch thuật rất có tầm cỡ. Thầy Ba Lý dịch nhiều bài kinh trong quyển Nhật tụng bằng lối văn vần bất hủ như tiểu sử Phật Thích Ca, kinh Phật Nhập Niết bàn, kinh Vô Thường Khổ Nãi, Vô Ngã. Và cũng chính nhóm dịch thuật này thành lập tạp chí Ánh Sáng Phật pháp đầu tiên để phổ giáo lý cho người Việt Nam. Nhờ hoạt động Phật pháp tốt nên đã gây tiếng vang rất xa, chẳng bao lâu nhiều nhà trí thức đến cộng tác và hỗ trợ cho công việc truyền bá Phật pháp về Việt Nam. Trong số những người đến tham gia có ông Sáu Tông sau này xuất gia trở thành Hòa Thượng Bửu Chơn, một vị cao tăng đóng góp rất nhiều công trình cho Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam trong giai đoạn đầu.

Về phía cụ Nguyễn Văn Hiếu thì cố công tìm đất xây chùa, ông tìm một khu đất khá lý tưởng và rất thích hợp cho những vị Sa

TỶ KHEO VIÊN MINH

Lặng lẽ

*Xin trả chim đôi cánh
Đôi cánh nhẹ bay xa
Ta trở về lặng lẽ
Một mình ngắm mây qua.*

Phù vân

*Ra đi khắp bốn phương trời
Tìm ai mỗi gót muôn đời còn xa
Ta về gặp lại tình ta
Dấu chân viễn mộng chỉ là phù vân.*

môn chân tu thiền định, đó là chùa Bửu Quang ngày nay. Còn nỗi hoan hỷ nào hơn khi hoài bão và lý tưởng của mình đã thành tựu. Lại nữa hiện nay có nhiều người Việt Nam đã tu theo Phật giáo Nguyên thủy, nên ông lập tức viết thư gửi cho người bạn của mình là bác sĩ Lê Văn Giảng tức Hòa Thượng Hộ Tông nên nghĩ đến việc truyền đạo về Việt Nam. Hòa Thượng lúc này bận việc khảo cứu kinh điển và dịch quyển kinh Nhật Tụng để người Việt tụng niệm công phu tối và sáng. Hòa Thượng bàn lại chuyện này với Hòa Thượng Thiện Luật và được sự đồng ý của Phật tử Việt kiều ở Nam Vang nên Hòa Thượng Thiện Luật về Việt Nam tiếp nhận chùa Bửu Quang đầu tiên.

Lần đầu tiên ở Việt Nam có một vị danh tăng tướng mạo trang nghiêm y bát chỉnh tề đi vào xóm khất thực mỗi buổi sáng ở ngoại ô thành phố. Cử chỉ và việc làm đó quá lạ đối với dân Việt Nam, nên óc tò mò của họ, mỗi buổi chiều dân chúng kéo nhau vào chùa Bửu

Quang vân đạo Hòa Thượng Thiện Luật. Nhờ vậy không bao lâu có được một số Phật tử nòng cốt biết cung kính chư Tăng, biết bố thí và tham thiền. Sở dĩ Hòa Thượng thành công bước đầu như vậy phần lớn cũng nhờ cụ Nguyễn Văn Hiếu và một số bạn bè của cụ. Thế rồi hình ảnh đẹp đó không tồn tại được bao lâu rồi Hòa Thượng phải trở về lại Nam Vang. Cuối cùng chùa Bửu Quang lúc này do cư sĩ tạm thời quản lý. Mặc dù tâm đạo của họ còn non nhưng niềm tin và sự tinh tiến của họ vững chãi. Bận rộn nhiều công việc ở trần thế nhưng ngày nào họ cũng đến tụng kinh lạy Phật và tham thiền như ông Hiếu, ông Hương...

Khi cư sĩ Lê Văn Giảng xuất gia thì lúc bấy giờ cơ duyên về việc hoằng pháp ở Việt Nam đã chín muồi. Chùa chiền thì cụ Nguyễn Văn Hiếu đã xây dựng, chư Tăng lúc bấy giờ đã xuất gia hơn năm vị, kinh sách dịch khá nhiều. Theo lời mời của cụ Nguyễn Văn Hiếu, phái đoàn chư tăng gồm có Hòa Thượng Thiện Luật, Hòa Thượng Huệ Nghiêm và Hòa Thượng Hộ Tông lên đường sang Việt Nam khai sáng Phật pháp. Ngôi chùa các ngài dừng chân là chùa Bửu Quang (Ratana).

Ngôi chùa này là ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy sau ngôi chùa Sùng Phước ở Nam Vang. Truyền thống chư Tăng Nam tông mỗi sáng các ngài điều đi hóa duyên khát thực để cho Phật tử gieo duyên lành trong chánh pháp. Hình thức khát thực rất đặc biệt vừa giới thiệu Phật tử hình ảnh cao đẹp của chư Phật trong quá khứ, vừa nêu cao nếp sống dung dị của chư Tăng và gần gũi với đồng bào Phật tử. Buổi sáng khát thực còn buổi chiều thuyết pháp giảng đạo dạy thiền cho Phật tử, nhất là nhóm Phật tử của cụ Nguyễn Văn Hiếu. Nhóm Phật tử này tuy ít nhưng thuộc thành phần trí thức, do đó họ rất dễ dàng hấp thụ đạo pháp. Nhờ đạo phong, tài đức và lối thuyết giảng của các ngài cộng thêm sự truyền đạt lại của nhóm trí thức đạo pháp cho những người bạn và thân bằng quyến thuộc. Thế là chẳng bao lâu số Phật tử đến quy y theo Phật giáo Nguyên thủy rất đông như gia đình bà Cả và ông Xã Hứa, ông Cả Ngưu ở Phú Nhuận, ông



HT. THÍCH THIỆN TÂM HƯỚNG DẪN CHƯ TĂNG TU TẬP TẠI CHÙA PHÓ MINH (GÒ VẤP)

Hương Giáo Thâm (về sau, xuất gia và là trụ trì chùa Giác Quang), ông Cự Thông Phán, Phạm Côn Lợi, ông Hương, Quyển, Núi, Cầm và ông Nhân...

Càng ngày số tín đồ đông đảo nên mỗi buổi chiều là các ngài luân phiên nhau thuyết giảng Phật pháp và mở lớp dạy giáo lý cũng như hướng dẫn Phật tử pháp môn thiền. Không khí mỗi ngày ở đình Bửu Quang lại thêm sinh động. Lúc này Hòa Thượng Bửu Chơn thì đang trong giai đoạn tu thiền ở rừng trên Nam Vang, cho nên vào mùa hạ thì cụ Nguyễn Văn Hiếu thỉnh Hòa Thượng xuống dạy thiền và giảng đạo cho Phật tử.

Sau đó Hòa Thượng Huệ Nghiêm hóa duyên ở Phú Nhuận và thuận duyên nên ngài được Phật tử hỗ trợ xây một trung tâm thiền

157. “Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.”

158. “Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới giáo hóa người,
Người trí khỏi bị nhiễm.”

(KINH PHÁP CÚ)

định nhỏ để tự tu và hướng dẫn Phật tử tu thiền. Đây là trung tâm thiền định đầu tiên (nay không còn nữa), nhờ có trung tâm thiền định nên Phật tử rất thích đến đây hành đạo để cho tâm tư thanh thản.

Về phía cư sĩ, ông Dương Văn Thêm nhờ hấp thụ Phật pháp do phái đoàn truyền đạo đầu tiên ở chùa Bửu Quang nên ông cảm thấy tuổi đời chồng chất và ngán ngẩm thế sự và rồi ông quyết định cắt tóc tu tại gia ở Bình Đông. Chẳng bao lâu duyên lành hội đủ, ông xuất gia ở Nam Vang và về cốc ở Bình Đông tiếp tục tu hành. Cốc của ngài ở Bình Đông sau này trở thành chùa Giác Quang là một trung tâm truyền bá Phật pháp rất mạnh trong giai đoạn đầu. Tại đây nhiều Phật tử đã quy y trở thành cận sự nam và cận sự nữ hộ trì Phật giáo Nguyên thủy, có rất nhiều vị tăng tài xuất gia tại ngôi chùa này và phụ các ngài trong công cuộc xây dựng ngôi nhà Phật giáo Nguyên thủy.

Thế cho nên phái đoàn truyền giáo do Hòa Thượng Hộ Tông làm trưởng đoàn du nhập Phật giáo Nguyên thủy vào Việt Nam năm 1939 là một thành tựu lớn. Mặc dù lúc đó người ta chỉ thấy có một vài nhà sư áo vàng mỗi buổi sáng khất thực trên đường phố, ấy vậy mà ngày nay nó đã trở thành một tổ chức hệ thống của Phật giáo Nam Tông được nhà nước công nhận.

T.K.T.M



Bén Mê

*Giả dụ ngày mai đời huyễn hoặc
Anh buồn, em cắt tóc đi tu
Giữa muôn trùng khổ trong dần vật
Bây giờ và mãi mãi thiên thu?*

*Giả dụ pháp tăng rời nhân thế
Rằm trăng vẫn sáng cội bồ đề
Ta nguyện ru tình thành viên mãn
Yêu thế làm sao vượt bén mê?*

SG. 15.2.2016

Khi Em Biết

*Khi ta biết em cũng Hồng cũng Cúc
Chữ ân tình như một giọt men say
Khi ta biết ngày tàn chim cu hát
Môi biếc nồng cũng vện giấc mơ ngây...*

*Khi ta biết em cũng vừa thức giấc
Trợn nguồn cơn em khóc đến thu tàn...
Vì vốn dĩ ân tình là góp nhặt...
Bận lòng gì em lỡ bước sang ngang*

*Khi ta biết sầu đời là men đắng...
Thế giới cay và em ngoảnh mặt nhìn
Ồ ra vậy, thành ra khi thành thử
Chút huy hoàng nhạt nhẽo với ngày sang...*

SG 16.3.2015 (ndt)

Duyên hạnh ngộ



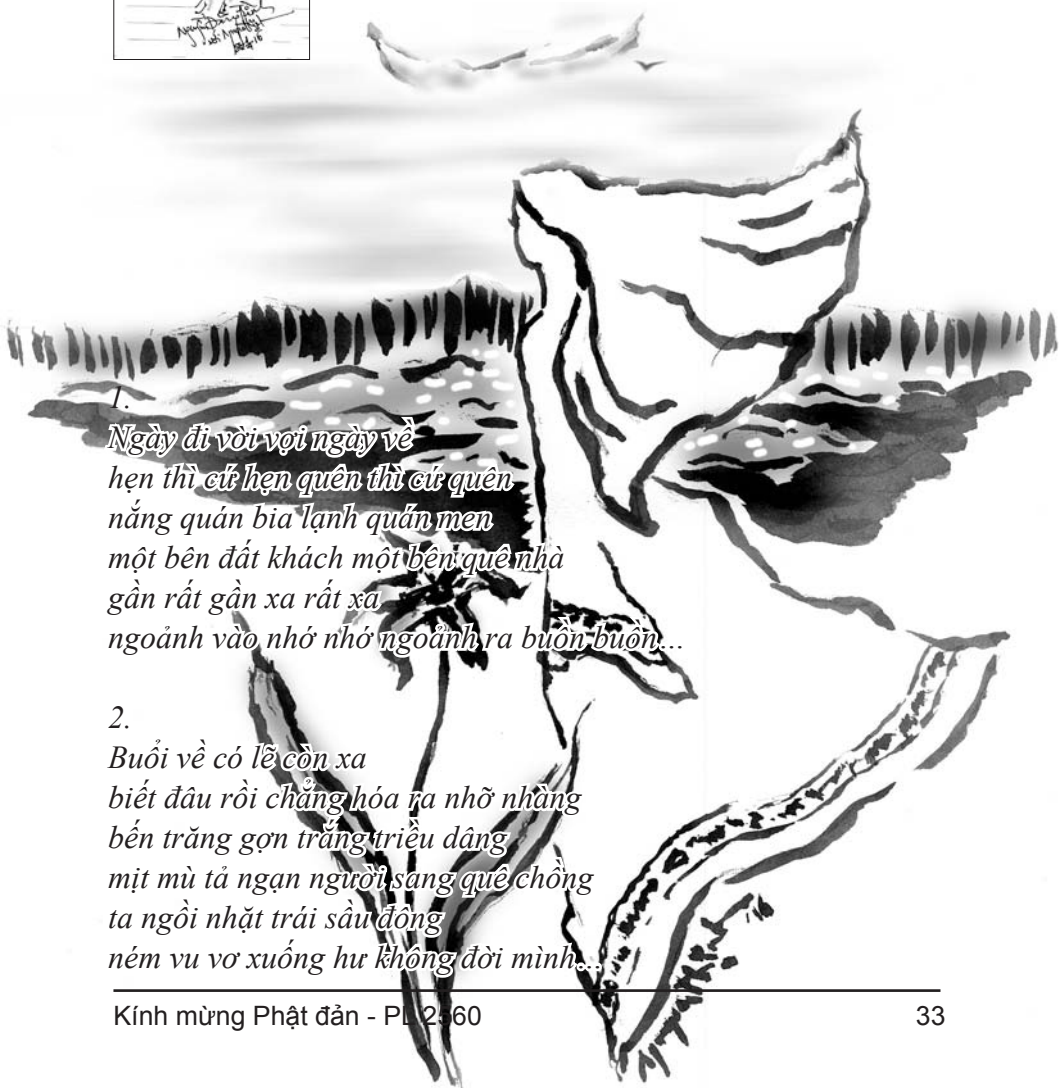
* Tặng chú ĐỖ LONG - TGD BÌNH TÂN Co.

*Độc thánh hiền thấy đời mệnh mông quá
Cánh thần tiên không chớ nổi ước mơ
Trong đời thực từ tâm DUYÊN HẠNH NGỘ
Đỡ đần nhau lên cuộc sống xanh yêu*

LTV 1/2016



Hành Giả



*Ngày đi vời vợi ngày về
hẹn thì cứ hẹn quên thì cứ quên
nắng quán bia lạnh quán men
một bên đất khách một bên quê nhà
gần rất gần xa rất xa
ngoảnh vào nhớ nhớ ngoảnh ra buồn buồn...*

2.

*Buổi về có lẽ còn xa
biết đâu rồi chẳng hóa ra nhờ những
bến trắng gợn trắng triều dâng
mịt mù tà ngạn người sang quê chồng
ta ngòi nhật trái sầu đông
ném vu vơ xuống hư không đời mình...*

Thiền Với Trí Thức



Khi nói về Thiền, người ta có thói quen nhận thức đó là một sự ngưng trệ tất cả các loại hình sinh hoạt chỉ để tập trung vào một đối tượng nhất định nào đó, như hơi thở hay cử động của tay chân.

Thực ra, đây chỉ là một trong nhiều hình thái của Thiền, chứ nó không phải là hình thái duy nhất của Thiền. Trong kinh Duy Ma Cát, khi Ngài Xá Lợi Phất được Phật đề nghị đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cát thì Xá Lợi Phất đánh lễ Phật, rồi bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bệnh

ông. Vì sao? - Nhớ lại trước kia, con từng ở trong rừng ngồi yên lặng (toạ thiền) dưới gốc cây, khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: “Thưa Ngài Xá Lợi Phất? Bất tất ngồi sững đó mới là ngồi yên lặng. Và chẳng ngồi yên lặng là ở trong ba cõi mà không hiện thân ý, mới là ngồi yên lặng; không rời tâm mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên lặng; không rời đạo pháp mà hiện các việc phàm phu, mới là ngồi yên lặng; tâm không trụ trong cũng không ở ngoài mới là ngồi yên lặng; không đoạn phiền não mà vào Niết bàn mới là ngồi yên lặng. Nếu ngồi được như thế là chỗ Phật ẩn khả vậy”. Bạch Thế Tôn, lúc ấy con nghe nói những lời đó rồi, im lặng không trả lời đặng, nên con không dám đến thăm bệnh ông.

Đó là đoạn kinh văn tiêu biểu nhất mà các Phật tử Đại thừa thường sử dụng trong quá trình diễn giải về các hình thức hành thiền. Trong đó họ chú trọng về hình thức Thiền động, tức là vẫn hành thiền trong các hoạt động hàng ngày, mà hoạt động trí óc cũng không nằm ngoài lệ.

Thực ra giới trí thức, các nhà bác học, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, ... là những người tiếp cận với Thiền nhiều nhất, bởi vì hoạt động hàng ngày của họ không khác chi với cách hành thiền của một Thiền sư.

Nhà bác học người Hy Lạp Archimedes (287-212 TCN) khi khám phá ra định luật mang tên ông: “*Thể tích nước trào ra bằng thể tích vật chiếm chỗ*” đã trải qua quá trình nghiên cứu miên mật khi được nhà vua Hiero II giao cho chiếc vương miện bằng vàng được nghi là có pha bạc. Khi Archimedes bước chân vào bồn tắm để thư giãn đôi chút sau những giờ suy tư nát óc thì ánh sáng chợt lóe lên trong đầu ông khi thấy dòng nước chảy tràn trên thành hồ! Ánh sáng bất chợt đó dẫn ông đến ý thức là hãy nhận chìm chiếc vương miện vào bồn tắm rồi đo thể tích nước trào ra sẽ biết thể tích vương miện, từ đó suy ra tỷ trọng của khối kim loại và biết nó là vàng thật hay có pha thứ kim?

Rõ ràng, đứng về bản chất thì ánh sáng lóe lên khi nhà

bác học Archimedes đặt chân vào bồn tắm không khác ánh sáng lóe lên khi một Thiền sư đạt trạng thái “Samadhi”, tức thiền định ở mức thâm diệu. Và khi nhà nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, nhà toán học đang cố gắng giải những phương trình cao cấp, nhà vật lý miệt mài làm những thí nghiệm vật chất,... tất cả đều là thiền định và đều có cơ hội cho những giây phút lóe sáng như Archimedes vậy!

Cũng chính vì vậy khi mà Sri Aurobindo đã chứng đắc thiền định trong Yoga thì ông nói rằng *toàn thể đời sống này đều là Yoga!* Vì ông nhận ra rằng không phải chỉ có những tư thế như đứng một chân, đứng một tay, trồng chuối,... mới là tư thế của Yoga, mà đi, đứng, nằm, ngồi, đọc sách, giải toán, nghiên cứu thiên nhiên,... cũng là Yoga, mà Yoga chính là con đường dẫn đến Thiền định và giải thoát. Còn sư bà Thích Nữ Trí Hải thì nói: *“Bạn có thể vào thiền bằng bất cứ ngõ nào, vì toàn thể đời sống này là một sự thiền định sâu xa: Núi đồi, trăng sao, hoa lá, cây cỏ, toàn trái đất đều đang nhập định. Bởi thế, bất cứ gì cũng có thể trở thành ngõ vào thiền!”*

Có một câu chuyện Thiền như sau:

Thiền Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng đến núi Hoàn Nhạc trụ trì chùa Bát Nhã. Nơi đây, Sư ngày nọ gặp một Sa môn ngày ngày ngồi thiền. Sư nhìn biết là thượng căn, đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền làm gì?

Vị này trả lời:

- Để làm Phật.

Sau đó, Sư lấy một viên gạch, đến trước am của vị này mài liên tục. Sa môn thấy lạ hỏi Sư:

- Thầy mài gạch để làm gì?

Sư đáp:

- Mài để làm gương.

Vị này nói:

- Mài gạch đâu có thể thành gương được?

Đức Phật dạy: “Có người nghe ta giữ đạo, thực hành tâm đại nhân từ, nên đến mắng ta; ta im lặng không phản ứng.

Người kia mắng xong, ta liền hỏi: “Ông đem lễ vật biếu người khác, người kia không nhận thì lễ vật ấy trở về với ông không?”.

Đáp: “Về chứ”. Ta bảo: “Nay ông mắng ta, ta không nhận thì tự ông rước họa vào thân, giống như vang theo tiếng, bóng theo hình, rồi cuộc không thể tránh khỏi. Vậy, hãy cẩn thận, đừng làm điều ác”.

(Kinh Tứ Thập Nhị Chương)

Sư bảo:

- Ngồi thiền cũng không thể thành Phật được.

Sa môn hỏi:

- Vậy làm thế nào mới phải?

Sư hỏi vặn lại:

- Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, phải đánh trâu hay đánh xe?

Vị Sa môn lặng thinh, Sư nói tiếp:

- Người học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không tướng nhất định, đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngồi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng đạt ý kia.

Sa môn này chẳng ai khác hơn là Giang Tây Pháp chủ Mã Tổ Đạo Nhất sau này.

Qua câu chuyện trên chúng ta thấy rằng khi Phật giáo từ Ấn Độ được truyền sang Trung Hoa, đến thời Lục Tổ Huệ Năng thì Thiền không còn khô cứng trong những pháp tòa mà trở nên rất sinh động, bởi thế khi Thiền từ Trung Hoa sang Nhật Bản thì phát sinh Trà Đạo hay Trà Thiền, một hình thức Thiền động, gắn kết với một loại hình hoạt động nào đó trong đời sống bình thường.

Nếu một bác sĩ hết sức tận tụy với bệnh nhân, gắn kết đời sống mình với việc cứu người thì cũng có thể gọi đó là Y đạo, một con đường Thiền của nghề nghiệp bác sĩ.

Và như vậy, Thiền là hoa trái của tất cả mọi người, mọi ngành nghề. Đặc biệt giới trí thức hành thiền lại có nhiều cơ hội chứng ngộ vì hàng ngày tư duy của họ đã tiếp cận được với Đạo, sự Định của họ thường xuyên hơn và Trí huệ phát khởi dễ dàng hơn.

Cho nên trong tác phẩm “Đạo của Vật Lý” (The Tao Of Physics – Nguyễn Tường Bách dịch), Fritjof Capra đã viết: *“Trên bước du hành vào thế giới cực nhỏ về mặt triết học, bước đầu là bước quan trọng nhất: Bước đi vào thế giới nguyên tử. Tìm hiểu nguyên tử và nghiên cứu cơ cấu của nó, khoa học đã vượt qua biên giới của khả năng nhận thức bằng giác quan. Do vậy, khoa học không còn thấy vững tin hoàn toàn nơi logic và óc suy luận nữa. Thế giới nguyên tử hé mở cho nhà khoa học thấy chút ít tự tính của sự vật. Cũng như nhà đạo học, nhà vật lý bây giờ cũng phải đương đầu với kinh nghiệm phi giác quan về thực tại và cũng như nhà đạo học, họ cũng phải trần trở với những tính chất nghịch lý của các kinh nghiệm này”.*

Và ở khía cạnh này thì Fritjof Capra đang muốn nói với chúng ta rằng nhà khoa học đang làm công việc của một vị Thiền sư khi cả hai đều đang đi sâu vào tâm thức mình!

ĐẠO LÀM NGƯỜI

LÀM CON PHẢI KÍNH THUẬN CHA MẸ VỚI 5 ĐIỀU:

1. Cung phụng không để thiếu thốn.
2. Muốn làm gì thưa cha mẹ biết.
3. Không trái điều cha mẹ làm.
4. Không trái điều cha mẹ dạy.
5. Không cản chánh nghiệp mà cha mẹ làm.

LÀM CHA MẸ LẤY NĂM ĐIỀU CHĂM SÓC CON CÁI:

1. Ngăn con đừng để làm ác.
2. Chỉ bày những điều ngay lành.
3. Thương yêu đến tận xương tủy.
4. Chọn nơi hôn phối tốt đẹp.
5. Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.

ĐẠO NGHĨA VỢ CHỒNG:

Chồng phải có năm điều đối với vợ:

1. Lấy lễ đối đãi nhau.
2. Oai nghiêm không nghiệt.
3. Tùy thời cung cấp y, thực.
4. Tùy thời cho trang sức.
5. Phó thác việc nhà.

Vợ cũng phải lấy năm việc cung kính đối với chồng:

1. Dậy trước.
2. Ngồi sau.
3. Nói lời hòa nhã.
4. Kính nhường tùy thuận.
5. Đón trước ý chồng.

(Kinh Thiện Sanh)

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT

Trong kinh nói: “Người nào chí tâm niệm Phật, được mười món công đức như sau:

1. Thường được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức A-Di-Đà phóng quang nhiếp thọ.
2. Thường được các vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm thủ hộ.
3. Ngày đêm thường được chư Thiên cùng Đại lực Thần tướng ẩn hình ủng hộ.
4. Tất cả Dạ xoa, ác quỷ, rắn độc, thuốc độc đều không thể làm hại.
5. Không bị những tai nạn: nước, lửa, đao, tên, gông, xiềng, lao ngục, giặc cướp, oan gia, cùng các thứ chết dữ.
6. Những tội đã làm thảy đều tiêu diệt, những kẻ chết oan vì mình đều được giải thoát, không còn kết oán ràng buộc.
7. Ban đêm nằm ngủ thường thấy điềm lành, hoặc thấy sắc thân trắng diệu của Phật A-Di-Đà.
8. Tâm thường vui vẻ, sắc thường tươi nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp lợi ích.
9. Mọi người trông thấy đều vui mừng, cung kính hoặc lễ bái cũng như kính Phật.
10. Khi mạng chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được Tây phương Tam Thánh tiếp dẫn sanh về Tịnh Độ hưởng sự an vui không cùng.

(Kinh Công đức Niệm Phật)

Kéo rặng bao nhiêu sao?



Tôi thích được đứng thật yên ngoài hiên thiền đường để nhìn mây trắng phủ kín núi rừng. Tôi thích được nghe tiếng chuông báo chúng của Sư chú mỗi sáng, mỗi chiều, thông thả vọng xa trong không gian. Tôi thích được nhìn một cánh chim nhỏ lơ lửng đứng yên giữa khung trời chiều mênh mông.

Tôi thích được nhìn bầu trời đêm của rừng núi lấp lánh ngàn vạn vì tinh tú vụn vỡ. Tôi thích được ngồi dưới cội cây già nhìn xuống phố thị xa xăm có trăm ngàn ánh đèn lấp loáng như những châu báu ngọc ngà trong truyện thần thoại.

Tôi thích những buổi sáng đi thiền hành giữa rừng đan mộc, có hàng cây cao trăm tuổi ngược mặt nhìn không thấy ngọn. Tôi thích được lang thang trong những khu rừng già tối âm u thỉnh thoảng có vài vệt nắng như từ thiên đường rọi xuống.

Tôi thích được ngắm những buổi chiều hoàng hôn nắng nhuộm vàng rừng núi. Tôi thích được nhìn ra vịnh biển xa xôi có bọt sóng viền trắng bờ. Tôi thích nắm giữ lại một vài giọt ánh trắng trong lòng bàn tay.

Tôi thích đọc những bài chia sẻ rất thật lòng mình như tâm hồn của một vị tu sĩ mới xuất gia. Tôi thích những bước chân vững chãi, tự nhiên và nhẹ như cỏ lá của một người cư sĩ, bước vào rừng không động cỏ, vào nước không dậy sóng, bước tới thành thoi.

Tôi thích được trèo lên những tảng đá nằm thật yên ngủ quên rồi thấy mình là mây trôi vào Phương Vân Am. Tôi thích con đường thiền hành sáng nay có mây kéo vào che kín lối đi. Tôi thích cõi tịnh độ của tôi, nào có khác gì hơn bây giờ và ở đây đâu?

Tôi thích những ngày có mây mưa trôi ngang qua tàn lá của rừng già, chợt hóa thân thành ngàn giọt nước mát rơi rụng xuống ướt vai. Tôi thích ngồi yên bên vách đá buổi trưa nghe tiếng của thỉnh lặng rơi trong không trung.

Tôi thích được ngồi trong cốc nhỏ bằng gỗ của một ẩn sĩ nghe kể chuyện ngày xưa, rồi một lần rời xa phố thị. Tôi thích những con đường thiền hành nhỏ quanh co có chên vênh ghềnh đá. Tôi thích được nằm xuống ngủ thật yên dưới bầu trời khuya có hàng thông đứng im in bóng trên nền trời đầy sao vang tiếng rừng đêm.

Tôi thích những hôm có vài áng mây trắng về ngủ yên trên mặt biển. Tôi thích được thấy lại mình trong một chú tiểu nhỏ, ngồi im lặng trong thiền đường ngược lên nhìn Phật. Tôi thích được nhìn bình minh mọc trên biển, hoàng hôn về trên núi.

Tôi thích đặt chân trên con đường thiền hành thật êm lót bằng lá đan mộc nhỏ như lá me. Tôi thích những đóa hoa rừng màu vàng, tím mọc hai bên đường giữa mùa đông. Tôi thích được ngắm một con chim xanh thật lạ về đậu trên tảng đá dưới một cội cây già.

Tôi thích hóa thành mây bay ra biển rồi trở về làm mưa tưới mát núi rừng. Tôi thích được ngồi uống trà với người bạn quen, cuộc đời cũng có lúc ấm như những ngày mưa mùa đông

*Bố thí, hành đúng Pháp
Giúp ích hàng quyến thuộc
Giữ chánh mạng trong đời
Là phúc lành cao thượng.*

*Xả ly tâm niệm ác
Chế ngự không say sưa
Trong pháp không phóng dật
Là phúc lành cao thượng.*

*Biết cung kính khiêm nhường
Tri túc và tri ân
Đúng thời nghe chánh pháp
Là phúc lành cao thượng.*

(KINH HẠNH PHÚC)

qua núi.

Tôi thích được bước qua Tô đường và biết rằng ngàn đời sau người xưa vẫn có mặt trong mỗi bước chân ta đi. Tôi thích được làm chú tiểu của Huyền Không, *chùa xưa mái ngói cũ, trèo lên nắm cây sào, đêm khuya rồi không ngủ, kéo rặng bao nhiêu sao?*

Tôi thích được nghe những câu chuyện về tấm lòng của các vị thiền sư ngày xưa, bao dung và độ lượng, sẵn sàng nhận lãnh hết mọi chê bai và khổ đau của cuộc đời.

Và nếu như bạn có trách tôi sao vẫn còn ưa thích nhiều quá, thì cũng đành chịu thôi. Tôi thì thích được ngồi thật yên để thấy, để nghe, để cảm nhận trọn vẹn cuộc đời này, và đôi khi là để làm những gì mình thích.

Hạnh phúc chỉ là đơn sơ và giản dị thế thôi.

N.D.N

Tâm ta là Phật!



Tuấn vẫn thích chủ đề này; đầu óc rối bù, càng đọc tụng, càng mờ mịt. Từ ngày vô tình tìm thấy cuốn sách “bước đầu học Phật” trên ngăn kệ sách trong tiệm bán sách cũ, như vớ được của quý, ngấu nghiến đọc.

- Bạn tu đến đâu rồi? Hoàng, bạn học cùng lớp giáo lý, hỏi.

Tuấn ngẩng đầu để xoa mớ tóc phủ trán. Trên bàn ngón ngang sách bút. Cặp mắt lờ đờ như thiếu ngủ, vài vệt chỉ đỏ trong lòng trắng con mắt làm cho khuôn mặt thất thần, dữ tợn hơn. Chống hai cùi chỏ lên mặt bàn, tựa cằm vào hai lòng bàn tay, Tuấn đáp:

- Tu hành gì vậy, những giáo lý quý thầy dạy, chỉ là lớp vỡ lòng, không đúng nhu cầu học Phật của tao.

- Thế bạn đọc được những gì ngoài giáo lý căn bản đó? -
Hoàng hỏi

- Càng đọc, càng thấy phi lý và mâu thuẫn lẫn nhau. -
Tuấn cầu nhàu. Này nhé, kinh Pháp Hoa bảo đây là bộ kinh tối thượng, rồi Địa Tạng và những kinh khác cũng tự nhận mình là tối thượng; cái nào cũng tối thượng thì cái nào là không tối thượng? Niệm Phật là pháp tối thắng, Thiền cũng là pháp tối thắng, Kim cang thừa cũng là tối thắng... thế thì biết tu cái nào?

Hoàng im lặng để nghe Tuấn bộc lộ những bực dọc mà trước đây Tuấn từng phần khởi khi bước vào Phật giáo. Tuấn uyển bác về lý luận giáo lý nhà Phật, kinh nào, luận nào Tuấn cũng nắm rõ yếu lý để rồi tự mình rối rắm trước rừng kiến thức, không biết cái nào là yếu lý để chọn.

- Sao, vậy thầy tao nói đúng không? Tuấn hỏi.

- Bạn nói rất đúng, nhưng đúng đối với bạn thôi. Hoàng
giễu cợt

- Thế nào, vậy nói sao? Đối với vậy là không đúng? Tuấn
sùng sộ.

- Trong cuộc sống cũng thế thôi, bạn thấy đấy, optalidon, tiffy, tylenol, panadol... cái nào cũng nói là tốt, có loại thuốc nào bảo là xấu đâu, thế thì tại sao có người thích loại này mà không thích loại kia. Gạo là thực phẩm chính cũng đã có hàng trăm loại, có ai bảo gạo này là thực phẩm phụ, gạo kia là thực phẩm chính? Hoàng phân tích.

- Ủ, cũng tạm có lý, vậy trong kinh Kim Cang lý luận: *Bố*

thí không phải bồ thí mới gọi là bồ thí. Bồ Tát thấy có chúng sanh được độ thì chưa phải độ. Tâm kinh Bát Nhã lại nói: *Ngài Quán tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa trí Bát Nhã rốt ráo thì thấy năm uẩn đều không có... không có chúng đấng...* Không có gì ráo thì tu làm gì?

Đã không có gì ráo trội thì Như Huyền Thiên sư bảo: “*Ta sẽ hòa tan với Pháp thân! Viễn ly căn cảnh, viễn ly trần*”, đã không có thì lấy gì hòa tan vào pháp thân.

Đã có pháp thân và cái không phải pháp thân, thế là hai cái biệt lập làm sao hòa tan nhau được? “*Viễn ly căn cảnh, viễn ly trần*”, căn cảnh nó là trần, viễn ly căn cảnh còn trần nào nữa để viễn ly thêm lần nữa?? Đây, Phật giáo có nhiều cái mâu thuẫn, lằng lằng làm rối tung người tìm hiểu học hỏi. - Tuần lại lầu bàu khó chịu.

Hoàng mუმ mím cười như trâu chọc đũa bé lên năm nhõng nhẽo.

- Vậy thì thế nào? Bạn có tiếp tục con đường đã chọn về Phật giáo chứ?

- Ồ hay, không chọn thì chọn cái gì để cuộc sống bớt tẻ nhạt đây? Lỡ phóng lao phải theo lao, nhưng theo cách nào, hướng nào thì đang mù tịt. Tuần phân bua.

- Tịnh độ niệm Phật, Mật tông, Thiền, trong ba chọn một chứ theo cách nào nữa.

Hoàng khích tướng.

- Nói thật với mày, tao chả biết nói sao về tam tông đó, đầu óc tao luôn tìm tòi soi bói, không dễ ngồi yên chấp nhận niệm Phật chờ vãng sanh. Mật tông thì xin bye-bye vì không thích hợp, vì có vẻ huyền thuật quá. Thiền ư? Khẩu đầu thiền, tham thoại đầu làm thần kinh căng thẳng quá, sỗ tức quán hay Vipassana là cách tự kỷ ám thị để quên đi thực tại chung quanh; phản văn văn tự tánh có khác gì tham thoại đầu! Tóm lại, cả ba tông phái, thậm chí Hoa Nghiêm và Pháp Hoa tông cũng thế, chả có tông nào đề cập đến Từ Bi Trí tuệ, chả ăn nhập gì đến bát Thánh đạo, Tứ đế mà

giáo lý nguyên thủy đức Phật đã dạy, hình như ngày càng xa rời chánh pháp do phương tiện chế pháp của chư Tổ muốn thích ứng với đời. Phải chăng đó là ngoại đạo? - Tuấn mơ hồ tự hỏi.

- Bạn đã vướng quá nhiều về lý luận, bị lưới tri kiến vây chặt. Bạn phải tự cởi trói để mình được thông dong bước vào chân trời mới.

Hoàng ngưng, không nói thêm, vì càng nói, Tuấn càng bị vướng thêm về suy diễn.

Tiếng gõ cửa, - cứ vào - Tuấn đáp mà không buồn nhìn ra ngoài.

- Anh cho xin tiền rác 2 tháng. - người đồ rác lễ phép.

Tuấn loay hoay móc túi, biên lai báo tiền điện lòi ra, có vẻ lúng túng, nhìn người đồ rác như muốn khát nợ. Hoàng hiểu ý, chìa tấm giấy bạc xanh đưa cho Tuấn.

Như biết then, Tuấn bào chữa - thú thật với mây, bước vào đám rừng giáo lý, trí óc tao bị rối tung, lắm khi không phân biệt ngày đêm, mộng và thực, ngay cả đủ thứ nợ như thế này tao cũng hồng nhớ!

- Xem chừng bạn bị tẩu hỏa nhập ma đấy. - Hoàng nhắc nhở.

- Ma nào mà nhập tao được, tao có tu luyện gì mà tẩu hỏa. Thú thật với mây, lý thuyết và thực tế xa nhau quá, giới luật và các Sư như hai kẻ xa lạ, không từng quen biết nhau, tao chẳng biết bám víu vào đâu. - Tuấn phàn nàn.

- Ô hay, Phật đã dạy, mình hãy tự nương chính mình, mình là hải đảo tự thân, lấy giới luật làm thầy, không nương tựa vào bất cứ ai thì làm sao rối loạn, thất vọng được. - Hoàng nhắc nhở.

Tiếng động mạnh từ nhà bếp, chiếc chảo rơi từ trên cao, con mèo vội nhảy ra vườn. Tuấn tỉnh giấc, đảo mắt nhìn bóng đêm vây phủ ngoài sân. Biết là mình chìm trong giấc ngủ suốt

buổi chiều, trên tay đang cầm cuốn sách “*Mộng và thực*”, trên ngực còn cuốn “*Vô lượng pháp môn tu*” đọc dang dở. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh đâu không thấy mà chỉ thấy ma tánh khùng bố cuộc sống, chung quanh đều chìm trong bể khổ.

Gió từ quạt máy bay phàn phật tờ lịch, Tuấn nhìn lên, ngày rằm tháng 4 năm Bính Thân – Bảy đóa sen hồng nâng gót ngọc, hình Phật đản sanh trên bảy đóa sen, Tuấn sực tỉnh, ừ, làm gì có Phật, từ ngày học Phật, mình từ bỏ cuộc vui nơi chốn sa đọa, đam mê lợi bôi trong rừng giáo lý vẫn không thấy Phật.

Tiếng nói xa xôi vọng lại trong tai Tuấn: “*Phật đâu mà tìm, chính người là Phật từ vô lượng kiếp, tại sao mãi trôi lăn trong phàm tục, rồi lặn hụp trong ngôn ngữ của kiến giải mà đi tìm Phật?*”

MINH MÃN

VỀ CHÙA

*Mưa chiều...
tạt mái hiên chùa
Lay bay...
rơi nhẹ
như ru tháp buồn
Bên tách trà nóng
đầy hương
Tâm rơi ý niệm
con đường tử - sinh...
Mặt hồ
tĩnh - lặng - biếc - xanh
Tung tăng đàn cá
say tình rượt nhau
Chờng như...
trong cõi chiêm bao
Đường về an lạc
tìm đâu...
chốn này!*

Viết tại chùa Phổ Quang,
CưMgar, Đắk Lắk.

Jacaranda

Rời Sài Gòn trên chuyến bay đêm đầy sương lạnh, người để lại sau lưng cái nóng, bụi đường và những ngóng chờ...

Hơn tám giờ bay, khoảng thời gian đủ để làm cho cánh gió chập chờn nghiêng mình tròn giấc. Vòng bay giữa mây trời mang thương nhớ nối đêm-ngày-tối-sáng và bao cơn mộng-tỉnh-say.

Không còn niềm háo hức như ngày xưa ấy mơ một bình minh sớm bồi hồi xú xa. Không phải trăn trở lo âu cho những gì xa lạ và mới mẻ phía bờ kia chân trời đang đợi mình.

Chuyến bay đưa người đi là đưa người về với hoài niệm một ngày, là để cho người ở lại đỡ mắt trông. Là ra đi mà cũng là trở về. Ra đi rời xa phố nóng đang Thu trở về nơi ấy cuối Đông một mình cho bận bịu công việc.

Kéo va-ly dưới tán Jacaranda, người buông bước thả gót chân tìm về bên từng cánh tím trên thảm mộng Tử-Uy.

1. Jacaranda, tôi gọi nàng cho đêm nay, mơ hồ sao.

Nàng nở tím ử sắc trời, gom nắng mai thấp một ngày vui e ấp.

Đó là cái duyên thâm bền lễn của Tử-uy hoa bên bờ xa hoang dại.

Đó là cái dịu dàng của Dạ lan hương nương theo gió hòa vào sương tìm đến người trong trong tận cùng ngõ ngách của đêm.

Ngày then thừng, duyên trời em đến. Nắng đọng đưa khua gió, môi trời em khơi cho vạn điệp thương sơn hóa màu mắt biếc. Hàng nối hàng. Hoa trải hoa. Khấp triền đồi hoang tím. Vòng xoắn cung nâng bước lãng du. Ngơ ngẩn nhìn. Jacaranda – thiên đường đẹp nhất nơi em, vẽ kiêu diễm chiêm ngắm, rót đầy ử sắc màu phủ hồn tôi trong niềm phúc lạc. Ngưỡng vọng một cõi phiêu linh. *A wonderful slice of heaven - a beautiful sight to behold - filling my senses with colours of joy and painting my soul in awe...*

Lời xưa, thơ viết cho hoa hôm nay. Nhạc, người hát cho mỗi duyên trời, còn em vẽ thiên đường tình yêu đầy sắc tím. Hoa bay theo hoa. Gió đưa hương theo gió. Miên viễn một mối tương tư. Người yêu phố này như tôi yêu em. *They love this town like I love you...*

Thế giới của Jacaranda là sắc tím chiều và dạ hương sương. Down the gravel road... Đêm sâu khắc khoải. Sương đọng giọt, sao trời lấp lánh. Jacaranda cũng bắt đầu ngào ngạt. Đêm nay, phố trời mờ tối. Tôi chênh vênh dưới sắc sao sương và Jacaranda mi mảnh hương buông lơ lửng tha thiết gọi mời: *Hát lên đi, nữ thần Muses ơi, thác lời tôi.....*

Nhìn những mùa thu đi, em nghe sầu lên trong nắng. Và là rưng ngoài song, nghe tên mình vào quên lãng, nghe tháng ngày chết trong thu vàng... Gió heo may đã về. Chiều tím loang via hè. Và gió hôn tóc thề. Rồi mùa thu bay đi...

Ôi, thu vàng của Trịnh, ở xứ sở này hóa sắc tím mộng寐
đêm chơi vui. Đêm của ngàn sao khép mắt. Đêm của mơ hồ, ảo
giác. Đêm vô thường. *Thương cho người và lạnh lùng riêng*. Đêm
của riêng em - Jacaranda. Tôi gọi em: Mỏng manh, huyền hồ lạnh.
Cái lạnh từ cõi người đang đóng băng cảm giác, một thứ cảm giác
được gọi dậy từ vô thức phủ đầy sắc Tử-uy. Xứ hoa, khí trời phiêu
dật. Ta lặng nhìn ta. Ta lắng nghe ta. Thì thầm gọi tên...

2. Jacaranda - ôi, mắt phố...

Vũ điệu đêm ngàn sao cất lên trong miên man thỏn thức,
trong da diết nhớ.

Chớp mắt, rèm mi buông cho màn đêm chìm vào tịch lặng.
Dặm dài một cõi mơ hoang độc hành dạ khúc, đường xưa tìm về
nhật nhòa ký ức, mãi mê hoa...

Bản tình ca xa rồi, điệp khúc lãng đãng rơi, không niêm,
không luật, không gò theo khuôn sáo ca từ, tiết điệu. Như bài ca
của Tilopa còn dang dở, Jacaranda – khúc miên du lạc mất giai
âm, bỏ rơi điệp khúc.

Ca âm vọng động trong mắt trời hóa sao, hòa vào sương giá
trở mình chông chênh. Cái chông chênh của hoa, của người. Hoa
hát cho đời bằng mùi hương và nước mắt. Người hát cho mình
bằng nỗi cô đơn. Cái chông chênh của lá. Lá làm phím cho sương
gieo, đàn điệu khúc cho đời trong cái lạnh xuyên đêm. Màn đêm
khép, buông mở ảo khúc thoát thoát du phi sắc tía. Khép – mở
song trùng sắc – hương gọi lòng người ngân nga...

Thinking of you, I'm thinking of you...

Người khép gối dưới vòm hương tối, giữa sắc đêm, bên
Jacaranda, lặng đếm sao, đếm nhịp tim lưu lãng cùng hoa và lá
rụng... Đếm cho mình. Đếm cho người và cho những mùa thu.
Rồi mùa bay đi... Thế giới cũng bay đi tan trong hư vô, trong sắc
tím buồn. Đồng vọng, tương tư, giọng ca buồn ai tự hát cho mình
đêm nay... *alone for a while..... the love you left inside my lonely
heart,...* thảng hoặc từ xa... băng lạnh...

Cỏ Ba Lá

Cỏ Ba Lá ngày nào
vẫn dễ thương
như em,
như nụ cười em lúng liếng
bên người...

Và mùa thu
cũng dễ thương như ánh mắt em
nhìn người...

Người và em
như cỏ ba lá và gió thu
Qua chiều
nhuộm hoàng hôn tím...

Và hoàng hôn,
trên lá cỏ,
trong mắt người
đã một màu xanh...

Nguyễn Hữu Tinh

Giai âm lãng lư vô biên, như hoa tím vô cầu, bay trong hương. Lãng du, hoa đến với người như sự giải thoát, như tất yếu cho sự truy cầu thức ngộ tìm về cái đẹp nguyên sơ.

Và ta trong ta, trong cơn ảo mị đêm nay, giữa cuộc hiện sinh này, ta buông bỏ ta, cùng trăng, hoa, mộng, điệp vầy một cuộc vũ lộng – một cuộc chơi bất tận cõi người.

N.H.T

NHẬT CHIÊU

TÔI
Là một kẻ
khác

thơ giao lời kẻ
& thơ tượng quê



Giữa Thế Giới Của Muôn Điều Có Thể...

1. Tôi là...

Hôm nao, một chiều như mọi chiều khác, vẫn mây bay, lá rụng và trước mắt bao thị phi rơi rớt giữa đời, tôi đưa tay hứng lấy bóng chiều và lang thang trên cung đường hoài niệm nhuộm đầy hoa khói.

Hoa khói như mây, như lá vàng... như mắt nâu... vương râu gầy năm tháng.

Hoa khói rơi như mưa. *Mưa tháng năm - cứ rơi như thế - rơi vào cơn mơ (Shiki).*

Lạc lối giữa cơn mơ, giữa cõi người, và vùng trời hoa khói ấy, tôi là cơn mơ, cơn mơ lằm lạp của đời rơi xuống đời tôi, lặng lẽ gieo rắc vào tâm tư những ý niệm về sự sống và cái chết, tinh thần tự do lưu lãng và cuộc sống khép gối quấn quanh của kiếp *Người trong bao*, hoài nghi cái hiện hữu của thân phận và cái ảo giác giăng khắp trời cô liêu – đầy ám thị của cái gọi là “**Tôi là...**”: Tôi là ai giữa cuộc đời này? *Là ai? Là ai?* — như trong câu ca một thời nhạc Trịnh — mà miên man suy nghĩ “tôi là ai?” nhưng vốn dĩ “*con người nghĩ mà không nghĩ, y suy nghĩ như mưa rào từ trời cao, suy nghĩ như sóng rờn trên mặt biển, y suy nghĩ như tán lá xanh rờn ra dưới làn gió xuân sang. Quả thực, y là nước, là biển, là sao, là lá.*” (D.Suzuki).

2. ...ai...

Tôi ngân nga hát thầm mấy câu bài *Tôi Oi Đừng Tuyệt Vọng* của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:

Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng

Lá mùa thu rơi rụng giữa mùa đông

Đừng tuyệt vọng, em ơi đừng tuyệt vọng

Em là tôi và tôi cũng là em.

Tôi đâu biết rằng, trong lúc tôi đang hát thì cơ thể tôi từ từ tan. Tôi tan ra trong hư vô, tan ra trong mơ hồ. Áo ảnh khắp trời cuốn tôi đi, đi trong tịch lặng, đi như tịch lặng. Như Từ Thức lạc vào động tiên, tôi đi, đi vào mê cung những con đại lộ không có lòng đường. Giao lộ lên đến hàng trăm ngã rẽ. Đèn giao thông cắm trên những tòa cao ốc. Xe cộ chen chúc rượt đuổi nhau trên miệng những hố ga không có nắp, lao băng băng giữa lòng những công trình đang thi công dang dở đầy bùn lầy nước bẩn.

Tôi ngờ ngẩn nhìn những chiếc xe không bánh, không người lái vật vờ gặm thết nhả khói bụi trước cửa những cửa hàng trống không nằm sát nhau, khách buôn tấp nập trả giá ngã lời mua bán hư không.

Hai bên đường dọc dài những hàng cây không có gốc. Những cô bán hàng rong chỉ ngồi cười. Nụ cười lung linh trên đôi môi đỏ mọng, hàng răng trắng không dính vào nước.

Tôi đứng dưới bóng những cây cổ thụ không còn lá, thân phủ xanh một màu rêu hoang dại, rễ mọc ra tua tủa từ những chiếc lá mới rụng còn vương vãi. Trẻ con nô nức đi hái trái. Ở xứ sở này, người ta trồng được những loài cây kỳ diệu, những loài cây mà từ lâu người ta có thể có trong truyện Doraemon được tạo ra từ những bảo bối của anh chàng mèo máy đến từ thế kỷ 22.

Ở miền đất này, người ta tạo ra đủ loại hạt giống: hạt giống thực vật trồng nên cây cỏ. Hạt giống đồ dùng trồng nên mọi thức ăn thức uống và bao vật dụng khác. Hạt giống động vật trồng ra muôn thú chim muông. Hạt giống tâm hồn để trồng-người. Và con người ở đây còn tự biết trồng mình để hái trái-người cho đời sau.

Hàng cây trước mắt tôi - người ta bảo đó là “lối đi của những thi phi”, nên cây trồng xen kẽ đủ loại: cây **Người**, cây **Thú** và cây **Vật** kéo dài ngút ngàn tầm mắt.

Tôi lặng ngắm những cây trái huyền bí ấy một cách say mê mà không biết rằng bản thân mình đang dần dần tự thay đổi hình dạng bên cây - như kỳ không đổi màu sắc thích nghi cảnh vật - nơi xứ sở này

*tôi là cọng cỏ dại
từng mọc ngày XUA rồi
tôi là cọng cỏ dại
sẽ mọc ngày sau thôi.*

*tôi là một con sâu
đo hoài cái không biết
đo THỬ cái thiên thâu
và đo CHOI cái sâu.*

*tôi là chiếc giếng không
giữa một thời không giếng
nằm mơ người đang KHÁT
đang kéo chiếc gàu không*

Trích “TÔI LÀ MỘT KẺ KHÁC” của NHẬT CHIÊU

trong cái-xa-lạ-đầy-thân-thuộc mà tôi không tài nào lý giải được.

Tôi ngắm Cây **Chim Sẻ**. Ra trái quanh năm. Trái nở ra chim sẻ. Chim sẻ bay khắp trời. Chim sẻ lang thang trên phố, ngòi lặng lẽ trong những coffee lounge, hay miệt mài đầu sân cuối phố.

Và tôi, trong bồng chốc,
*Tôi là con chim sẻ
mổ hạt bên lề đường
rồi đập làn gió nhẹ
lên mây mà DU dương (1)*

Tôi đứng bên một Cây **Gái Diêm**. Sai trĩu quả. Trái chín rụng xuống hóa thành cô gái diêm. Gái diêm đứng dưới gốc cây, *như một tín đồ không ưa bọn nhà thơ, không tin ai khác mộng ngoài kẻ được TRUYỀN mơ. (2)* Đêm đến gái diêm lang thang tìm đất lạnh gieo hạt - dưới sương khuya - dưới làn mưa tinh trúc... (3)

Tôi thấy một người quen, rồi nhiều người quen khác cùng đứng dưới gốc cây. Tôi không còn nhớ tên họ. Chỉ thấy quen quen cái trái hói, thấp thoáng cái đầu bạc lơ thơ vài sợi tóc. Tôi nhìn lại mình, và ...

Tôi là một con điếm (4)
Đêm mưa ĐỨNG trên cầu
Tôi cùng mưa lấp liếm
Dồn lại những SÁU lâu

Mệt mỏi quá và bàng hoàng không dứt, tôi bước tiếp bước đến một cây cao và to hơn. Lá sum suê tên gọi: cây mặt nạ.

Cây **Mặt Nạ**. Mặt nạ treo đầy cành. Người người tự do hái. Người người đeo mặt nạ. Mặt nạ rụng dày dưới gốc cây. Gió đi hoang mang theo mặt nạ bay khắp trời, trút xuống phố phường thành mưa - những cơn mưa mặt nạ. Mặt nạ rớt xuống tôi.

Tôi là chiếc mặt nạ (5)
đi qua ngàn kiếp đời
mặt nạ thành vô giá
ngàn kiếp chùng rề ôi

Tôi bước qua đường khác, nơi những hàng cây hóa đá, mở mắt nở *Môi Mưa*, mọc giữa lòng đường - ôi, những con đường như những con *Đằm Cạn Nước*. Người ta gieo ở đây những hạt giống của những loài cây bất tử.

Người ta gieo hạt của gió. Gieo bao mùa - *Gió Theo Gió*, và gió rung giật giữa *Bầu Trời Dưới Sấm*, giữa đêm thâu, lang thang trên cầu cùng kĩ nữ ... *lấp liếm dồn lại* hay cuồng loạn *GIỮA* bầy gái điếm để tìm một nàng tiên... lên mây. (6)

Người ta gieo hạt của mưa. *Mưa Và Đất*. Tháng năm trôi. Mưa ngấm vào lòng sâu - *một làn mưa tinh trút - tẩy trần PHÚT* hiển linh để trăm năm qua giữa bao biến động thế sự đổi thay, mưa qua chiều tan nhanh như khói, tan mờ vào ảo ảnh. Ôi ảo ảnh cơn mưa, *trên đường trắng mộng du* còn lại *vũng nước đọng*. (7)

3...., một ai đó.

Cứ thế, cây tiếp cây, và người tiếp người, vật và muôn thú khắp nơi. Tôi thâm nghĩ ở đây, những học-giả-xứ-sở-người chắc sẽ không còn chỗ đứng, người ta có thể hái các giáo sư, hái tiến sĩ, hái các nhà khoa học từ cây?.

Tôi có một người bạn, anh ta đang làm tiến sĩ. Một ý nghĩ thoáng qua, không biết ở đây, anh ta có bị treo trên cây tiến sĩ không nhỉ? Anh ta chưa tốt nghiệp, vậy chắc còn là trái non. Tôi thử đi tìm mới được.

Và theo sự chỉ dẫn của một con **vịt xấu** từ gốc cây **Vịt Mẹ**, tôi đi tìm cây tiến sĩ và cây giáo sư để tìm ra tôi và tìm những người tôi yêu quý.

Tôi len lỏi qua các phố xa lạ giăng đầy mạng nhện, nhiều góc cua và lùm cây gai, nhưng cả đêm vẫn chưa tìm ra. Đến gần sáng thì mới đến được khu vườn cây trí thức. Hóa ra trí thức không trồng ngoài đường, mà trồng trong vườn có tường cao và rào kín. Những khu vườn không có cổng. Người ta ra vào phải leo qua những bức tường đen sì vào cao chót vót, dây thép gai giăng kín, bên trong toàn là gai và đá mắt mèo.

Leo đến nửa chừng, tay tôi bị gai cào bê bết máu. Tôi kiệt sức, nằm vắt vẻo giữa chạng cây cổ thụ từng hơi yếu ớt, cảm thấy người lạnh ngắt và đang lịm dần, chợt văng vẳng bên tai tiếng ai gọi thều thào: **CÓ ĐI KHÔNG?** Tôi gắng sức mở mắt và trả lời từng tiếng đứt quãng: **Không, anh nhầm rồi, tôi không phải..., TÔI-LÀ-MỘT-KẸ-KHÁC.**

D. K

Chú thích:

Một số câu thơ và đoạn thơ được dẫn trong bài viết này có đánh số thứ tự hoặc không chú tên tác giả thể hiện dưới hình thức in nghiêng là được trích từ tập thơ Tôi là một kẻ khác - thơ giao lời kẻ & thơ tượng quẻ, của Nhật Chiêu.

(*) Nhân đọc tập thơ **Tôi là một kẻ khác - thơ giao lời kẻ & thơ tượng quẻ** của **Nhật Chiêu**, NXB. Văn hóa - Văn nghệ, Quý IV-2015

Đoàn Chuẩn-Từ Linh
Những Ca Khúc Mùa Thu



Nhạc phẩm đầu tiên mà Đoàn Chuẩn viết là “Tình nghệ sĩ” vào năm 24 tuổi (1948), để cho đến gần mười năm sau, hoàn thành một chùm nhạc để đời gồm các bài: Tình nghệ sĩ, Lá đổ muôn chiều, Gửi gió cho mây ngàn bay, Chuyển bến, Cánh hoa duyên kiếp, Thu quyến rũ, Tà áo xanh, Lá thư, Đường về Việt Bắc, Gửi người em gái...

Sau đó, ông viết thêm khoản trên mười bài, nhưng hình như tình hoa đã phát tiết hết trong giai đoạn đầu. Những tuyệt

phẩm đều viết trong thời gian kháng chiến, thế nhưng lại không thấy nói về chinh chiến mà chỉ là tình yêu. Ông thường ký tên Đoàn Chuẩn -Từ Linh cho những tác phẩm của mình. Từ Linh là một người bạn tri kỷ, việc Đoàn Chuẩn đưa tên Từ Linh vào bút hiệu để kỷ niệm cho tình bạn của hai người và cũng có thể là người đã góp ý kiến cho một vài bài hát của ông. Từ Linh tên thật là Hà Đình Thâu, một nhiếp ảnh gia, mất năm 1992, Đoàn Chuẩn đã có mặt trong những giờ phút tâm chung của Từ Linh.

Những tình khúc của Đoàn Chuẩn in đậm mùa thu như các bài: *Gửi gió cho mây ngàn bay, Lá thư, Thu quyến rũ, Cánh hoa duyên kiếp, Tà áo xanh, Chuyển bến, Lá đổ muôn chiều.*

Trong bản “Tình nghệ sĩ”, có lời ca: “*Đây khách ly hương máy thu vàng ảm. Nơi quán cô đơn qua muôn trùng sóng...*”

Bản nhạc “Lá thư” với câu mở đầu: “*Nhớ tới mùa thu năm xưa gọi nhau phong thư ngào ngạt hương, nét bút đa tình lá lơi*” và “*Nhớ tới mùa thu năm nao mình anh lênh đênh rìng cùng sông, chiếc lá thu dần vàng theo.*”

Mùa thu tràn ngập trong bài “Thu quyến rũ”: “*Anh mong chờ mùa thu, trời đất kia ngả màu xanh lơ, đàn bướm kia đùa vui trên muôn hoa, bên những bông hồng đẹp xinh. Anh mong chờ mùa thu, diu thế nhân dần vào chốn Thiên thai, và cánh chim ngập ngừng không muốn bay, mùa thu quyến rũ anh rồi. Mây bay về đây cuối trời, mưa rơi làm rụng lá vàng, duyên ta từ đây lỡ làng, còn đâu những chiều dật cung đàn yêu. Thu nay vì đâu tiếc nhiều, thu nay vì đâu nhớ nhiều, đêm đêm nhìn cây trúc lá, lòng thấy rộn ràng, ngỡ bóng ai về.*”

Trong bản “Chuyển bến” khi chia tay với người yêu vào cuối thu: “*Chiều nay sao dăng nhanh màu tím, và mây bay theo nhau về bến, thuyền cắm tay sào từ cuối thu, ngoài kia sông nước như đón chào.*”

Trong bản “Gửi gió cho mây ngàn bay”: “*Với bao tà áo xanh đây mùa thu, hoa lá tàn hàng cây đứng hững hờ, lá vàng*

Mùa thu của Đoàn Chuẩn-Từ Linh mang vẻ cổ điển, nhưng cái vẻ cổ điển muôn đời muôn thuở của thiên nhiên, của đất trời, của hàng cây khô trụi lá, của cụm mây thu lơ lửng, của bóng trăng thu mơ màng..., tất cả đều nhuốm một nỗi buồn man mác.

*từng cánh rơi từng cánh, rơi xuống âm trên đất xưa... Gửi gió cho mây ngàn bay, gửi bướm đa tình về hoa, gửi thêm ánh trăng màu xanh lá thư, về đây với **thu** trần gian”.*

Và cứ thế trong các bản *Tà áo xanh, Lá đổ muôn chiều, Cánh hoa duyên kiếp* vẫn bàng bạc mùa thu.

Nghe nhạc của Đoàn Chuẩn-Từ Linh là nghe kể lại chuyện tình của mùa thu, những lời tình tự ngọt ngào hay buồn bã của những người yêu nhau và xa nhau. Những chuyện tình mang

lại không gian của mùa thu, mùa thu đẹp và buồn. Nhưng không phải cái buồn ủ rũ, ảo não của “*mây hắt hiu ngừng trôi, mưa giăng mù lê thê*” như *Giọt mưa thu* của Đặng Thế Phong. Cũng không phải cái buồn se sắt, rã rượi của “*năm tháng qua dần mùa thu chết bao lần*” trong *Buồn tàn thu* của Văn Cao và cũng không có cái buồn tê tái, suốt muối của “*nước mắt mùa thu khóc cho cuộc tình*” như *Nước mắt mùa thu* của Phạm Duy. Cái buồn mùa thu của Đoàn Chuẩn chỉ là cái buồn phảng phất, nhẹ nhàng chìm đắm trong mơ, được bao phủ màng sương lãng đãng, đượm chút thi vị ngọt ngào *trong cánh lá thu vàng úa* và trong hương thu tím buồn. Cái mùa thu ấy gần với nỗi buồn mênh mang trong *Thu vàng* của Cung Tiến hay *Tiếng Thu* của Lê Thương.

Mùa thu của Đoàn Chuẩn-Từ Linh mang vẻ cổ điển, nhưng cái vẻ cổ điển muôn đời muôn thuở của thiên nhiên, của đất trời, của hàng cây khô trụi lá, của cụm mây thu lơ lửng, của bóng trăng thu mơ màng..., tất cả đều nhuốm một nỗi buồn man mác.

Mùa thu của Đoàn Chuẩn-Từ Linh là mùa thu trần gian, là thu của bốn mùa, là thu của chuyện tình. Mặc cho những biến đổi, những xoay vần của thời cuộc, bao nhiêu là tang thương dâu bể, trời đất vẫn bốn mùa, trong đó vẫn còn mùa thu của Đoàn Chuẩn-Từ Linh. Có lẽ chính vì điều này đã khiến mọi người càng thấy gần gũi và yêu mến mùa thu trong nhạc của Đoàn Chuẩn -Từ Linh.

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn sinh năm 1924, mất năm 2001 hưởng thọ 77 tuổi, là một công tử con nhà giàu nổi tiếng ở đất Bắc. Con người hào hoa, phong nhã, Đoàn Chuẩn học đàn Tây Ban cầm với nhạc sĩ Nguyễn Thiện Tơ, rồi Hạ uy cầm với William Chấn. Tuổi trẻ hào hoa, chỉ thích chơi ... xe hơi! Ông có 06 chiếc ô tô, trong đó có chiếc Ford Frégatte, một trong hai chiếc ở Việt nam mà chiếc kia là của Thủ Hiến Bắc bộ. Kháng chiến bùng nổ, gia đình dời về Thanh Hóa, Đoàn Chuẩn gặp Tô Vũ, Tạ Phước cùng đi hát chung với Ngọc Bích và sáng tác bài Tình nghệ sĩ. Sau đó ông theo một đoàn cứu thương lên Việt Bắc và sáng tác bài Đường về Việt Bắc.

Ông mất ngày 15/01/2001, trong vòng tay của người vợ thủy chung, suốt đời cam chịu tính hào hoa của ông chồng nghệ sĩ. Thân hữu tiễn đưa ông sau chiếc xe tang đi trong chiều thu lặng lẽ. Lá vàng ngập lối, ông thanh thản đi về cõi vĩnh hằng, khép lại những tháng ngày lãng du, cho dù cõi trần gian vẫn tràn ngập ân tình, nhưng những tác phẩm của ông còn mang nặng những nỗi buồn và hối tiếc:

*“Có những đêm về sáng
Đời sao buồn chi mấy cố nhân ơi!
Đã vội chi men rượu nhấp đôi môi
mà phung phí đời em không tiếc nhớ.
Lá đổ muôn chiều ôi lá úa...*

(Lá đổ muôn chiều)

N.Đ.T

Phật sự Quận 8

Đạo Phật luôn đề cao lòng từ bi, nhân ái. Từ khi truyền vào Việt Nam, tinh thần cứu khổ cứu nạn của Đức Phật được phát huy rộng rãi ở một đất nước bị nhiều cuộc chiến tranh, thiên tai tàn phá. Đây là nguyên nhân quan trọng giúp cho Phật giáo Việt Nam gắn chặt và đồng hành với dân tộc qua những dặm dài lịch sử.

Phật giáo, ngay từ buổi đầu, đã thể hiện tinh thần cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh. Trong giáo lý của Đức Phật, Lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ) là con đường dẫn đến sự giác ngộ, mà điều đầu tiên là thực hành hạnh bố thí. Ngoài ra, giáo lý Phật giáo cũng quan niệm con người cần có lòng từ, bi, hỷ, xả (Tứ vô lượng tâm), nhân tố chủ yếu giúp tâm từ bi, hạnh cứu khổ, đưa đến việc định hướng cho mọi hoạt động của Phật giáo, cho con người và vì con người.

Ngày nay, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển và có nhiều thành tựu nổi bật trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tuy vậy, vẫn còn nhiều bức xúc của xã hội như tình trạng nhập cư ồ ạt vào các đô thị, môi trường bị tàn phá, nghèo đói, thất nghiệp, dịch bệnh xuất hiện liên tục, tệ nạn xã hội gia tăng... Trước tình hình đó, Phật giáo có vai trò quan trọng là góp phần với nhà nước thực hiện tốt công tác an sinh.

Với quan niệm trên, các tự viện, chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử trên địa bàn quận 8 đã tích cực, thường xuyên giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh sống khó khăn, tặng quà, thực phẩm và gạo trong những ngày tết, lễ lớn cho đồng bào nghèo. Trong dịp đón tết Bính Thân vừa qua, các tự viện trên địa bàn Quận 8 đã trao trên 1000 phần quà và 30 tấn gạo cho bà con nghèo để có điều kiện hưởng một cái tết trọn vẹn và ấm cúng hơn.



Thượng tọa Thích Huệ Công - Thượng tọa Thích Chơn Tịnh trong lễ khai mạc tuyến du lịch đường sông kết hợp với chương trình TTXH của Phật giáo Quận 8.

TIN VĂN PHẬT SỰ

- Ban Trị Sự GHPGVN.Q8 đã tổ chức lễ đặt viên đá đại trùng tu cho 02 tu viện là Hải Đức (Phường 3) và Quan Âm (Phường 15).

- BTS.GHPGVN.Q8 chuẩn bị kế hoạch tổ chức Lễ Phật Đản PL.2060, kế hoạch An cư Kiết hạ tập trung và tại chỗ năm 2016. Đồng thời chuẩn bị kế hoạch tổ chức Đại hội Đại biểu GHPGVN.Q8 nhiệm kỳ IX (2016-2021).

- Suốt tháng Giêng năm Bính Thân 2016, phần đông các tự viện trực thuộc GHPGVN.Q8 đều tổ chức tụng kinh Dược Sư Thất Châu để cầu cho quốc thái dân an.

- Trong công tác bầu cử Hội Đồng Nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021, Thượng tọa Thích Huệ Công, Trụ trì Chùa Long Hoa, Phường 15 Quận 8 được giới thiệu ra ứng cử Đại biểu HDND cấp quận. Ngoài ra, với 16 phường trực thuộc Quận 8, mỗi phường đều có một vị trụ trì được giới thiệu ra ứng cử tại phường sở tại.

T.N.H.T

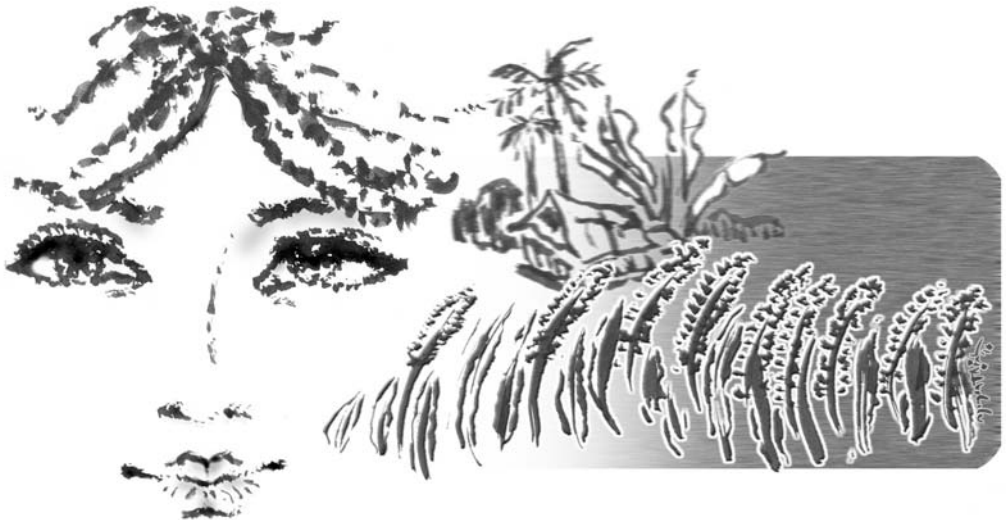
NGUYỄN THỊ MÂY

Ruộng đồng thâm lặng

Truyện ngắn

Mưa trắng trời. Vườn cây, ruộng đồng, nhà cửa chìm trong làn nước. Mới đầu hạ, không gian đã ướt lướt thướt. Đất nhão mềm, người buồn se sắt.

Mẹ tôi chụp cái nón cũ, móp méo lên đầu, trùm tấm ni-lông lên vai, cột ghệt hai đầu. Bà vớ lấy cái giỏ cá rồi bươn bả ra đồng. Mưa tuôn hồi hủ, phủ đầy vai mẹ, trơn tuột, chảy thành dòng. Mẹ vẫn lầm lũi bước. Mưa vội vàng xóa dần dáng mẹ, mắt hút.



Giờ này, có lẽ ba tôi đang trú mưa ở một chòi hoang nào đó. Những túp lều be bé giữa ruộng của người giữ vịt bỏ lại. Ba ngồi co ro một góc, rút bao thuốc giồng trong túi ra, vắn một điếu bằng ngón tay và bật lửa. Những lúc buồn hay lo lắng, bao giờ ông cũng thế. Lặng im nhả khói. Ông lơ đãng nhìn theo những cái vòng mỏng mảnh vừa thổi ra. Hoặc là ba vẫn còn đứng bất động bên một cây to, tàn lớn, cạnh dòng sông đục lờ phập phồng bong bóng nước. Ba chờ đợi dây câu run sề, cái phao chìm xuống. Chiếc cần trúc chọt nặng, kéo ghì bàn tay lạnh cóng, Ba biết mọi người trong gia đình chờ đợi nơi ba, no đói nhờ ông, nên ba phải gắng.

Mỗi lần ba về, chúng tôi xúm quanh giỏ cá. Mẹ trút ngược miệng giỏ, cá giãy đành đạch trong thau. Mẹ phân làm hai loại: Cá lớn đem bán, cá nhỏ để ăn. Chúng tôi nhìn những cái đầu cá lóc to cộ, cái đuôi bóng lưỡng mà tưởng tượng món canh chua rau nhút và cá kho tộ mặn mòi, cay cay thơm phức. Nước miếng tràn ra hai bên khóe nhưng chẳng bao giờ chúng tôi dám hé môi. Mấy chú cá béo bở ấy bán được rất nhiều tiền và tiền lại đem đến nào là gạo, nào là sách vở và biết bao thứ linh tinh khác.

Mẹ tôi cũng vất vả lắm. Ngoài việc bấp núc, heo gà, mẹ còn bán hàng rong. Buổi trưa, mẹ bung một rổ khoai lang, chuối nấu vừa đi vừa rao dọc theo các ngõ. Tiếng rao hàng rơi lác lõng trong im ắng làng quê, như một cung đàn lồi nhịp. Nó đánh thức những đứa bé đang lơ mơ ngủ, nhưng ít gọi được sự thèm thuồng của chúng vì quá quen với mặt hàng của mẹ. Tiền lời của mẹ không nhiều nhưng được chất mót, cất giữ kỹ lưỡng, nhiều dần. Mẹ dành cho đứa con đầu lòng, chị Quỳnh, chị hai của tôi.

Chị Quỳnh là một cô gái vừa đẹp lại vừa thông minh. Giữa chốn hẻo lánh, nhà cửa lưa thưa, đồng không mông quạnh này, chị như một loài hoa hiếm quý, kiêu sa. Từ lúc mới lọt lòng, mọi người đã phải ngạc nhiên khi ngắm chị. Một hài nhi trắng trẻo, môi son, mắt biêng biếc và tóc đen dày mượt rượt. Mẹ thường

Phát ngọn sâu đông

*Mưa chiều phát ngọn sâu đông
Nhà bên có kẻ sang sông mất rồi!
Áo còn trên sợi dây phơi
Ướt hương một thuở gọi mời chiêm bao
Đâu người thấp thoáng bên rào
Chờ trăng lên để gió trao lời tình
Nhà ai cửa khép buồn tênh
Thương mưa giọt ngẩn để mình khóc vầy
Mưa chiều lát phát mưa bay
Giọt rơi thêm vắng giọt dài ủ tim.*

Nguyễn Thị Mây

bảo nếu hôm ấy có người cùng sanh một lúc thì bà tưởng mình đã bông nhằm con người khác. Càng lớn, chị Quỳnh càng xinh và học giỏi. Năm nào chị cũng đứng nhất. Ba mẹ hãnh diện vô cùng. Duy chỉ có bà nội cảm thấy không an tâm. Bà thường rên rỉ: “Con xấu, con xí là con mình. Con đẹp con giỏi là con Tiên con Phật”. Bà sợ một ngày nào đó bề trên sẽ bắt mất cháu yêu của bà. Mỗi lần chị Quỳnh ôm phần thưởng về, bà ôm lấy chị, hôn lên tóc rồi bảo: “Con gái học ít thôi, lo kiếm ruộng rẫy mà làm để có cái ăn. Người ta lấy thúng đong gạo, chớ ai lấy thúng đong chữ đâu”. Ba gạt phất: “Mẹ thì chỉ biết có vậy! Đó, mẹ bám ruộng, bám vườn một đời, có bao giờ đủ gạo để đong bằng thúng không?” Quay sang chúng tôi ba nói: “Các con phải ráng học để sau này đỡ vất vả tằm thân”. Bà quay đi, len len lau nước mắt.

Vốn thông minh, chị Quỳnh học đâu nhớ đó. Học hết trường làng chuyển sang trường tỉnh. Hết trường tỉnh lại lên tận thành

phố. Mới đầu, cuối tuần, chị về một lần. Hôm sau chị đi, khóc sung cả mắt. Dần dà, chị quen nước, quen cái rồi bạn học, ít khi về thăm quê. Hôm đổ vào đại học, chị mới về thăm nhà, có đất theo một người bạn trai sang trọng. Khi ngang qua cầu khi để rẽ vào nhà, chẳng biết lối ngõ thế nào, anh ta roi tòm xuống xèo. Nhờ biết bơi, anh lội lên không mấy khó. Nhưng chiếc áo trắng tinh lấm đầy bùn đất. Mẹ vội xách nước cho anh tắm, chị Quỳnh lẳng xăng mang áo ra ao giặt. Nước đục, áo sạch nhưng sắc trắng ban đầu đã mất. Chị Quỳnh cứ xuýt xoa như có lỗi. Anh ấy không than phiền nhưng ngồi yên đảo mắt nhìn quanh rồi hút thuốc điếu thuốc xinh xắn, đều đặn trong cái hộp đẹp đẽ. Anh cũng nhả ra những cái vòng mỏng manh bằng khói, lơ đãng nhìn chúng bay lên, tan mất, anh buồn?

Ba về, thoáng nhìn đóm lửa lập lòe, ba ngỡ ngàng mấy phút. Chị Quỳnh chạy ra, ba mừng, quên hết mọi việc. Ông đưa giỏ cá cho tôi, bảo chọn những con lớn nhất để mẹ nấu canh chua, kho tộ. Hai đứa em của tôi mừng rỡ, tíu tít cười nói. Chúng chạy ủa ra sau, giành cắt bạc hà và rau thơm như chim giành mồi trong vườn rau nhỏ.

Bữa cơm thịnh soạn hiếm thấy được dọn lên trên chiếc bàn đặt giữa nhà, có phủ khăn như ngày tết. Mùi thức ăn thơm lừng. Nước bọt tràn ra hai bên khóe miệng nhưng chẳng đứa nào dám hỏi vì có khách. Đến lúc lên mâm, chúng tôi lại e dè vì những cái liếc mắt sắc như dao cau của chị Quỳnh ném cho từng đứa mỗi khi kê đĩa. Thằng Út lấm lét và miếng cơm không, con Quyên húp vội miếng nước mắm. Còn tôi, tôi chẳng sợ ai hết nhưng cảm thấy khó nuốt vì câu nói của người ta: “Loại cá này mẹ tôi thường chiên xù, ăn ngon lắm hoặc hấp rồi gói bánh trắng, rau sống chấm mắm nêm, nếu có cả bia thì nhất đời”. Không ai bàn bạc gì thêm, cả nhà ăn qua quít cho xong. Bữa ăn tẻ nhạt vô cùng!

Thấy hai người quẩn quít nhau, bà tôi sợ, không nén được, bà bảo: “Cháu ơi! Là gái phải biết giữ gìn, kéo khổ. Lên trên đó

đừng tự do quá trớn, người ta coi rẻ.” Chị Quỳnh sùng sộ: “Bà cô lỗ quá! Không ai khiến bà phải lo!”. Chị quay đi, bà len lén lau nước mắt.

Sau lần đó, chị Quỳnh càng ít về thăm quê. Ngày tốt nghiệp Đại học, chị có trở lại báo tin đã nhận công tác tại thành phố. Vừa nghe, bà òa khóc, giọng nấc nghẹn: “Cháu ơi, sao cháu đại thế! Không ai yêu thương mình bằng ông bà, cha mẹ, láng giềng. Không nơi nào rộng mở, nhân từ bằng mảnh đất ông cha. Sao cháu lại bỏ xứ mà đi!”. Ba không nói gì, bỏ ra sân hút thuốc, nhả khói. Mẹ đi nhanh xuống bếp, ngồi bệt ở góc nhà. Ánh lửa bập bùng, soi rõ dáng mẹ co ro, chịu đựng. Chị Quỳnh đứng lặng, mắt long lanh ngấn nước. Tôi mừng thầm, có lẽ chị đã nghĩ lại. Nhưng sáng hôm sau, khi tôi thức giấc chị đã đi rồi.

Từ đó, tôi thành con gái lớn trong nhà. Nhưng trái ngược với chị Quỳnh, tôi xấu xí và ngờ nghệch. So với chị, tôi khác nào một đóa hoa sùng dật dờ trên mặt ao ngẫu đục. Chẳng hương còn kém sắc. Khuôn mặt tôi là một tác phẩm vụng về của tạo hóa. Có lẽ trong một lúc làm việc thiếu cẩn trọng, thượng đế đã tạo ra tôi. Một hình thể chẳng hài hòa mà tâm hồn cũng thô thiển. Theo cách nói của bà thì tôi là đứa con xấu xí, ngờ nghệch nên mới là con của mẹ cha. Tôi bám lấy mảnh đất bạc màu như như bị buộc chặt, không thoát được. Tôi lớn lên một cách chật vật, khăng khiu nhưng cứng cỏi, quả quyết. Tôi tự biết mùi bung phèn bám đầy người, không cạo rửa được. Nó đã thấm dẫm vào máu và trở thành mạch sống. Những ánh đèn màu nơi đô thành hoa lệ không quyến rũ tôi bằng những đốm sáng chập chờn của đàn đom đóm. Tiếng ngắt ngang ngoài lùm cây, bờ bụi vọng vào, nảo nuốt lòng một cách quen thuộc, thân thương. Tôi cảm thấy an tâm hơn bao giờ hết nếu được ngủ trong mái ấm gia đình, giữa những người ruột thịt. Và chẳng biết tôi có ngu ngốc không khi bảo rằng những ơ cá lòng tong kho khô, canh bình bát và cháo cua đồng là những món tôi thích nhất.

Từ ngày chị Quỳnh lấy chồng rồi ở luôn trên thành phố, nhà tôi bỗng dung lặng ngắt. Bà nội đau yếu luôn, lưng còng, tay chân run rẩy như bị rét. Bà ít đi lại mà ngồi trên chiếc chõng tre gần bếp hoặc nằm vắt tay lên trán, nước mắt sũng giàn giụa. Ban đầu, tôi tưởng bà giận ai, bà khóc. Sau này mới biết, thỉnh thoảng bà vẫn bị như thế. Hình như không cần đau buồn, nước mắt từ lâu đời tích tụ trong bà cứ tuôn ra ngập mắt.

Tóc ba đã bạc nhiều, dáng gầy, héo hắt. Mưa nắng dạn dày đã làm màu da đen đúa càng sẫm lại như củi khô chờ nhóm bếp. Mẹ thì già gần bằng bà. Khuôn mặt đầy nếp nhăn, đôi mắt thần thờ, u ần. Mẹ thường tỉ mẩn trước cái rương cũ chị Quỳnh để lại. Trong đó, những khúc vải đắt tiền, một xấp giấy bạc mới toanh, không nhỏ của chị Quỳnh gửi về giúp gia đình. Mẹ không dùng đến, bà cất kỹ, lâu lâu lấy ra nhìn, khóc rồi lại cất vào rương. Mỗi lần như vậy, ba quát: “Ai chết mà bà khóc?” Còn tôi, những đêm đó sẽ khó ngủ hoặc giả có thiếp đi cũng chơi vơi vì những cơn ác mộng. Tôi mơ thấy chiếc rương biến thành cái hòm đỏ loét có xác chị Quỳnh và mẹ lẫn lộn, vật vờ một bên.

Tôi lớn dần cùng năm tháng và những dẫn vật khó tránh vì những lẽ rất lạ. Tôi học không giỏi bằng chị Quỳnh nhưng cũng không đến nỗi tồi. Mỗi năm tôi lên một lớp và tốt nghiệp Đại học Sư phạm với thứ hạng bình thường. Có lẽ nhờ tôi xấu xí nên chẳng có ai để ý. Vì vậy không có chuyện dắt về nhà một gã con trai để họ ném vào lòng ba mẹ và bà những nỗi đau kỳ quặc.

Mưa ngớt hạt, trời lóe sáng yếu ớt. Mẹ về. Trên tay mẹ giỏ cua đồng lưng quá nửa. Mẹ tươi cười bảo tôi: “Tối nay, mẹ đãi con một bữa cháo cua”. Tôi đã đoán không sai. Mẹ dầm mưa đi bắt cua. Mẹ bao giờ cũng thế. Yêu con và vì con. Mẹ hiểu mỗi đứa thích gì, cần gì hơn ai hết. Tôi giúp mẹ rửa sạch cua, tách vỏ rồi giã nát. Mẹ ngồi bên bếp lửa, tay cời than, mắt nhìn tôi rồi buồn bã liếc ra khoảng sân ngập ngựa bùn sau nhà. Mẹ chợt hỏi: “Con về rồi chừng nào đi?” Chợt hiểu, tôi vội nói: “Con tốt nghiệp rồi,

Thấy hai người quẩn quít nhau, bà tôi sợ, không nén được, bà bảo: *“Cháu ơi! Là gái phải biết giữ gìn, kẻo khổ. Lên trên đó đừng tự do quá trốn, người ta coi rẻ.”* Chị Quỳnh sùng sộ: *“Bà cổ lỗ quá! Không ai khiến bà phải lo!”*. Chị quay đi, bà len lén lau nước mắt.

còn đi đâu nữa. Con đã xin quyết định về đây”. Bà tôi là cà lạp cập ngôi dậy, vẫy tôi đến gần: “Ồ, phải à cháu!”. Nước mắt sũng lại tuôn ướt đầm má nội. Bà bỗng nghẹn ngào nói: “Nhưng ở đây đồng chua nước mặn phí một đời cháu ạ!”. Tôi hỏi: “Thế sao bà sống ở đây được?”. Bà khóc: “Ồ... vì bà dốt, chỉ biết ruộng vườn, còn cháu...” Tôi cướp lời bà: “Bà ơi, người có học càng phải biết yêu quý, trân trọng quê hương, nơi đã nuôi mình lớn lên, cho mình đôi cánh để bay cao”.

Ba đã về tự lúc nào, ông đùa: “Đủ lông, đủ cánh rồi, con không bay xa à?”. Tôi nhìn sâu vào mắt ba, cởi mở nỗi lòng: “Con đã bay xa rồi và đang vòng lại. Không phải ai có cánh rồi cũng tìm chân trời mới đâu ba. Con thích đậu lại nơi nào cần cặp cánh của con. Làm một người tầm thường mà hữu ích cho mọi người dù chỉ đối với gia đình ta, con cũng mãn nguyện”.

Nồi cháo cua đã chín, bốc khói thơm lừng. Cả nhà quây quần bên nhau. Tôi vừa húp cháo, thưởng thức hương vị quê nhà vừa lắng nghe hai đứa em chuyện trò vui vẻ vừa ngắm nhìn những khuôn mặt thân yêu. Gian bếp ấm nồng lửa hạnh phúc. Mẹ bỗng thở dài: “Phải chi có con Quỳnh nữa thì vui biết mấy?”. Ba trừng mắt: “Bà không quên được nó hay sao?”. Ba bỏ ra sân hút thuốc, nhả khói. Bà ôm vai tôi thì thầm: “Tội nghiệp cháu tôi.”

Hạnh phúc như gần, như xa. Tôi khóc.

N.T.M

Em Và Hoa Tigôn

*Hứa với anh nghe em!
Nếu anh vụng về
Không chữa lành vết thương nơi trái tim em sâu
thẳm
Anh xin trả lại cho em
Những cánh “hoa mang dáng hình tim vỡ”
Hoa Tigôn - “người ấy”
Em khó có thể nào quên.*

*Trả em về
Bên những cánh Tigôn
Anh chỉ xin em duy nhất một điều
Cho riêng anh cất giữ
Tận đáy tim anh, tình yêu cuối em trao
Từ bây chừ cho đến vạn ngày sau
Để anh được mộng mơ
Với tình em mãnh liệt
Dù biết không còn
Nhưng anh vẫn nâng niu
Anh sẽ tung tiu mối tình vàng ngọc
Sẽ gìn giữ tình em
Cho nguyên vẹn kiếp này
Không thể nào vỡ tan như cánh hoa ấy - chia ly.*

*Hứa với anh nghe em!
Nếu vết thương nơi trái tim em cứ rỉ máu âm thầm
Anh xin trả lại cho em
Bao nhiêu điều lưu luyến*

*Trả lại em và người ấy - một thời...
Một mình anh
Còn lại nửa phần đời
Sẽ vắng bóng em cùng ruổi rong - rong ruổi
Anh một mình
Về
Trấn trở giấc Tigôn .*

H.Đ.T

Nắng Tháng Tư

Sáng nay nắng đã dịu dịu giăng tràn không gian, trông nắng ngời ngời sức sống, em nghe lòng thật ấm áp dâng tràn yêu thương, chập chờn bóng hình ai thoáng hiện giữa nắng ban mai, tiếng cười giòn gân dài, vời vời thấp thoáng lời tình tự. Em lơ mơ nghe giọt tình yêu lấp lánh, tan vào nắng rực rỡ bạt ngàn hương hoa.

Em có chờ đâu, có hẹn đâu mà sao phép nhiệm màu nào khiến trái tim rung động. Mùa cứ đến, hoa phượng rơi rụng lao xao ngập đường, để làn môi em mộng đỏ thắm nhuộm màu hoa. Nắng ơi! Cứ rực rỡ hồng trời đến bên phố nhỏ, nhẹ vén tóc em và rơi nụ hôn trên má, cho hồn côی thấm tươi một vườn hồng. Chim ơi! Cứ hót lên đi để em réo gọi thăm tên ai, cho yêu thương bớt trống vắng đơn côی hoài. Ngày sâu.... Cứ trôi qua đi cho hạ cứ sang thu, cho em tha thiết mộng mơ trông ngóng đợi chờ.

Bên trời lặng ngắm nắng rực rỡ, em giọt thương, giọt nhớ, giọt ngẩn, giọt dài... rớt trong hồn ai

LÊ MAI TRINH

Những Câu Hỏi

*Nắng hỏi gió có màu gì
Gió cười liu riu trong nắng
Biển hỏi gió có màu chi
Gió đùa lăn tăn sóng gợn*

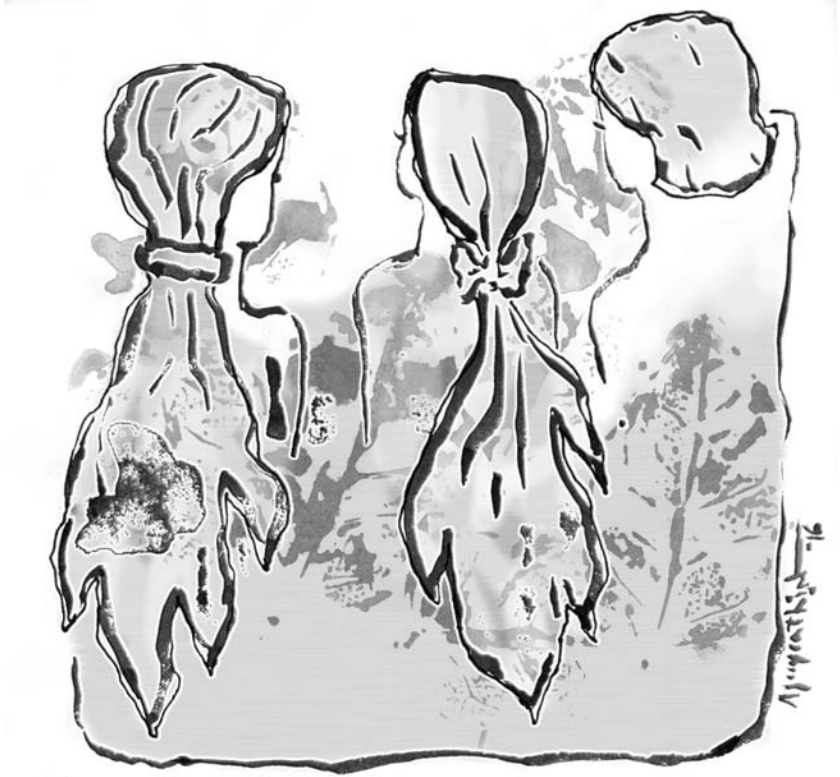
*Rừng hỏi gió, gió đi đâu
Gió cười, mình đi dạo phố
Núi hỏi gió ở chốn nào
Gió đang về nơi Tịnh độ*

*Trăng hỏi gió đến chơi không?
Gió rằng, đêm nay lỡ hẹn!
Trăng hờn gió kết dòng sông
Trăng buồn gió nên trăng khuyết!*

*Chiều hỏi gió sao đi vắng
Gió nói đợi mây kéo về
Mây hỏi gió sao quay quắt
Gió nhìn nắng rụng trên đê*

*Còn bao câu hỏi cho gió
Gió chỉ mỉm cười, lắng nghe...*

Ở RỂ Có Nòi



Khí hậu buổi sáng nay tại An Linh - Phú Giáo là 17°C, so với Tây nguyên là bình thường, nhưng đối với dân ở Thủ Dầu Một thì lạnh rét run! Nhìn lên lịch thấy còn vài ngày nữa vào mùa mưa, thế mà trưa đến trời nắng như thiêu đốt cháy da, phỏng trán!

Tôi nằm đong đưa trên võng trong lô cao su vẫn còn nghe nóng nực. Chỉ cần nghĩ trưa một chút là về thị xã. Tôi nhìn xa xa ngoài đường cái. Thỉnh thoảng, vài chiếc xe tải chở cao su chạy ngang tung bụi bazan bay mịn mù như khói đỏ. Không tài nào chọn mắt được, một anh lạ mặt có râu quai nón nằm võng kế bên, bắt chuyện:

- Xin lỗi, ông anh nhà ở đâu ghé đây nghỉ trưa vậy?

- Tôi ở thị xã.

- Tôi cũng vậy, nếu không có gì trở ngại lát nữa hai anh em mình về chung đường vui hén! Ông anh đi công tác vùng trên này à?

- Không, ngày hôm nay là ngày nghỉ, làm gì có công tác! Tôi đi dự đám cưới con của người học trò cũ.

- Ủa! Vậy anh là thầy giáo ở thị xã hả?

- Phải, nhưng mà tôi đã nghỉ lâu rồi, hiện nay làm văn phòng đang chờ bốn năm nữa là hưu.

- Anh được mấy cháu nội, ngoại?

- Ôi thôi... Chuyện dài đây gian nan trắc trở và muộn màng. Con tôi là đứa con gái độc nhất của mình, đang học cấp 3 ở thị xã.

- Tôi cũng vậy. Có lẽ cảnh ngộ giống nhau đấy, chỉ bốn năm nữa cũng hưu như anh. Tôi cũng chỉ có một đứa con gái đã lớn, sau này nó có gia đình là nhà chỉ còn hai vợ chồng tôi mà thôi.

- Thì anh ra điều kiện bắt “rẻ hiền” để “nói dối tông đường” cho bên vợ của nó. Hà hà hà...

- Chắc có lẽ như vậy anh à, nó gần như là cái “gien” rồi đó!

- Tôi chưa hiểu hết, anh có thể nói rõ hơn được không?

- Số là ngày xưa ngày xưa... Có một cô tiểu thư nọ ở ngoài Trung. Một hôm cô ta đi chợ, không hiểu làm thế nào bị té xuống sông Thu Bồn. Một thanh niên ghe chài đánh cá nhảy xuống cứu

NGUYỄN ĐĂNG THANH

Tương Tư

*Chị đi màu chiều loang đỏ ối
phủ những rong rêu tuổi xuân thì
yêu thâm qua ngõ em như vội
chênh vênh
tránh gặp buổi... phân ly.*

*Chị đi sang bến ngày hôm đó
bên cầu mẹ đứng mắt rung rung
chòng chành thuyền xuôi nơi đầu gió
Em buồn không khóc...
chỉ quay lưng.*

cô ta lên bờ. Cảm ơn cứu tử, cha cô gả cô ấy cho thanh niên này làm vợ dù bị họ nhà gái phản đối kịch liệt, vì con nhà quan mà gả cho thanh niên hạng bét. Nhưng cha cô ấy đã quyết:

- Được “người ta” cứu tử như được sanh ra lần nữa. Người xưa đã dạy “Nam nữ thọ thọ bất thân”. Làm thân con gái bị trai đụng chạm vào người, đó có thanh niên nào dám tới hỏi cưới?

Chàng thanh niên này dù là phận hèn, nhưng anh ta cũng đã có học được chữ nghĩa “Thánh hiền” nên “nhạc phụ đại nhân” rất quý cho ở rể, hy vọng ngày nào đó nghĩa tể của mình sẽ được ghi tên lên bảng vàng. Chàng thanh niên, sau khi lập gia đình tìm cách đưa vợ vào nam. Họ cũng chỉ có một đứa con gái duy nhất, đó là bà cố của tôi. Ông cố tôi là người tỉnh Gia Định, cưới bà cố

tôi, ở rề 40 năm, và cũng chỉ sanh một người con gái là bà ngoại của tôi. Ông ngoại tôi cưới bà ngoại tôi, ở rề 45 năm cũng sanh một đứa con gái duy nhất là má tôi. Ba tôi ở rề 32 năm, má tôi sanh con cái tuy đông, còn tôi thì lập gia đình ở với bà xã đã lâu, nhưng cũng chỉ có một đứa con gái duy nhất mà thôi!

- Ôi thôi ông anh nói nhiều quá mà sao không kể mình được tự do hơn các cụ ngày xưa?

- Hồng dám đâu, tôi nào có thoát được cái “gien” ở rề! Số tử vi của tôi “thân cư thể” nên ba má tôi rất sợ con mình ở rề. Tôi lại được số “đoạt trường” nên giữ gìn hương hỏa phụ âm, thế mà ở rề làm sao được? Cũng bình thường như mọi người, bà xã tôi về làm dâu được hai năm thì bà nhạc bị tai biến mạch máu não, bà xã ở gần kế bên nên phải về chăm sóc cho mẹ. Vì thế, tôi phải sang bên nhà nhạc mẫu, cũng phụ giúp chút đỉnh và làm nữ mẫu giữ “tiểu thơ” thay cho bà xã. Nhà thì gần bên nhưng hầu như tôi cũng trực suốt trong 10 năm bên đó. Nhiều đêm, nhớ lại các đoạn gia phả đã ghi mà cảm thấy buồn cười: con gái mình đã lớn. Không biết mai một có thằng thanh niên nào dám tiếp tục truyền thống ở rề nối dõi tông đường bên “ngoại” không đấy? Hi hi... Ở rề mà cũng có nòi! Hahaha...

Thình lình, tôi nghe ông tài xế kêu:

- Chú Sáu ơi, chiều rồi, chuẩn bị về thôi!

Tôi giật mình ngồi dậy. Minh tôi ướt sũng mồ hôi, ông bạn nào đòi về chung đâu sao chẳng thấy? Chỉ nghe tiếng lá cây cao su kêu xào xạc bắt đầu cho trận gió ban chiều.

Ngồi trên xe tôi tự vấn: Có lẽ Trang Tử đến thăm mình? Trong thời hiện đại người ta chỉ nghĩ đến đô la và Anh văn, làm gì nghĩ đến bướm là ta hay ta là bướm? Rõ ràng đời là giấc mộng thay đổi vô thường, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Minh tạm kết luận: Anh bạn lạ ấy chính là ta hay ta chính là anh bạn ấy có thể đúng hơn...

P.T.D

Mùa Hạ Tối

*Đôi mắt anh
Giờ chẳng còn là đôi mắt
Vàng nguyệt sáng
Mặt trời sáng
Chẳng chiếu nổi qua đêm
Để anh giờ
Phải lần theo tiếng gậy
Như mây chiều theo gió
ngàn bay.*

*Em xa xứ
Từ hai mùa hạ cũ
Không một lời về
Không một lá thư thăm
Để những ngày buồn
Như một cõi trăm năm
Anh lặng lẽ
Nhớ về em ngày cũ.*

*Mùa hạ mới
Giờ một mình anh đón
Nghe điệu khúc ve buồn
Nghe nắng hè sáng chói
Nghe gió về đưa đầy
Cánh phượng bay.*

*Giơ cánh tay
Sờ vào mùa hạ tối
Tìm lại hạ xưa
Tìm lại tình đầu
Thuở đôi mắt
Vẫn còn là đôi mắt.*

Nhớ Một Thời Hoa Nắng

*Anh tìm em một thời hoa nắng
Em tìm anh trắng giấc mơ xưa
Ta tìm nhau tìm đến bao giờ
Trôi biên biệt thời thơ mộng cũ*

*Em nhớ mãi sóng cù lao Ông Chưởng
Vòng xe quay quay thương tiếng ai cười
Chợ Mới mãi trong lòng ta kỷ niệm
Long Điền buồn the thắt bước chân đi*

*Anh tìm em trên tầng con phố nhỏ
Thăm hàng cau xanh thăm nắng quê nhà
Bao nhiêu năm em không về qua đó
Kỷ niệm vời vơi ngày một cách xa*

*Em tìm anh hanh hao đèn phố thị
Đại lộ Hòa Bình phượng đỏ rung rung
Góc phố thân quen mùa xưa chợ mát
Dấu yêu ơi! Em nhớ đến khôn cùng*

*Anh tìm em Lá Thu Phai thuở trước
Đan giấc mơ ấp ủ chuyện tương phùng
Gió mùa xưa hay lòng em sóng vỗ
Lá bàng bạc trôi... trời đất mông lung!*

Nhật Ký Tháng 4



Tàn tiệc liên hoan cuối năm tại nhà một người bạn. Đêm đã bắt đầu lẩn sâu vào khuya. Cho xe chạy chậm chậm từng vòng quay đều đặn cô đơn, khi ngang qua con đường dẫn vào nhà anh, tôi giảm nhẹ tay ga và tự hỏi thầm: “Anh vẫn còn đang thức với một núi công việc cho sớm mai hay đã vùi sâu vào giấc ngủ?”.

Sài Gòn về đêm nồng nàn hương hoa ngọc lan nhà ai thoảng đưa trong gió. Dòng nước êm trôi, nhẹ nhàng, mát dịu từ dòng Nhiêu Lộc âm vọng vào hồn tôi cơn sầu mộng quanh quanh khó thể giải thích được bằng lời. Đêm giấu anh kỹ quá nên nỗi nhớ của tôi cứ thất lạc vào cõi mênh mông không tìm thấy lối ra!

Lâu lắm rồi thì phải? Tưởng chừng như tôi đã quên mất khái niệm về thời gian - một thứ độc tố từng ngày... từng ngày... gặm nhấm tâm tư, tình cảm và con người tôi trôi tuột theo những

trăn trở, đa đoan nổi chìm vì cuộc sống. Nếu không có anh, có lẽ tôi đã chết khô bởi sự chán chường, cạn lòng cùng nổi cô đơn thăm sâu trong trái tim vốn dĩ đã có quá nhiều thương tích vì cuộc đời gây nên.

Sài Gòn đã vào hạ. Trong hơi gió của trời đêm nâu thẫm, tôi nghe tóc run, môi ướt... Chao ôi thương quá đôi mái đầu nghiêng nghiêng giấu mình bên vòm cổng cong cong, tựa từ nhau bằng nụ hôn cuồng quýt để cho nhau tắt và được nhau tắt! Chao ôi những vì sao cô đơn treo hờ hững vắt ngang bầu trời xanh xanh, như ngóng trông vòm mây nào còn lang thang phiêu lãng sửa soạn về mang một vòng tay sưởi ấm! Chao ôi những cơn mộng thực đang ẩn mình trong bóng nguyệt bàng bạc lơ non của đêm đầu hạ tỏa thứ ánh sáng dịu dàng xuống đời hương tình ái thơ ngây! Chao ôi những cung đường rợp đầy phượng vĩ thấp đuốc rực đỏ cả một góc trời, hoa cứ chung chiêng, đồng đưa gọi nhớ, gọi thương những ký ức tươi đẹp, bông bột mơ buồn của tuổi học trò ngày xưa!

Sài Gòn của tôi ơi, mùa hạ của tôi ơi! Đêm đã trôi vào khuya, xin hãy mang bình yên giấc lạnh cho lứa đôi yêu thương. Và tôi... và anh nữa, dù chúng ta đến với nhau quá muộn; dù tình yêu chỉ ở lưng chừng hạnh phúc; dù nhớ thương kia chưa một lần hiện rõ được đầy đủ hình hài; dù một trong hai ta không có nổi chung nhau một chốn đi về quen thuộc. Nhưng tôi biết chắc chắn một điều rằng tình yêu anh dành cho tôi đây bao dung chưa từng phù phiếm, anh chưa từng mõi mệt rít lòng khiến cho tâm hồn mỗi người khoảng cách thêm xa. Anh cũng chưa từng mặc cả, xét soi buông ra những ràng buộc anh là duy nhất trong tôi.

Đêm đang mở lòng ra và nghe ngóng tình ái theo nhau về với vô cùng. Tôi thì thầm tên anh, người mà tôi đã may mắn gặp được trong đời “Ngủ ngon nhé anh! Ngủ ngon nhé, tình yêu của em!”...

H.C.Đ

Thăm Trường Cũ

*Ta về Sư phạm Sài Gòn
Trường nay đã đổi dấu còn dấu xưa
Chân đi dưới nắng lụa thưa
Vàng hoa đường cũ cũng vừa xót xa
Bao năm cách biệt quê nhà
Bao đêm mưa mắt đầm đìa lệ rơi
Ta về lòng thấy chơi vơi
Thiệt tha kỷ niệm một thời đã qua
Nhớ không người? Tiếc không ta?
Xin cho ai đó nhớ tà áo thơ*

Dìu

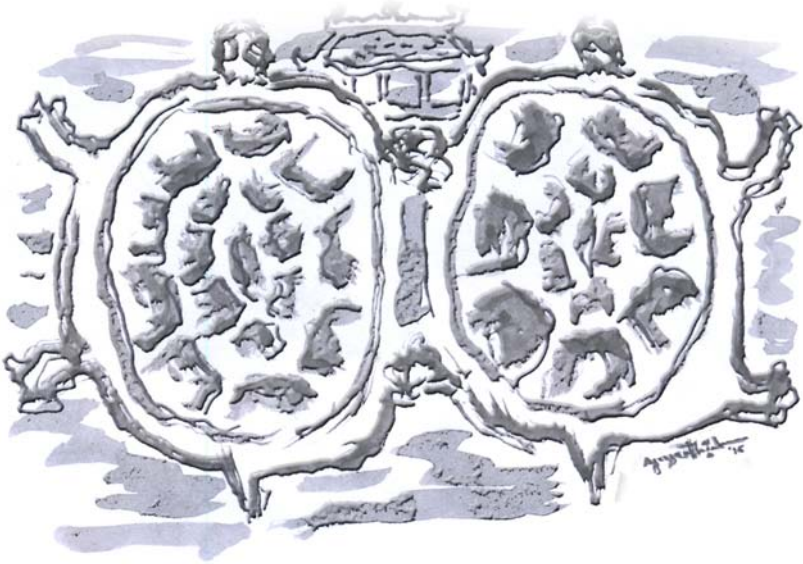
*Đêm bất tận hay lòng người bất tận?
Hiu hắt sâu... đâu hiu hắt trăm năm
Khói trầm xưa canh vắng bật thanh âm
Nhường tha thiết tiếng kinh cầu an lạc*

*Rời bến mơ thuyền dân trôi bến giác
Ta vì ai ngờ ngác mãi thực - hư?
Chắc có lẽ duyên hờn nhói tâm tư
Nên tìm lại chính mình trong bản ngã*

*Tự bịt mắt băng xuyên đời buốt giá
Ngộ ra không... thân xác này cũng không
Hà có chi phiền muộn đến đau lòng
Rồi ray rứt, nhớ, thương, buồn, tiếc nuối...*

*Câu từ bi sẽ thay lời thống hối
Nguyện xin đời nhân thế chẳng khổ đau
Và yêu thương sẽ chia tới bạc đầu
Dìu nhau đến Niết Bàn xa cõi tạm...*

Hai Ông Quy Ở Chùa Làng Tôi



Ngày xưa, làng tôi có một ngôi chùa. Vào năm 1972, tôi nhớ lúc đó mình vừa tròn 8 tuổi. Mỗi tháng, tôi thường theo cha mẹ đến chùa ấy lễ Phật.

Trong chùa có hai con rùa mà chúng tôi cũng như một số Phật tử tôn kính gọi Ông Quy. Vì sao gọi là Ông Quy? Vì hai “ông” này luôn biết trước các ngày lễ Phật và biết cả giờ tụng kinh. Cứ đến ngày rằm hay các ngày lễ Phật, hai Ông Quy lại về chùa tu, còn những ngày khác không ở chùa.

Chúng tôi rất quý hai Ông Quy, vì mỗi khi Phật tử khuyên hai ông đánh lễ Phật, hai ông liền chấp hai chân trước giơ cao lên cả thân, rồi quỳ lạy đầu chạm đất. Còn một điều thú vị nữa là hai Ông không bao giờ ăn mặn, chỉ dùng các thức ăn chay. Có lần, tôi nghe các Phật tử trong chùa nói họ thử cho hai Ông dùng thức ăn mặn, hai Ông liền quay đầu bỏ đi. Còn khi mời hai Ông dùng thức ăn chay, hai Ông cúi lạy tạ ơn rồi mới dùng.

Hai Ông Quy còn biết cả giờ công phu ở chùa. Cứ mỗi khi tới giờ công phu, hai Ông bỏ lên đến bàn thờ nơi chánh điện để lắng nghe quý thầy tụng kinh. Còn chưa tới thời kinh, hai Ông phủ phục dưới bàn thờ Phật tổ tá túc.

Không ai rõ hai Ông Quy xuất hiện ở chùa này từ lúc nào và ra đi khi nào! Có lần, tôi nêu thắc mắc này với quý sư thầy. Quý thầy nói, cứ vào ngày lễ Phật, sáng sớm thức dậy nhìn xuống dưới bàn thờ Phật đã thấy hai Ông phủ phục.

Từ năm 1979 đến nay, khi tôi về thăm lại ngôi chùa xưa thì không thấy bóng dáng hai Ông Quy đâu nữa. Hỏi ra mới biết hai Ông không còn đến tu ở chùa này nữa. Kể từ khi vắng bóng hai Ông Quy, ngôi chùa làng tôi trở nên hoang liêu, vắng vẻ...

Cả làng tôi và gia đình tôi ai cũng rất quý hai Ông Quy. Qua câu chuyện có thực này, tôi nghĩ trên cõi trần luôn có nhân quả và có kiếp luân hồi.

“Hóa Kiếp Do Lai Bất Sanh Diệt

Hà Tư Vô Diệt Vô Sanh

Ức Kiếp Vạn Tượng Đồng Chơn Tánh

Sum La Vạn Tượng Biến Hư Không”...

Nam mô A Di Đà Phật

Con thành kính đánh lễ mười phương chư Phật. Xin hồng ân tam bảo gia hộ hai Ông Quy được siêu thoát về miền an lạc quốc.

Nam mô Hộ Pháp Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

T.T

Trong Giấc Mơ

*Trong giấc mơ
con lạc về chốn cũ
Hàng trúc xanh còn đó
ở đầu hè
Nắng trở hoa trên mái tóc
vàng hoe
Lối nhỏ vào nhà nở đầy hoa
màu tím*

*Trong giấc mơ
đưa con về nơi có nhiều
kỷ niệm
Nơi mẹ ngồi
là ô cửa của chuỗi đời
dằng dặc
những cơn mưa
Mẹ không khép nên nhánh
buồn về ru mãi
Hàng cau già gió lay như
tóc mẹ thời con gái
Xin cho con ủ mãi giấc ngọt
lành*

*Trong giấc mơ
con thấy mẹ về trong áo lụa*

*Nắng vàng thưa ngoài ngõ lấp
lánh cọng cỏ chiều
Trượt ngang đời soi bóng mẹ
liêu xiêu
Miệng móm mém miếng trầu
không vôi đỏ*

*Trong giấc mơ
con về ngồi bên triền cỏ
Đêm giấu mình trong những
đám mây
Đom đóm từ đâu bay ra như
đôi mắt ngày
Đang nhấp nháy đưa con
về với mẹ*

*Trong giấc mơ
con không buồn không khóc
Dù giấc mơ không có thật
Quá khứ trôi êm giấc mơ đi lạc
Lạc bên dòng đời con níu lấy
chơi vơi
Lạc mất mẹ rồi chỉ còn lại giấc
mơ thôi !*

Cần Có Mẹ

*Nhìn về cố hương con nhớ mẹ!
Chai sạn miếng đời nước mắt bện triền sông
Gom bao lần
Con chan cơm cùng mẹ?
Khuyết mãi nhọc nhằn
thương mẹ kiếp kiêu nương
Mẹ ơi!
Trái lòng muôn vá víu
Buổi kiêu tà
Con vẫn cần
Vòng tay mẹ
Thấp chiều hôm*

Khúc Tam Chiều

*Tự tại điền viên chốn tịch liêu
Giang tay vớt nhịp khúc tam chiều
Ta đón sớm mai kinh huyết dụ
Đường về loang ánh gót giày xiêu*

*Đào tiên ngưỡng gió huyền lay mộng
Dừng lại bến bờ biêng biếc trông
Ta ôm gió bạt mùa sương giá
Thủy cuộn giang hà trong Tiêu Tương*

Chuyện kể trên đường đi

Cuối ngày thứ hai chạy trốn công việc, tui chở hai mẹ con hẳn đi chạy hết tuyến đường quanh bãi biển Mũi Né, thử trượt cát ở Đồi Hồng cho biết. Tháo giày, dép, gửi xe bên này đường, băng qua đường là đồi cát nhấp nhô, rộng mênh mông. Chào đón và hướng dẫn ba đứa tui là hai cậu con trai, đứa tầm 12 đứa tầm 10 tuổi, tay ôm mấy tấm nhựa trượt cát.

- Cô, chú ơi, thuê tấm trượt của tụi con đi.
- Mỗi tấm bao nhiêu? Mà mua luôn hay cho thuê?
- 30 ngàn một tấm. Chú trượt bao nhiêu lâu cũng được.
- Hai đứa là anh em hay làm riêng?
- Dạ, làm riêng.

Tui chỉ cần một tấm trượt thử cho biết, và chỉ muốn thử một chút rồi về thôi, trong khi có hai đứa cho thuê tấm trượt. Hai đứa nó đi theo gia đình tui lên giữa chừng đồi. Tui nói:

- Bây giờ chú chỉ cần thuê một tấm, tối đa chỉ sử dụng trong 30 phút. Để công bằng, chú thuê của mỗi đứa 1 tấm, giá 20 ngàn, hai tấm là 40 ngàn. Được không?

- Hai tấm 50 ngàn đi chú.
- Thôi, hai tấm 40 ngàn, chú đâu cần thuê hai tấm, nhưng vì hai đứa cho thuê, phải chịu thiệt một bên một chút, cho công bằng.

Hai đứa nhỏ không nói nữa, nhưng đồng ý vì tui nó quyết định đi theo gia đình tui, vừa đi vừa nói chuyện và hướng dẫn cách trượt, trấn an hai mẹ con rằng trượt dễ lắm, tui nó sẽ chỉ cho trượt.

Tụi nó chọn chỗ trượt tốt và bắt đầu hướng dẫn cách ngồi, cách trượt, một số lưu ý để tránh cát bay vào mắt, vào miệng. Thằng nhóc

Alex thích trò này, nhưng cười nhiều nên bị cát bay vô miệng. Trượt vài lần, chừng 10 phút thì tui trả tấm trượt cho hai đứa nhỏ, nhưng không có tiền nhỏ nên quyết định ra quán nước chỗ giữ xe để đổi tiền. Vừa đi, mẹ thằng Alex vừa hỏi chuyện tui nhỏ. Tụi nó nói cho thuê tấm trượt thì phải đi theo khách từ dưới đường ngay khi khách vừa ra khỏi xe, đi bộ theo khách lên đồi để năn nỉ, chứ giữa đường mà bỏ cuộc thì sẽ có đứa khác giành khách. Tụi nó nói thêm không phải ngày nào cũng cho thuê được vì quá nhiều đứa cùng làm một việc. Đứa lớn còn nói thêm là ba nó bỏ đi, nó ở nhà với mẹ nó, mẹ nó đi làm thuê.

Hai đứa này thấy thằng Alex vui vẻ, chịu nói chuyện nên cũng rất vui. Đứa nhỏ hỏi tuổi của Alex, nó nói: “Em nhỏ mà lạnh và nói chuyện khôn quá à!”

Đến quán nước, hai đứa đứng chờ mẹ con thằng Alex đi mua nước và đổi tiền để trả. Tụi nó hỏi tui: “Sao chú không tắt máy xe đi chú?” - “Chú mở máy xe trước cho mát”.

Hai mẹ con thằng Alex đem ra hai chai nước mát mới mua. Hấn đưa cho hai đứa nhỏ. Hai đứa ngại không dám lấy. Tui nói: “Con phải nói là mời hai anh uống nước. Mẹ mua cho hai anh đó.” Hai đứa nhỏ khấp nép nhận và khoanh tay cảm ơn, rất lễ phép.

Mẹ thằng Alex trả cho hai đứa, mỗi đứa 50 ngàn. Hai đứa nhận tiền rồi cảm ơn. Có lẽ tụi nó không ngờ ban đầu tui trả giá 2 tấm mỗi tấm 20 ngàn, mà bây giờ trả mỗi đứa 50 ngàn và tặng thêm nước uống.

Về dọc đường, mẹ thằng Alex nhắc ại chuyện hai đứa nhỏ cho thuê tấm trượt cho hấn nghe, lòng ghép chuyện ba của đứa lớn bỏ rơi mẹ con nó, rồi chuyện hai đứa nhỏ được tặng nước uống, tụi nó mừng vui thế nào,...

Đi một ngày đàng học một sàng khôn là vậy. Đi để học, đi để biết thêm, trân trọng thêm cuộc sống, biết ơn hơn cuộc đời.

Tui thích làm tài xế, đi khắp nơi khi có thể. Ngồi trong xe với nhau nhiều giờ, băng qua nhiều nơi cũng là cơ hội rất tốt để vợ chồng, con cái nói chuyện với nhau, hiểu nhau hơn.

Phan Thiết 24/07/2015

Vội gì!

*Vội gì anh một tiếng yêu
Cho con sáo nhỏ cũng chiều bơ vơ
Vội gì anh chút mong chờ
Sóng nào rồi cũng xô bờ cả thôi.*

*Hãy cùng mơ ước xa xôi
Bàn tay nắm chặt ngõ đời chênh vênh
Tình ta dẫu mấy thác ghềnh
Niềm tin em trái mộng lành sẽ qua.*

*Đừng vội như cội người ta
Bảy ngày mộng mị rồi ba ngày tàn
Gieo trái ngang gặp trái ngang
Đừng vội anh nhé... lỡ làng trao nhau!*

*Cứ yêu dù có bạc đầu
Một lần đắm vụn ngày sau êm đềm
Em về hút ánh trăng đêm
Tặng anh để xóa nỗi niềm chưa nhau.*

Tóc Hoàng Kim Xưa

*Anh đi hàng phượng trở bông
Đỏ trời thương nhớ dấu nông nàn yêu
Sân trường nắng đổ nghiêng chiều
Vàng phai mái tóc ủ nhiều ước mơ*

*Anh đi xa tuổi học trò
Như con chim nhỏ đang dò đường mây
Câu thề vừa ướm đầu tay
Còn chiêm bao mộng gió bay qua cầu*

*Thuyền hoa bến mộng về đâu
Anh bên triền núi nghe sầu rót vai
Thương em mắt lệ vẫn dài
Sợ tình rong ruổi trắng phai cuối ngàn*

*Mấy lần phượng nở hè sang
Nhớ em áo trắng tóc hoàng kim xưa
Mù khơi anh bước giữa mùa
Bức thư tình cũ mực chưa nhạt màu*

*Tình đầu ta lạc mất nhau
Trăm năm tình hồi, còn đau kiếp người!*

Linh tinh đời thường

Chủ nhật vẫn đi làm như thường ngày. Xong việc, hai vợ chồng chạy lên chùa Phước Hải - điện Ngọc Hoàng để thắp nhang (dân gian tin rằng đây là nơi linh thiêng, nhất là về cầu xin về đường con cái) cầu mong các bà mẹ phù hộ cho thai nhi khỏe mạnh, lành lặn. Vừa đến đầu đường đã thấy xe cộ dựng đầy vỉa hè, nhìn thêm chút nữa thấy người đi viếng quá đông so với ngày thường và cuối tuần nhiều lần trước hai vợ chồng đến đây. Vợ nói: “Thôi về, lần khác đi.” - Minh nói: “Mẹ cứ vào, đứng ngoài sân lạy vọng vào cũng được, xong rồi về.” - Xưa nay, hễ chỗ nào đông quá thì vợ chồng mình tránh, lựa lúc ít người mới tới. Nhìn từ ngoài vào thấy hàng hàng lớp lớp người, nhất là phụ nữ, đội một mâm lễ vật, trên đó có thứ gì nhìn giống vải hay áo cũ. Sau này có người cho biết hôm nay họ làm lễ “Đổi Vận” (nghe giống như Đổi đời).

Hai vợ chồng mình có đức tin tôn giáo – Phật giáo - và có tín ngưỡng dân gian (nhưng không cuồng tín) vì nghĩ rằng có những thứ mình không thể kiểm soát được, cũng không thể cậy nhờ khoa học để giải thích.

Tối về đọc báo thấy ở lễ hội này người người cướp ấn, ở lễ hội kia nhà nhà cướp phết: người người cầu mong thay đổi vận may, thăng quan tiến chức,... bất chấp nguy hiểm, kể cả tính

mạng.

Tiền sĩ Nguyễn Minh Hòa có viết bài hồi Tết năm ngoái, trong đó câu kết là: “Một dân tộc dựa dẫm thánh thần không thể nào là một dân tộc mạnh khỏe.” - Đúng là vậy!

2. Hôm nay, một trong hai trứng chim trên cành cây cau ở nhà mình đã nở thành con. Mình phát hiện được vì hai anh chàng gắn máy lạnh đã làm chim mẹ giật mình rời khỏi tổ. Nó nhận ra người lạ. Hay chưa? - Sau hơn hai tiếng đồng hồ phải bay đi, bay lại giữ cho chim con không bị nắng thiêu chết hoặc gió thổi bay, chim mẹ bám chặt trên cành cau để bảo vệ con mình. Tối đến, mình mở cửa, tưới cây, đến gần nhìn mẹ con nó, nó vẫn không bay. Nó nhận ra người quen không gây hại đến sự yên bình bấy lâu của nó.

Loài chim còn hữu tình đến vậy, mà lắm khi con người lại vô tâm.

3. Nhìn lại cây cối trên sân thượng nhà mình, hoa sứ quân tử (trang leo) đã nở từng chùm, thơm ngát, cây thông mang từ xứ sương mù về từ hai năm trước vẫn còn sống, bắt chập cái nắng gắt quanh năm của Sài Gòn. Cây cối sống được chủ yếu là nhờ đất, nước qua sự chăm sóc của con người.

Mới thấy, chăm sóc là thứ mà vạn vật luôn cần. Với con người, thiếu chăm sóc cũng sẽ héo khô và chết đi nhanh.

4. Mấy hôm trước, chị học trò ở tỉnh nhắn trên Facebook hỏi kinh nghiệm đặt hẹn lịch khám bệnh ở Chợ Rẫy qua tổng đài 08 1080. Nhắn trả lời chị xong, cả ngày không thấy phản hồi, sau đó mới biết chị được cấp cứu nhập viện 115 chưa đầy 5 phút kể từ lúc chị viết tin nhắn. Bệnh viện 115 chật kín chỗ, không còn phòng dịch vụ, cũng không còn một giường nào ở các phòng thường, chị được sắp xếp nằm ngoài hành lang để chờ. Trong khi chờ đợi ở bệnh viện 115, trưa nay, theo lịch hẹn ở Chợ Rẫy, chị đến khám và làm tất cả các xét nghiệm. Bác sĩ Chợ Rẫy kê toa thuốc rồi cho về uống 30 ngày sau tái khám, nhưng chị vẫn phải

ghé 115 để chờ bác sĩ ở đây (là bệnh viện lúc chị cấp cứu) quyết định xem có nằm lại bệnh viện hay không. Chị “vui mừng” cho biết, chiều nay đã có giường trống, nằm chung phòng với khoảng hơn 30 bệnh nhân khác.

Đêm Giáng Sinh, cầu mong chị mau khỏe, được cho về nhà điều trị. Nằm viện kiểu đi tàu hỏa 30 năm trước thì bệnh càng nặng chứ khỏe nổi gì. Vẫn biết, trong Mười Điều Tâm Niệm có khuyên: “Hễ có thân thì đừng cầu không bệnh tật” nhưng bệnh đến rồi thì phải cầu mong mau khỏi. Vậy thôi!

5. Vào một nhà hàng cà phê, tui liếc nhìn bàn bên trái thấy hai vợ chồng đang ăn uống, trò chuyện và cậu con trai tầm 18 - 20 tuổi đeo tai nghe lớn, lướt lướt trên màn hình Ipad và điện thoại thông minh cùng một lúc, đầu lắc lư theo nhạc trong thế giới riêng của mình. Có lẽ, cậu ta là con trai một.

Tui đã thấy cảnh này nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau ở nước mình và rất sợ khi nghĩ đến một ngày con trai mình cũng sẽ là một trong những phiên bản như vậy. Ipad, TV, đồ chơi,...tui cũng sẵn sàng mua cho con, nhưng cả hai vợ chồng thống nhất hạn chế tối đa thời gian tiếp xúc với thiết bị giải trí điện tử và Internet. Cả cha và mẹ, nhất là mẹ, rất ý thức về tác hại của Ipad và tầm quan trọng của thời gian bên nhau, cộng thêm sự vâng lời của con nên đến giờ cả nhà vẫn ổn. Để làm được vậy, mỗi khi đi chơi hay ở nhà, hai vợ chồng đều dành thời gian chơi với con, bày ra đủ thứ trò để gần con hơn. Khó lắm, nhưng không làm vậy thì thời gian dành cho nhau là rất ít, và con sẽ lớn nhanh theo thời gian. Mỗi sáng đưa con đến trường, trước khi theo mẹ lên lớp, hai vợ chồng tui đều nhắc con: “Hôn tạm biệt ba đi con!”. Khi rước con, tui cố gắng không quên nhắc con lên, ôm hôn nó, bởi tui biết, thêm vài năm nữa chưa chắc tui đã nhắc nổi nó và chưa chắc nó đã cho tui ôm như bây giờ.

Tuổi thơ trôi qua có trả bằng kim cương cũng không mua lại được.

Đời sống càng ngày càng khá hơn, cứ cho là vậy, nhưng chúng ta mất nhiều hơn là được, nhất là những giá trị cốt lõi của cuộc sống, mà lớn nhất là giá trị gia đình.

Nói mãi chẳng thừa rằng cha mẹ cứ nghĩ rằng mình phải kiếm cho thật nhiều tiền để cho con có điều kiện tốt nhất, nhưng cuối cùng tiền có mua được giá trị tinh thần và kỷ niệm theo thời gian đâu. Hãy hỏi con cái, xem tụi nó cần gì ở cha mẹ, và đừng bao giờ nghĩ rằng mình có quyền quyết định cách chăm sóc con thế nào.

6. Tui hay được một số nhân viên và những người quen thân cảnh báo: Thầy dễ quá, nhân viên không sợ, có khi loạn hết.

Tui thường im lặng, công nhận rằng mình dễ, có khi dễ dãi với tất cả nhân viên, nhưng đó là một phần chiến lược quản lý nhân sự của mình. Từ lúc tui bước chân ra đời kiếm sống, làm thuê cho người ta, cho đến lúc bắt đầu trả lương thuê người làm cùng mình, tui luôn thân thiện, gần gũi với cấp dưới của mình, không phân biệt đối xử với người nào, không nhìn xuất thân của họ. Đơn giản, tui thấy khó khăn với nhân viên là điều không cần thiết lắm với mình và không công bằng với nhân viên này, thiên vị cho nhân viên khác là điều phải tránh. Tui quan tâm hơn đến sự đóng góp của nhân viên, thái độ và hành xử của họ với đồng nghiệp, và sự nỗ lực thay đổi bản thân từ xuất phát điểm của chính họ.

Tuy nhiên, nhiều người cũng ngạc nhiên trước một số quyết định dứt khoát, không khoan nhượng của tui trong quản lý nhân sự. Đơn giản, tui biết giới hạn của sự dễ dãi. Tui thấy sự nhượng bộ khi giới hạn đã bị phá vỡ là điều không cần thiết.

Không có gì khó bằng quản trị nhân sự và mỗi người quản lý đều có chiến lược của riêng mình. Ở mức độ kinh doanh hiện nay của mình, tui vẫn ưu tiên cho quản lý con người bằng Đức Trị.

T.T.H

Ừ Thì Thôi!

*Thôi vui, thôi khóc, thôi cười
Thôi buồn, thôi giận, thôi đòi oan khiên
Thôi tình giấu mặt giả điên
Mày cau mắt liếc xô nghiêng bóng tà*

*Thôi luôn hơi thở mù lòa
Bờ môi kề cận hồn xa phương nào
Từng đêm giấu lệ nghẹn ngào
Oằn thân xác mỗi tay cào huyết sâu*

*Ừ thì thôi... nợ gì nhau?
Mà sao quanh quẩn ôm sâu trăm năm...
Từ nay thôi giấc mơ thâm
Tơ hồng lỡ buộc cõi dần trả nhau*

*Trói chi ân nghĩa mà đau
Khói sương mộng mị nát nhàu cõi yêu
Ừ thôi cố nén bao điều
Ta thầm rủ kiếp rong rêu lỡ làng...*

Vòng Xoay

*Chiếc lá về với đất
uơm mầm xanh đâm chồi
Bánh xe vòng sanh tử
chỉ một phách cuộc đời.*

Nhắm Mắt

*Nhắm mắt để nghe tiếng lòng
Nhắm mắt để thấy hư không cận kề
Nhắm mắt xóa bỏ bộn bề
Nhắm mắt hỷ xả khen chê của đời
Nhắm mắt nuốt trọn nhiều khê
Nhắm mắt để đở tì tê một mình
Nhắm mắt nhập cõi điều linh
Nhắm mắt kết cõi chúng sinh Ta bà.*

Bóng Lá

*Những giấc mơ có thật giữa ban ngày
Là ngày xưa cộng với hôm nay
Kéo dài vô định*

*Hạnh phúc ngập tràn
Niềm khao khát bấy lâu
Mái nhà xưa trong sâu thẳm
Đang tìm lối trở về
Chiếc lá rơi... như lời trách chân tình
Cho những điều lãng quên trong ký ức*

*Tôi vẽ vòng thiên định
Mong bớt đi bao nhiêu nỗi muộn phiền
Đã cay đắng, nhục nhằn và sung sướng
Đã trả giá cho bao điều ảo tưởng
Giấc mơ xưa tiếp nối giấc mơ nay*

*Tôi nguyện cầu cho thời gian dừng lại
Để đường đời hết kẻ trước người sau
Cho cô đơn, chờ đợi sẽ không còn
Để ngồi nhìn từng chiếc lá vàng rơi
Tôi ngắm mãi đời mình qua bóng lá...*

Hỷ Xả

*Lòng buông xả hết những ưu phiền
Thức tỉnh mê đời đến cõi tiên
Phật pháp nhiệm mầu tâm giác chuyển
Lời kinh vi diệu trí thông huyền.*

*Vu lan báo hiếu chuyên trì niệm
Sám hối hồng danh chớ thất truyền
Sáu chữ “Di Đà” vun nghiệp thiện
Duyên lành dậy khởi vạn bình yên.*

Tam Không

*Không nghe để lắng tâm trong sáng
Ngữ loạn, lời ngoa, máng ngoài tai
Lững lờ theo gió thoảng bay
Giữ tâm chánh định, lành ngay với đời.*

*Không thấy cảnh tình người ác đạo
Khởi tâm lành vun tạo lòng nhân
Hai tay buông nhẹ tham sân
Quay về bờ giác, tìm lần lối đi.*

*Miệng không nói, những khi nóng giận
Lời đã tuôn, nuốt hận về sau
Người khôn ăn nói thanh tao
Lời hay, ý đẹp trao nhau vẹn tình.*

*Không nghe, không nói, không nhìn
Dùng tâm để cảm sự tình thế gian
Luyện tu là để tìm an
Để tâm thanh tịnh, chẳng màng hơn thua.*



Chị hiện là phóng viên báo Văn Nghệ TP.Hồ Chí Minh, hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh.

Tác phẩm đã xuất bản: Lục Bát Cho Khát Vọng (NXB Hội Nhà Văn, 1992), Người Đàn Bà Làm Thơ Và Trắng (NXB Văn Nghệ TP.HCM, 1995), Đếm Cát (NXB Văn Học, 2003), Rủ Người (NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2006), Buổi Sáng Có Nhiều Chuyện Kể (NXB Hội Nhà Văn, 2009).

Hương Thiên xin trân trọng giới thiệu hai tác phẩm của chị.

Nguyễn Hải Thảo

Một Nửa

*... một nửa cạn cùng
một nửa vơi
một nửa vàng trắng
một nửa đời
một nửa mặt trời
một nửa biển
một nửa yêu...
và một nửa thôi...*

Tiểu Ni

*Dòng kinh chiều rơi xuống
Sương lam vờn non xa
Y – bát – buồn nhạt nắng
Hoàng hôn nhòa cà sa.*

*Chim rìng xao xác gọi
Trăng non cong thẹn thùng
Dấu cheo buồn cỏ lấp
Rừng xanh chìm trong sương.*

*Gậy trúc dò Tây Trúc
Bồ Đề vòng luân xa
Nao lòng câu hiếu tử
Chưa tròn
Xuân đã qua!*

*Giọt Kinh chiều đọng lại
Trên đá mòn rêu xanh
Nỗi niềm riêng cuồng dại
Lặng trong lòng bình an.*

*Chuyện trần?
Thôi. Ở lại!
Bên này rừng xanh xưa
Gót lam già thanh thảo
Bên kia triền non xa...*

Giấc Mơ Giữa Mùa Hạ Trắng

*Tôi đi tìm em, em lại tìm tôi
Đi hai hướng giữa hai bờ hạ trắng
Trong giấc mơ tôi bao mùa mưa nắng
Vẫn nhớ một thời tóc thả gió bay.
Cô bé ngày xưa nào biết đợi ai
Khi trái chín tình yêu tôi vụn vỡ
Tiếng ve ngân cánh phượng hồng rực rỡ
Nghe bước em về trong gió mong manh.
Có tiếng chim sâu ríu rít đầu cành
Tôi và em chưa một lần hẹn ước
Chiếc lá rơi theo dòng đời xuôi ngược
Cuộc tình buồn như cánh vạc ăn đêm.
**

*Em đi tìm tôi, tôi lại tìm em
Hai nhánh rẽ trên dòng sông hạ trắng
Trong giấc mơ tôi em về trong nắng
Đẹp tinh khôi như quả chín đầu mùa.
Vạt áo dài lất phất hạt mưa thưa
Hồn phố cũ của một thời mê hoặc
Tìm đâu thấy cõi thiên đường đã mất
Cổng trường xưa đã khép lại bao giờ.
Tuổi bướm sâu xóa nét chữ ngây thơ
Em lặng lẽ bước qua trời thơ mộng
Sao ngày xưa lại đuổi hình bắt bóng
Để cuối mùa đành lru lạc tìm nhau.*



Ngày 29/01/2016 tại Trụ sở Hội Cựu Chiến binh Q.1 (148 bis, Nam Kỳ Khởi Nghĩa), Trung tướng Trần Thanh Huyền, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh TP. Hồ Chí Minh trao Kỷ Niệm Chương “Vì sự nghiệp Cựu Chiến binh Việt Nam” cho Đại đức Thích Phước Từ (Phó Trưởng ban Từ Thiện hội Cựu Chiến Binh Phường Phạm Ngũ Lão, Q.1 - trú xứ chùa Linh Sơn 149 đường Cô Giang, Q.1 TP. Hồ Chí Minh) vì có nhiều thành tích đóng góp trong hoạt động đền ơn đáp nghĩa dành cho các cựu chiến binh Việt Nam từ 16 năm qua.

VÂN THANH

(CHÙM TRUYỆN NGẮN CỦA VƯƠNG ÁNH)

Đệ Nhất Bản Cung



Ở một ngôi chùa cổ trong ngôi làng hẻo lánh bên dòng sông Tiền có vị Sư Bà gương mặt hiền hòa nay đã ngoài tám mươi, lúc nào cũng tươi cười nét mặt rạng rỡ phúc hậu, đặc biệt là cách giáo huấn của

Sư Bà với các sư cô và chú tiểu thật nhẹ nhàng bằng những câu chuyện kể.

Thông thường mỗi sáng, sau khi công phu, quét dọn sân chùa, điếm tâm sáng xong, các sư cô và chú tiểu tập hợp lại say sưa nghe Sư Bà kể chuyện, trong đó các ni thích nhất là câu chuyện đệ nhất bản cung.

Ngày xưa có một vị thầy nổi tiếng có tài thiện xạ bách phát bách trúng, được mệnh danh là đệ nhất bản cung. Thầy có nhiều

đệ tử theo học, trong đó nổi bật nhất là một đệ tử tài năng xuất chúng rất thông minh, tiến xa và vượt trội hơn cả những huynh đệ cùng lớp (thầy rất tự hào nghĩ mình đã có người kế thừa). Bỗng một hôm, sau buổi học, đệ tử rủ thầy đi dã ngoại và luyện tập. Đệ tử đã chuẩn bị cho thầy cung tên, nhưng trong túi tên của thầy chỉ có 10 cây tên còn của anh ta thì 20 cây.

Khi đến bia rừng, anh ta thách thức: “Hôm nay hai thầy trò mình sẽ thi đấu”. Nói xong, anh ta rút tên và bắn thầy. Vị thầy bình tĩnh bắn phá mũi tên của đệ tử đến cây cuối cùng. Anh ta mừng thầm và cười lớn, nói: “Hôm nay là ngày cuối của cuộc đời thầy. Thầy có gì muốn nói không?”. Vị thầy từ tốn trả lời: “Không biết là ngày cuối của ta hay của ai đó?”. Thật ra thầy là người thông thiên văn, hiểu địa lý và kinh nghiệm tuổi đời; nhìn vào ánh mắt của đệ tử, thầy đã hiểu tất cả. Thầy vừa nói dứt lời, anh ta rút tên và nhắm vào thầy mà bắn. Thật bất ngờ ngoài sức tưởng tượng của anh ta. Thầy bẻ cành cây thay cho tên bắn trả lại. Anh ta sùng sốt vì chiêu này hẳn chưa biết bao giờ, nhưng vẫn tập trung bắn cho hết những cây tên còn lại mong sao hạ gục được thầy mình. Nhưng trời bất dung gian không chiều lòng kẻ hiểm ác. Tên của anh ta đã hết, nhưng nội lực thầy bất tận vì còn cả một rừng cây.

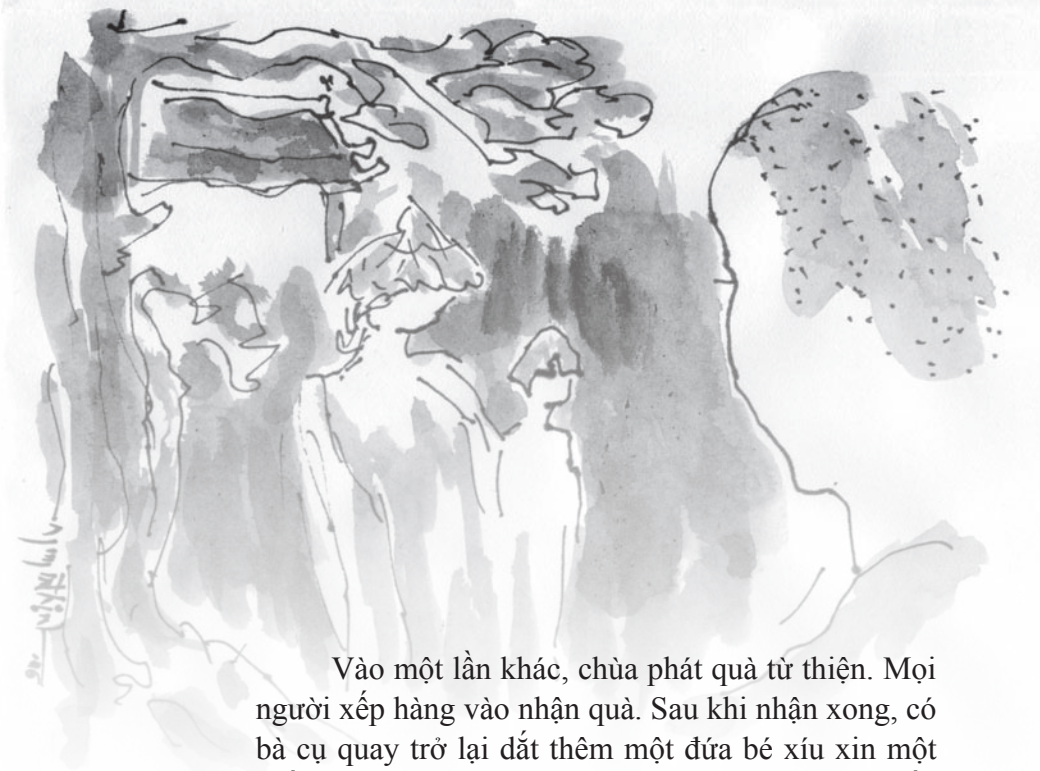
Cuối cùng, vị thầy nghĩ để anh ta bỏ tham vọng và hại người khác, thầy đã bắn vào ngón tay kéo dây cung của anh ta. Khi nhìn ngón tay không còn bắn cung được nữa, anh ta than: “Làm sao ta trở thành đệ nhất bắn cung đây?!”.

Ước mơ duy nhất của đời anh ta vụn tan biến do tham vọng của hắn. Từ đó về sau không ai còn biết được tung tích của hắn nữa.

Vị thầy buồn bã vô cùng, đường trở về sao xa xôi quá, bởi tâm nguyện truyền trao cho đệ tử xuất chúng của thầy chưa hoàn thành. Tạo hóa trở trêu thay hay đây là đường đi dĩ nhiên của tạo hóa: Tâm truyền tâm, phải có tâm để đón nhận?

V.A

Tâm Từ



Vào một lần khác, chùa phát quà từ thiện. Mọi người xếp hàng vào nhận quà. Sau khi nhận xong, có bà cụ quay trở lại dắt thêm một đứa bé xíu xin một phần quà nữa. Sư Bà vẫn phát và không có ý kiến gì. Sư cô sợ Sư Bà không nhớ nên nói nhỏ: “Sư phụ ơi, bà này vừa nhận quà xong, bà tham lam quá vào nhận thêm nữa; con nhớ mặt mà, sư phụ lấy lại đi!”. Sư Bà nhẹ nhàng nói với sư cô: “Chắc bà đó quá khó khăn hoặc có nỗi lòng gì đó. Con cứ để yên đừng nói gì nhé!”.

Trong lòng sư cô rất ấm ức vì sư phụ không công bằng. Tại sao lại để cho người này nhận hai

lần. Lần nào phát quà, sư cô cũng để ý bà này cũng nhận hai lần, nhưng cô vẫn phát vì không dám cãi lời sư phụ. Bẵng đi thời gian sau, không thấy bà ta xuất hiện. Mọi người cũng quên đi hình ảnh có một bà dẫn đưa cháu nhận quà hai lần.

Rồi một buổi sáng nắng vàng rực rỡ, có một bà nhà giàu ăn mặc sang trọng đến gặp Sư Bà xin đóng góp từ thiện và nhờ chùa phát quà cho những người nghèo.

Mọi người thấy bà này hơi quen quen và ngỡ ngỡ dường như đã gặp bà ở đâu rồi. Khi trao đổi xong với sư phụ, bà ta nói: “Sư Bà không nhận ra con sao? Con chính là người luôn luôn xin hai phần quà. Con biết Sư Bà biết nhưng vẫn phát, con thấy xấu hổ lắm nhưng vì hoàn cảnh con quá nghèo, phải nuôi thêm mấy đứa cháu nên đành làm vậy. Nhờ sự bao dung của Sư Bà, gia đình con được sống qua ngày. Sau này, nhờ may mắn con làm ăn gặp thời nên khôi phục lại cơ nghiệp. Con luôn luôn nhớ đến công đức của Sư Bà. Tâm nguyện của con khi nào có điều kiện, con sẽ trở lại chùa với vai trò là nhà hảo tâm như con đã từng được nhận quà của mọi người.

Khi bà khách ra về, các sư cô mới vỡ lẽ, Bà có tấm lòng nhân ái bao dung và rút ra được một bài học, mọi việc nên lấy tâm từ mà quán chiếu như tấm lòng của bồ tát Quan Thế Âm vậy.

Qua cách giáo huấn của Sư Bà, chúng ta đã học được tấm lòng từ bi bác ái, bao dung và tha thứ. Giáo dục của Sư Bà rất nhẹ nhàng mà thâm sâu đầy tính nhân văn, của tâm hồn Việt.

VƯƠNG ÁNH

Viên Giác



Ở thị trấn sầm uất ven núi có một vị phú gia, mặc dù giàu có nhưng có tấm lòng nhân từ, ông hay giúp đỡ những người hoạn nạn, nghèo khó neo đơn không nơi nương tựa, vòng tay của ông luôn luôn rộng mở và đón nhận những ông lão bà lão hành khất.

Nghe nói lúc trẻ ông sinh ra từ con nhà nghèo, vì nghèo nên hay mặc

cảm, khi ai nói phật ý, mắt lòng là anh cự cãi hoặc gây gổ ngay, mọi người rất sợ anh, nên gặp anh ở đâu đều tránh xa, nên anh càng cảm thấy cô đơn, và cuối cùng anh sống đơn độc trong túp lều tranh ở chân núi. Xã hội đã ruồng bỏ anh. Hay anh đã ruồng bỏ xã hội?

Và có một ngày khi trời tắt nắng, hoặc đêm gần sáng anh đều nghe văng vẳng có tiếng chuông tiếng mõ từ trên đỉnh núi vọng xuống, anh quyết tâm đi tìm tiếng chuông tiếng mõ phát ra

từ đâu? Sáng sớm hôm sau anh quyết định đi tìm thực hư như thế nào. Anh đã vượt những vách đá cheo leo, vì núi này ít ai đặt chân tới nên rất âm u và huyền bí. Khi trời đã gần về chiều anh mới đến được nơi mà anh đã nghe tiếng mõ, trong một hang đá có một vị sư già đang tụng kinh, anh ta thập thò ngoài cửa đợi sư hành lễ công phu xong anh xin vào yết kiến. Vị sư già đã gần tám mươi, nhưng dáng người khỏe mạnh có lẽ sống hòa với thiên nhiên, áo nâu đã bạc màu vì thời gian da nhăn nheo, khắc khổ nhưng giọng nói đầy nội lực đặc biệt cặp mắt của sư rất sáng gương mặt và ánh nhìn toát ra lòng từ bi và trí tuệ.

- Bạch thầy cho phép con vào lễ Phật.

Vị sư gật đầu đồng ý, sau khi đã đánh lễ xong anh được nhà sư mời dùng trà, nhà sư hỏi anh ta làm sau cơ duyên gì đã đến đây, anh chân tình kể ra gia cảnh của anh và bị xã hội ruồng bỏ và nghe tiếng chuông tiếng mõ đã dẫn con đến đây gặp thầy.

- Bạch thầy chỉ cho con lòng từ bi, sao con gặp ai sao mọi người đều xa lánh con?

Nhà sư trầm ngâm một hồi, sư lấy ra một tờ giấy mỏng màu vàng, sư mài mực trên nghiên, và viết gì trên tờ giấy đó xong ngài xếp lại bỏ vào một túi vải màu đỏ, và đưa túi ấy cho anh và bảo hãy đem về và suy ngẫm chữ ở trên tờ giấy đó, và tuần sau con hiểu gì ý của ta trên tờ giấy đó. Khi trở về nhà thì trời đã tối, anh tắm sạch sẽ cho sạch bụi trần, và chọn chiếc áo đẹp nhất anh mặc vào và anh đốt đèn lên cho căn phòng và tâm hồn anh sáng suốt, thấp hương lên cắm vào lon gạo, để tâm anh bình an. Hít một hơi dài cho tâm tĩnh lặng, anh trịnh trọng mở từ từ bao đỏ mà vị sư đã đưa cho, anh chỉ thấy hai chữ “VIÊN GIÁC”. Như một công án, anh suy nghĩ mãi hai chữ “Viên Giác” theo anh Viên là viên mãn tròn đầy, Giác là giác ngộ hanh thông, sự giác ngộ tròn đầy như trăng tròn mười sáu.

Với tâm trạng ngạc nhiên tột cùng, anh tự hỏi mình có tu gì đâu mà đạt đạo, chưa hiểu gì Phật pháp, làm sao giác ngộ? Vậy

Thiện nam tử, ai tu cực tĩnh xa ma tha, trước hết nắm sự tĩnh lặng, bằng cách không nổi dậy mọi sự nghĩ nhớ, thì tĩnh cực là giác phát. Trạng thái tĩnh đầu tiên này phát triển từ một bản thân đến một thế giới, thì trạng thái giác cũng phát triển như vậy. Trạng thái giác cùng khắp một thế giới, thì trong thế giới ấy một chúng sinh nào nổi lên một ý niệm gì cũng biết được cả. Trạng thái tĩnh và giác cùng khắp trăm hay ngàn thế giới thì cũng y như vậy. Thế nhưng hiện tượng nào không phải cái họ đã nghe, họ tuyệt đối không nên chấp nhận.

(KINH VIÊN GIÁC)

tại sao sư cho anh hai chữ “Viên Giác” để anh tư duy về nó. Suy nghĩ mãi mà không thể nào hiểu ý của sư muốn nói gì, anh rất trông chờ đến ngày được diện kiến với sư để biết rõ.

Cuối cùng ngày ấy cũng đến. Hôm đó, anh dậy thật sớm, ra chợ mua một số đồ chay, hoa quả rồi trò lên đến am đá. Nhưng nhà sư đã vào rừng, anh bày hoa quả lên bàn Phật rồi ngồi định tâm trước tượng Phật thiên nhiên bằng đá, và được nhà sư vẽ thêm y áo và ánh mắt định tâm, với nụ cười an nhiên, trông rất nhân từ và phúc hậu. Và anh ngồi trước tượng thờ và mắt

nhìn xuống đầu mũi, định tâm, như nhà sư đã hướng dẫn cho anh khi gặp lần đầu. Rồi một cách tự nhiên, anh bước vào thiền định, không còn biết gì về thời gian nữa. Trời đã về chiều, vị sư già về, đi rất nhẹ nhàng, thanh thoát. Anh cũng không biết vị sư đã hiện diện ké bên. Khi anh xả thiền, anh mới biết sư đã về và ngồi uống trà bên anh.

Vị sư hỏi:

- Thời gian qua con đã tìm được câu trả lời của ta chưa?

Đáp:

- Bạch Thầy con suy nghĩ mãi mà con không hiểu ý của hai chữ “Viên Giác”.

Thầy hỏi:

- Vậy theo con chữ “Viên giác” là gì ?

- Bạch Thầy theo con nghĩ Viên là viên mãn tròn đầy, Giác là giác ngộ hanh thông. Viên Giác là “Giác Ngộ Viên Mãn”.

Vị sư phá lên cười một cách hoan hỷ:

- Con hiểu cao quá lời của ta rồi đó, ta không nói thế đâu?

- Bạch thầy, thầy muốn nói gì qua hai chữ Viên giác .

Sư nói:

- Có phải con đã nói với ta, là con hay làm mất lòng mọi người khi con tiếp xúc, mọi người đã không hiểu con, xa lánh đó sao?

- Dạ đúng con đã nói như thế.

- Con hiểu “Viên” là gì không? “Giác” là gì không? Sư nói tiếp: “Viên” là tròn, Giác là góc, thể thoi.

Anh ta ngạc nhiên không hiểu sao thầy nói như thế. Sư nói tiếp: “Viên giác là góc tròn, con nên hiểu khi giao tiếp ai mà con dùng lời nói góc cạnh sẽ bị va chạm, mà góc càng nhọn thì va chạm càng đau. Khi đau người ta sẽ phản ứng và họ sẽ dùng góc nhọn để đáp trả. Tại sao con không dùng góc tròn để giao tiếp, nếu bị va chạm sẽ không làm người ta đau nhiều vì góc tròn mà”.

Sư nói:

- Góc tròn là những lời nói nhã nhặn, chân tình, biết hy sinh cho người khác, biết thương yêu mọi người, thương loài vật. Phải có lòng từ bi, con hãy áp dụng hai chữ Viên giác xem sao?

Anh đã nghe lời giáo huấn của sư và học được cách áp dụng trong cuộc sống. Từ đó, trở thành thương gia giàu có, anh trở về quê cũ và lên núi để cảm ơn những lời giáo huấn của sư. Nhưng vị sư già đã viên tịch lâu rồi. Anh xuống núi và tâm nguyện sẽ dành quãng đời còn lại giúp đỡ những người khó khăn, già cả neo đơn.

N.T

Cứu Tâm

TÂM tại sao nói cứu? Kỳ thật là do sự ứng dụng hằng ngày của chúng ta chỉ biết có thân, không biết có Tâm. Xưa nay chỉ biết nói Tâm tức là thân, thân tức là Tâm, mê lầm cho thân tâm là một thể, mà chẳng biết có vọng tâm, có chơn tâm cho nên bất cứ lúc nào, nơi nào cũng hết lòng tận sức xúi giục cái tâm ngu si này, lo cho cái thân này được thể diện, được cao sang, được vừa lòng. Cứ cho cái thân đây cũng là ta (Tâm), đó cũng là ta, mà chẳng biết đã làm cho cái Tâm Phật của ta ẩn giấu trong tạng phủ của cái thân này.

Tội nghiệp cho cái Tâm chẳng hiểu thấu được thân này là cái vật gì, cứu cánh là ai, tại sao phải gánh vác cho một đồng thị này? Đi, đứng, nằm, ngồi chỗ này nói đùa, chỗ kia phá giỡn, nghe nhạc xem hát, chỉ lo vừa lòng cho thân làm cho cái Tâm ngày đêm bận rộn, mà chẳng biết quay đầu lại để xem xét cái thân này là ai? Thân chẳng màng đến cái tâm lao nhọc mệt mỏi, cũng chưa từng cho Tâm được ngừng nghỉ chốc lát, hễ thân có bệnh thì Tâm phải lo gấp tìm thuốc men cứu chữa cho, hễ thân có tội thì Tâm phải lo gấp tìm cách cứu thoát cho, thân có vinh dự thì Tâm phải hoan hỷ giúp cho, để thêm vui mừng, khi thân sắp chết thì Tâm phải lo tìm chỗ chôn cất. Cái Tâm luôn luôn vì cái thân lo này lo kia, lo mặc lo ăn. Chỉ cho thân này là ta, chưa từng có giây phút nào cho Tâm này là Ta. Đến khi chết xuống âm phủ, Diêm La Vương buộc tội, không đòi buộc tội cái thân mà đòi buộc tội cái Tâm, cho tất cả nghiệp đều do Tâm tạo, chẳng do nơi Thân. Chừng đó khóc lóc kêu oan, ai dè bận rộn đến ngày nay mới biết Tâm ta bị thân lừa gạt! Cái Thân đã lia khỏi cái Tâm chẳng thờ, chẳng nói, thiêu thành tro, chôn thành đất, than ôi!

Cái Tâm suốt đời bận rộn, chỉ biết lo giùm cho thân, cuối cùng làm cho Tâm ta đọa vào địa ngục, khổ sở biết bao! Đến nay mới ăn năn hối hận. Tại sao trước kia chẳng tự biết quấy? Cứ hết lòng tận sức lo cho

Lướt...

*Giơ tay xé tấm lịch đời
Mới hay ngày tháng là loi vô tình
Gót mòn giẫm nát phiêu linh
Ôi thôi... ngày tháng điểm nghìn tuyết sương*

*Hư danh giữa chốn vô thường
Tựa như mây khói... tha hương nhạt màu
Hồng trần máy nhịp chên chao
Bước chân trượt sóng ba đào tỉnh say*

*Hạt tràng lần bỏ u hoài
Mượn sương tắm gội hình hài thế nhân
Chuông chùa vọng tiếng trong ngàn
Cõi mê gợi ánh phù vân phiêu bồng*

*Tâm này ngủ giữa tỉnh không
Dẫu đời hư ảo dạn lòng thương yêu
Câu thơ ai lướt muôn chiều
Hồn ta lưu lại bao điều nhân tâm*

cái thân! Làm cho Tâm ta không tránh khỏi thai trâu, bụng ngựa, nga quỳ, súc sanh. Suy nghĩ kỹ lại thật là ngu si! Mình cứ ở trong lục đạo gần gũi cái thân này rồi đến cái thân kia, bị thân này thân kia lừa gạt một lần, hai lần, ba lần v.v.... biết đến khi nào mới thôi!

Thật là đau lòng!

Lai Quả chí thành trăm lạy, xin chư Đại đức cứu giúp Tâm này.

Đây gọi là CỨU TÂM.

(Trích trong “Lai Quả Thiền Sư Ngũ Lục” do HT. Thích Duy Lực dịch),

Thiện Chí sưu tầm.

HOA THƯ

Trà Quán Ông Đồ
GIỮA CHỐN PHỒN HOA
LẠI THẤY THUẦN CHÂN



Đôi khi giữa kinh thành gió bụi, con người rất dễ rung động với những vẻ đẹp hiền hòa, thanh đạm và lãng động. Bởi cuộc sống thị thành luôn hối hả, âm thanh hỗn độn ngập tràn. Nhưng đâu đó như vẫn còn chút duyên tiếc những khoảng lặng cho cuộc sống này nhẹ đi. Và cần lắm những nốt nhấn nhá cho bản nhạc cuộc đời luôn thú vị:

Một chốn giao thoa giữa sự bay bổng, lãng mạn của nghệ thuật và khoa học, tinh tế trong bố cục không gian.

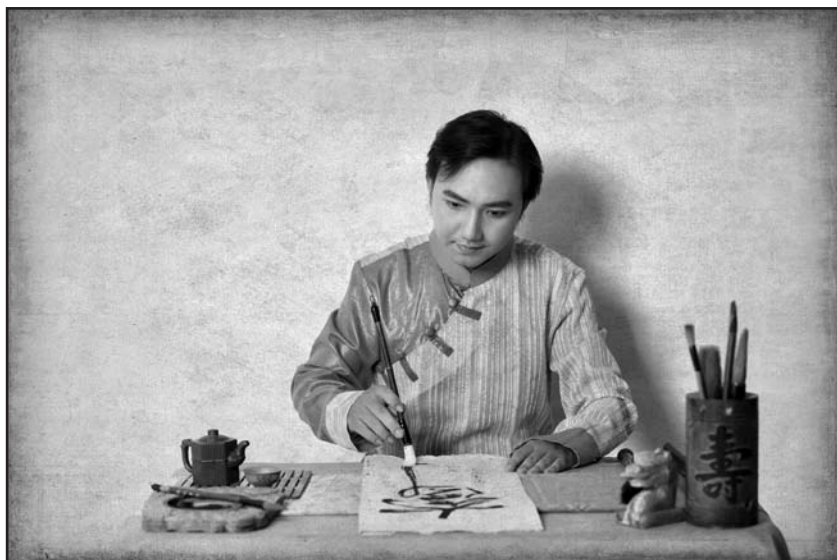
Trong đó, một chỗ để cảm nhận cuộc sống từ những nét chữ bay bổng, thăng hoa của thư pháp, để rồi chiêm nghiệm, suy nghĩ về cuộc đời;

Trong đó, một chỗ để bày ra và chơi đùa với những vật phẩm sưu tập của mình;

Trong đó, một chỗ để gặp gỡ bạn bè bên ly trà sớm tối, cùng nhau vui thú với đam mê, với nghệ thuật;

Trong đó, có thứ mùi vị là niềm vui thanh đạm,...

Và một TRÀ QUÁN ÔNG ĐỒ ra đời, mang đậm phong cách của ông đồ trẻ, nhà sưu tập, thạc sĩ văn hóa học Nguyễn Hiếu Tín (Trưởng Bộ môn Việt Nam học – Trường Đại học Tôn Đức Thắng).



Nhà sưu tập, thạc sĩ văn hóa học Nguyễn Hiếu Tín
(Trưởng Bộ môn Việt Nam học – Trường đại học Tôn Đức Thắng).

Trà quán Ông Đồ ẩn mình trong một con hẻm khá tĩnh lặng như thuộc tính vốn có của bản chất Trà, nơi đây dường như tách khỏi thế giới ồn ào của phố thị, mang lại một cảm giác thật yên bình và sâu lắng. Nói là trà quán, nhưng có thể xem như là “chôn thiên” của một người thích sống chậm thì đúng hơn đặt tên cho quán xá. Đó là cõi riêng của gia chủ, nơi anh được tĩnh lặng với những con chữ, sẽ chia nhẹ nhàng với bầu bạn tìm đến trao đổi về văn hóa, thú vui sưu tập. Không phải ngẫu nhiên, có người cho rằng: *“Trà là thức uống để quên đi thế giới ồn ào”*. Bởi lẽ, bên chén trà sẽ khiến lòng người cảm nhận rõ hơn sự tinh khiết của tâm hồn. Trà là khúc nhạc hay, tuy không có thanh điệu, nhưng khiến người uống phải đồng âm hòa lại, đó là sự hòa ái, chất chứa sự thanh tao, phong độ văn hóa, tinh tri âm tri kỷ, làm cho con người hòa hợp với nhau. Với phong thái đó, Trà quán Ông Đồ theo

phương châm: *chia sẻ niềm đam mê - kết nối tình bằng hữu*, cùng nhau hướng đến sự an tĩnh trong tâm hồn, sự hòa điệu nhịp nhàng trong thế giới động và gợi mở đề trợ duyên cho những tâm hồn thăng hoa. Trà chủ Hiếu Tín cho biết: *“Quán là nơi để những ai quan tâm, có cùng sở thích, đam mê đến để chia sẻ, hội ngộ, gặp gỡ, giao lưu với nhau, cùng “trà dư”, “đồi ẩm” với những sáng tác mới, bộ sưu tầm lạ, là nơi để mọi người học hỏi lẫn nhau, tìm hiểu những thú chơi tao nhã nhằm để thư giãn sau những giờ làm việc căng thẳng”*. Điều đó, đã phần nào hiểu được việc tạo ra không gian trà quán không chỉ xây đắp giấc mộng thanh nhàn cho bản thân trà chủ, mà còn mang lại một sân chơi trí tuệ cho những người bạn trẻ cùng đam mê. Do vậy, dường như “chuyện phù hoa đều bị khóa bên ngoài công”,.. và vì thế những vị trà khách đến theo sự “tùy duyên”, có “cùng tần số” để gặp nhau chia sẻ. Thi sĩ Phạm Văn Sau – Tác giả của thi phẩm trác tuyệt Lục Bát Trà, được nhiều bạn trà mến mộ, đã có bài thơ đề tặng trà quán Ông Đồ một cách tinh tế và sâu sắc:

*Bình Thạnh, có lần lạc nơi
Ông Đồ trà quán - nghe đời bót hoang
Uống trà đi, chi vội vàng
Khung trời rộng mở bát hoàng hôn xưa
Nơi giao lưu, họa nhạc thơ
Đáy thư pháp tới chạm bờ nguyên thanh
Sương non rơi, giọt trong lành
Hồn nhiên, duyên đón, bén xanh nụ chồi.*

Nhà giáo, ThS. Lê Viết Yên, bằng tấm chân tình của mình, đã ưu ái sáng tác dành tặng riêng cho trà quán ông đồ bài thơ “Chén trà phù hư” đậm chất trữ tình và sâu lắng:

*Em còn nhớ! Trà Quán Ông Đồ?
Anh lòng thanh thản giữa phù hư...
Thâm lặng nguyện làm viên đá cuội*

*Lót chân ai hướng nẻo chân như
Nếu em nhớ! Ta cùng ngồi xuống
Dòng miên man chảy đến vô cùng
Dừng chân lại thưởng chén trà hòa
Đốt hương trầm tĩnh thức ung dung*

Cách bày trí trong trà quán, cho ta thấy đời sống và tâm hồn những người tạo ra không gian văn hóa đó. Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã có lý khi nói rằng: “*Tâm hồn không biết hát, hãy hát sao cho người ta thấy được tâm hồn*”. Thật vậy, không gian trà quán của ông chủ trẻ ngoài 30 tuổi này mang một dấu ấn rất riêng và đậm chất phương Đông hoài cổ, trong chốn phồn hoa đô thị. Đi qua gần 400m vuông trà quán tích hợp nhiều công năng vừa là nơi ở, vừa nơi trưng bày, vừa là “quán xá”, ta như lướt qua một thế giới huyền ảo của Đông phương, ngập tràn sắc thái văn hóa Á Đông, thoảng chút hương vị của thiền tông. Ở đó, có dấu ấn thiền tông của vị Tổ sư Đạt Ma làm đại diện, có nghệ thuật âm thủy trà phương Đông đặc biệt bởi bộ sưu tập hàng trăm bình ấm các loại gốm sứ khác nhau, có hàng trăm bức tranh thủy mặc, thư pháp của gia chủ và những người bạn, có hàng ngàn quyển sách, vật phẩm, phù điêu, có một “khu vườn nhỏ” với kiếng cổ chậu xưa,.. và đặc biệt là bộ sưu tập tem và gốm Biên Hòa vang bóng một thời của gia chủ...

Tất cả được sắp xếp một cách khoa học, ngăn nắp và tinh tế. Ở góc nhìn trang trí, việc tiếp xúc với vật chung quanh cũng có tác động tốt, giúp hình thành cho người ta một thói quen sống đẹp hơn, tốt hơn, ngăn nắp hơn, hệ thống hơn. Đó là điều, mà Trà quán ông Đồ đã chạm đến được, bởi sự sắp xếp, một cách hợp lý khiến tất cả mọi thứ trở nên hài hòa, và mỗi góc trưng bày đều có tiếng nói riêng, thông điệp riêng và đôi lúc ẩn tàng những triết lý sâu xa, khi được trà chủ giải mã, người thưởng trà mới tâm đắc được. Anh chủ ý chia trà quán thành ba không gian chính của văn hóa trà phương Đông: Nét “trình diễn” của trà Trung Hoa, nét



Sinh viên quốc tế tìm hiểu văn hóa Việt
tại trà quán Ông Đồ (chương trình Summer Camp 2015)

“mặc tích” của Trà Nhật Bản và sự mộc mạc, bình dị của Trà Việt Nam. Ở không gian Trà Việt được thiết kế bởi mái nhà tranh vách lá, sự thanh nhàn làng quê Việt Nam, có hình ảnh ông đồ tặng chữ ngày xuân, có tiểu cảnh gia đình sum họp, đậm ấm quây quần bên bình trà, có lớp học của thầy đồ xưa bình dị mà thanh cao với truyền thống tôn sư trọng đạo...

Uống trà, đương nhiên sẽ nhớ tới Lục Vũ, ông tổ của ngành trà, được người đời xưng tụng là Trà Tiên, Trà Thánh, Trà Thần, viết ra cuốn Trà Kinh bao hàm rất nhiều văn hóa về trà cũng như về ẩm. Trăm ngàn năm nay, lò lửa thánng năm vẫn cháy rực, trong làn nước sôi, lá trà xanh biếc nở ra những câu chuyện kinh niên. Ngài rất tâm đắc với việc tặng lễ uống trà trong danh sơn cổ tự, đó gọi là trà thiền nhất vị. Nước trà thuần tịnh, vị trà thơm mát, giúp người thưởng trà tẩy sạch muộn phiền thế tục, gột rửa tâm tình. Mà trà trong chén của họ, cũng dần có tính linh, có thiền ý. Nhờ những đạo lý về trà như vậy, đã giúp trà kinh của Lục Vũ đạt

*Trà vị thâm trầm tỏa ngát hương
Quán chào quý khách khắp muôn phương
Ông siêu thư pháp tâm thư thái
Đồ vẽ xuất thần nét kỹ cương*

*Nguyễn vốn đa tài sâu kiến thức
Hiếu ân báo đáp vẹn tình thương
Tín luôn khiêm nhường dù cao kiến
Thi bút tặng người chúc kiện khương*

**Thơ thầy Châu Vĩnh Pháp
(Nam Nhã Phật Đường - Cần Thơ)**

Quý tặng Trà Quán Ông Đồ

tới cảnh giới tối cao giữa thời hoàng kim của văn hóa Trà. Với ý nghĩa đó, trong không gian Trà quán Ông Đồ đã được trà chủ trân trọng dành riêng một góc phòng để trưng bày bộ tượng suu tập tượng Thần Trà Lục Vũ như biểu tượng của triết lý thâm sâu của văn hóa trà phương Đông, làm không gian trà quán trở nên thuần khiết và thiêng liêng hơn.

Thế gian lúc nào cũng nhan nhản phồn hoa, khuấy động cõi lòng vốn chẳng bình hòa của chúng ta. Nếu gặp lúc nôn nóng hay uể oải, nhất định sẽ có một quán trà nhàn tĩnh. Có lẽ, chúng ta không hiểu hết văn hóa trà trong Trà kinh của Lục Vũ, không hiểu sự huyền diệu ẩn trong các loại trà, cũng chẳng hiểu được nhật nguyệt trong lòng ấm, nhưng trong trà quán, chỉ cần thưởng thức một chén trà hợp khẩu vị, một câu chuyện vui, ngắm nhìn một bức tranh đẹp, nghe một bài nhạc hay, đọc vài trang sách tốt, chẳng vì phong nhã, chỉ để thanh tâm, hướng thiện,.. thì sự có mặt của Trà quán Ông Đồ với phong vị trà duyên đón khách dường như đáp ứng phần nào nhu cầu dung dị ấy. Bởi lẽ, thưởng trà chính là nhằm để thưởng thức chén thuần túy, một chén đẹp đẽ, một chén từ bi trong sự an tĩnh của tâm hồn, mà có lẽ Trà quán Ông Đồ đã có nét duyên trà đó.

Trà Thiết Quan Âm

*Nghe tên trà Thiết Quan Âm
Vẹn nguyên tín ngưỡng thế nhân tôn thâm
Đời Càn Long có Ngụy Am
Trồng trà sao chế mười năm cúng Bà*

*Trong mơ thấy Phật hiển hoa
Đẫn vào khe núi, mạch loài trà thiêng
Tinh sương, tinh giác mộng huyền
Tầm nguyên lời Phật. quả duyên thiện lành*

*Thỉnh trồng, cây trở cành nhanh
Ngạc nhiên nấu uống - nước xanh lục ngời
Sợi trà cong xoắn khi rời
Cứng nặng tựa sắt:- Phật Trời ban ơn!*

*Đặt tên là Thiết Quan Âm
Danh trà dậy tiếng khen thâm đồn xa.*



Lê Minh Thành (sinh năm 1957), bút danh Mây Chiều, là nghệ nhân non bộ có tâm hồn thi sĩ, anh đã xuất bản 2 tập thơ (*Bán nỗi buồn, Ký ức một miền quê*).

Tìm chốn bình yên

*Đời phong sương hồn lấm tấm bụi trần
Chân đi lạc qua bao miền xa lạ
Rồi một chiều ta dừng chân quán lá
Mưa bay bay trời vào tiết mùa thu*

*Ngang lưng trời mây gió xám mù khơi
Nhìn xuống đất vực sâu xa thăm thẳm
Tìm đâu thấy bình yên nơi mơ mộng
Bao sơn khê biển rộng vẫn đi tìm*

*Đến một ngày đời gần tắt hoàng hôn
Ta mới ngộ tâm người là chao động
Cõi bình yên từ tâm ta mà có
Tìm mà chi tất cả ở tại tâm*

Ngựa và xe

*Con ngựa già gặm cỏ dưới bóng tre
Cỗ xe mục trơ vơ nằm sương gió
Nhớ một thuở, đôi ta cùng ngang dọc
Dậy bụi đường, in dấu nẻo sơn khê*

*Nắng bình minh hí vang phi nước đại
Chiều mù sương nước kiêu đọi hoàng hôn
Bao âm thanh xe lăn bánh trên đường
Từng in dấu vui dậm trường thiên lý*

*Xe và ngựa như một đôi tri kỷ
Ngựa thiếu xe buồn quanh quẩn trong vườn
Xe thiếu ngựa nằm im không nhựa sống
Hữu ích đời tươi đẹp chuyện ngựa xe*

*Giờ còn đâu một thời xuân xanh ấy
Bóng thời gian mờ nhạt bóng xe qua
Đến một chiều mưa đổ gió quanh nhà
Ngựa già chết, cạnh cỗ xe mục rã...*

L.M.T



TÌM VỀ TRUYỀN THUYẾT

“Xích Ngạc Ngư”

Trâm Minh Dưới sông Vàm Nao



Tác giả Nguyễn Hiếu Trung

Sông Vàm Nao thuộc tỉnh An Giang; có chiều dài không đổi 6,5 km, rộng bình quân 700 m, độ sâu trên 17m, tả ngạn là xã Kiến An và xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, hữu ngạn là thị trấn Phú Mỹ và xã Tân Trung, huyện Phú Tân, chảy theo hướng Đông Bắc Tây Nam nối sông Tiền với sông Hậu.

Đây là một tuyến giao thông đường thủy quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long.

Trong dân gian xuất hiện truyền thuyết cho rằng con sông này là nơi ẩn náu sấu “thần” (Năm Chèo) chờ ngày “đời tới” sẽ nổi dậy để nuốt hết những người làm điều gian ác vào bụng, đưa người hiền đến chốn an lành. Theo nội dung bài thơ xưa nói về ông Năm Chèo: nguyên là con sấu lạ, mình đỏ (xích ngạc ngư)

có tật bẩm sinh đến 5 chân, khi lội dưới nước 5 chân ấy bơi trông như chiếc ghe có 5 cây chèo. Gọi là “ông” vì dân gian hễ cứ thấy hiện tượng con vật gì khác lạ gây sợ thường nhân hóa thành “ông” hoặc “bà”.

Sự thật về ông Năm Chèo và bài “thơ xưa”(xem phần sau) có cùng một xuất phát điểm. Đó là những câu chuyện về loài sấu lớn trên vùng sông nước Cửu Long. Nó hoàn toàn không liên quan đến câu chuyện đời tới như tương truyền của dân gian.

Tại sao cá sấu được thần hóa, hướng con người lánh ác tùng thiện?

Không phải ngẫu nhiên mà người xưa dùng hình tượng cá sấu để răn đời, mà là sự hiểu biết sâu sắc về mãnh lực “Chúa Tể Thủy Quái” trong thế giới của loài thủy tộc. Sấu là một trong 15 loài động vật lớn nhất thế giới! Đặc trưng Nam bộ là vùng đất của nền văn minh sông nước. Cũng giống như nền văn minh sông Nil (Ai Cập) sông Hằng (Ấn Độ) sông Hồng (Việt Nam) sông Cửu Long (Đông Nam Á) v.v... đều có những câu chuyện thần quái gắn với loài bò sát họ hàng nhà sấu. Sấu có mặt ngay thời tiền sử, tổ tiên nhà sấu là chúa tể các động vật. Các nhà khoa học đã nghiên cứu loài cá sấu khổng lồ thời tiền sử có chiều dài hơn 9 mét và tên khoa học *Machimosaurus hugii*. Hơn 160 triệu năm về trước, trên trái đất từng tồn tại một loài cá sấu nước mặn khổng lồ. Mặc dù *Machimosaurus* có những chiếc răng hình nón cùn và chiếc mõm thon dài, song do kích thước khổng lồ, chúng có thể ăn được rất nhiều sinh vật to lớn. Các nhà nghiên cứu đã phát hiện vết cắn của chúng trên mảnh xương hóa thạch của một con khủng long cổ dài.

Cá sấu là động vật ăn thịt người, chúng vừa bị ghét vừa được sùng kính, đặc biệt là ở Ai Cập cổ đại các con cá sấu đã được ướp xác và tôn thờ như là thánh thần. Sự tôn kính này còn được thể hiện tới mức, xác ướp cá sấu còn được mạ vàng và đeo trang sức quý giá không thua kém gì so với vua Pharaoh. Trong

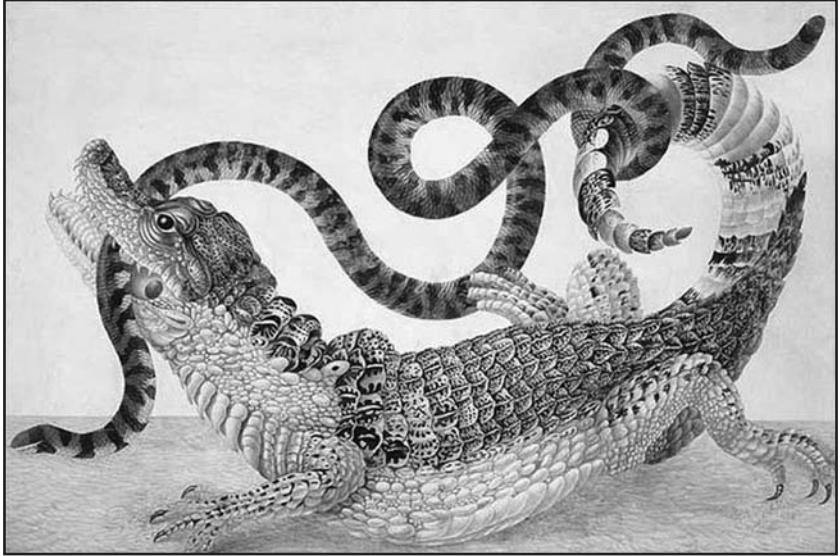
khi sáu các nước hung hãn thì cá sấu Ấn Độ (sông Hằng) lại hiền. Chiếc mõm mảnh dẻ của loài này được sử dụng để bắt cá, do quai hàm của chúng thiếu sức mạnh cần thiết, để bắt giữ các loài thú lớn hơn làm con mồi như ở các loài có cùng kích thước của hai họ Crocodylidae và Alligatoridae. Chúng không phải là loài ăn thịt người. Nữ thần sông Hằng thường được khắc họa trong hình dáng một người nữ cưỡi cá sấu lướt sóng.

Duyên do khiến truyền thuyết “Xích Ngạc Ngư” ra đời

Hơn trăm năm về trước, từ trong dân gian có một bài thơ khuyết danh đề cập đến đức Phật Thầy Tây An mang nội dung như sau: Hôm ấy ông Đình Tây (1) vâng lệnh Phật Thầy đi đỡ đần cho một người đang lâm bồn trong hoàn cảnh chỉ một mình trong mái chòi ở giữa đồng ruộng. Xong việc, người chồng tên là Xinh đi đồng về tới, trong giỏ cá mang về có khá nhiều rùa và có một “Xích ngạc ngư” tức con sấu toàn thân màu đỏ. Thấy lạ, ông Đình Tây xin, anh ta rất vui lòng biểu để tỏ chút lòng tạ ơn người đã ra công giúp vợ mình được mẹ tròn con vuông... Tiếp theo là những diễn biến phức tạp dẫn đến câu chuyện thần bí sau này.

Nhưng theo nguồn thông tin của giới biên khảo: Thất Sơn, phần lớn quy tụ dân “tứ chiếng quần cư”. Trước khi vào Nam, lưu dân ra đi có đủ hạng người: Tù nhân, tội đồ, bị đưa hoặc tự ý vào khai sơn thác địa, những tay giang hồ, dân nghèo “tha phương cầu thực”, những người tín ngưỡng theo Phật Thầy “Lo nghề cày cuộc cũng chuyên tu hành”v.v... tìm đến đây như một chân trời yên ả.

Trong bầu không khí thanh thản, trong mệnh mông nhân tình thế thái: nghèo cũng tủi- giàu cũng khóc vì xa xứ, người lưu dân “tức cảnh sanh tình”, trút bầu tâm sự cùng nhau qua chén chú chén anh. Vào một buổi trà đàm hồi ấy, ngoài những câu chuyện của các lưu dân ở miền Trung, miền Bắc còn có một người ở miền Tây, kể chuyện thật bài bản, thật ấn tượng theo tài liệu có thật về



lịch sử triều Nguyễn, ghi chép về cá sấu ở Nam bộ được lấy ra từ cuốn “Gia Định thành thông chí” do Trịnh Hoài Đức biên soạn. Người ấy chỉ ra rằng: “*Sông Tiên Thủy (tục gọi Sóc Sãi Hạ) ở về phía đông sông Hàm Luông, cách trấn về phía đông 96 dặm. Sông rộng 4 tầm, sâu 1 tầm, làng xóm chợ búa rất đông đúc, ghe thuyền tụ tập... Ngoài cửa sông có nhiều cá sấu, có con to bằng chiếc xuồng, tính rất hung dữ, người đi qua phải coi chừng. Dân trong vùng phàm có những ngôi nhỏ, dùng chõ gạo củi, hay tưới rửa, thì ở miệng ngôi phải trồng cọc dày kín, để ngăn dòng nước cho khỏi nạn cá sấu*”.

Theo Aubaret trong sách dẫn trên thì: “*Rạch Tiên Thủy, năm trước có một con sấu thật to, mình dài đến 60 pieds, cái thân của nó năm người ôm mà không giáp, gọi nó là ông rồng, và sức nó mạnh đến nỗi nó dùng đuôi quất một cái đủ văng người xuống nước để ăn tươi nuốt sống, và ghe xuồng gì đều bị nó quất bể tan*

tàn”.

Người viết bài này có gặp một cán bộ mặt trận về hưu tỉnh Bến Tre, kể thêm từ dân gian địa phương khá hấp dẫn: “*Khi đoàn thuyền nhà Nguyễn lánh Tây Sơn đi ngang qua sông này lại bị một con sấu lớn khủng khiếp, quật đuôi làm cho một thuyền hộ vệ bị nghiêng suýt chìm, quan quân trên thuyền phản kháng dữ dội, nó mới chịu lui để lại một vùng máu đỏ linh láng trên khúc sông. Thời Pháp, để diệt trừ nghiệt thú, chúng nó thui con vật chủ yếu là vịt và chó để như sấu, theo lợi thế con nước lớn thủy triều, nghe mùi thơm sấu xuất hiện; chờ đúng vào lúc con nước ròng 12 lính mã tà mới ra tay sát thủ. Không biết nó có chết chưa mà người ta không thấy nó nổi lên nữa, nhưng có điều đáng ghi nhận, là hôm ấy nước sông Tiên Thủy hôi tanh mùi máu !”*

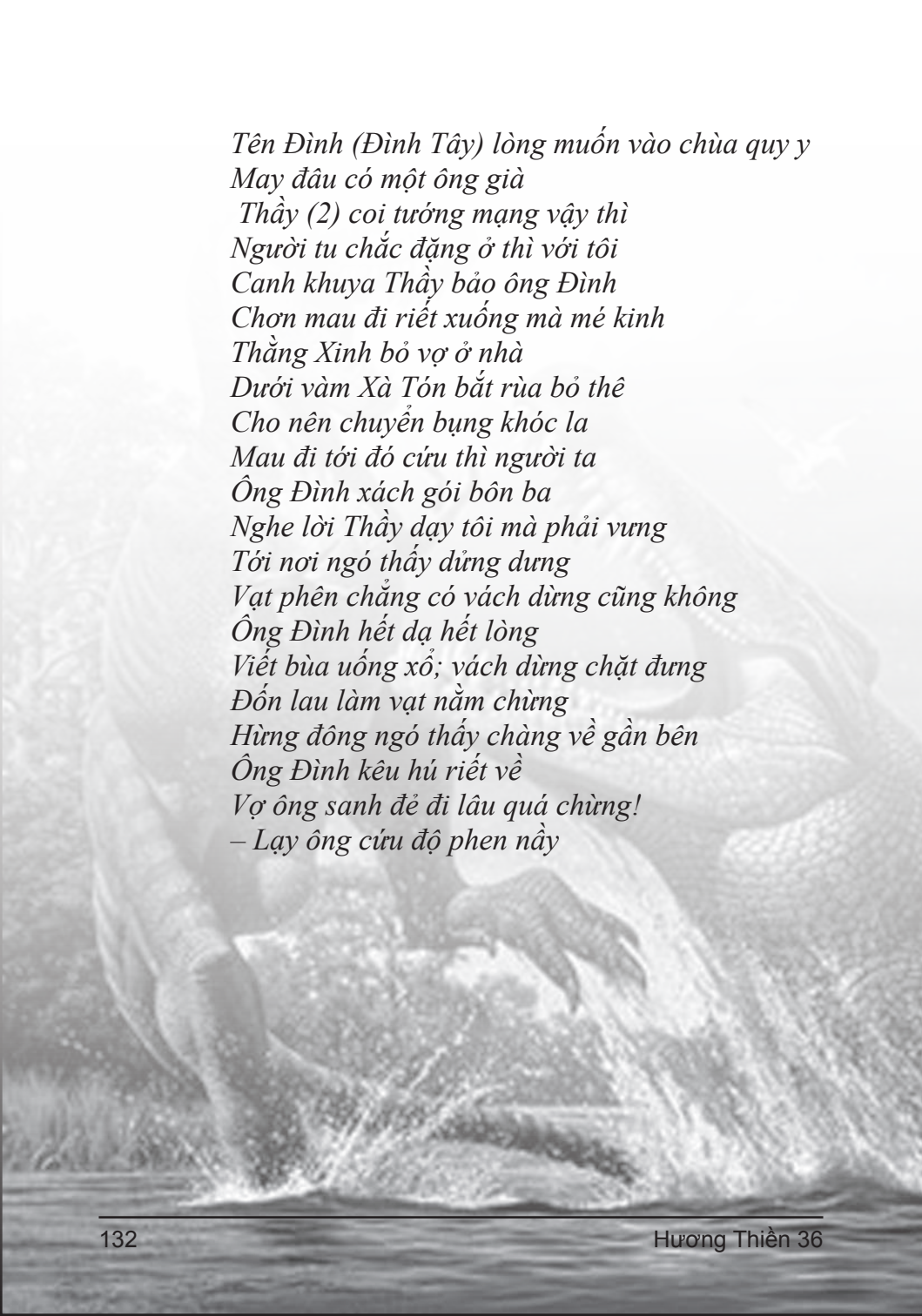
Các nhà nghiên cứu khoa học xã hội dân gian nhận định rằng: “*Rất có thể chuyện lai lịch sấu thần xuất xứ từ Bến Tre, được mang theo từ dấu chân của người xa xứ,ngẫu hứng phát lại bài bản nơi chốn lâm sơn cùng cốc (“Thất Sơn huyền bí”). Được*

“*Rất có thể chuyện lai lịch sấu thần xuất xứ từ Bến Tre, được mang theo từ dấu chân của người xa xứ,ngẫu hứng phát lại bài bản nơi chốn lâm sơn cùng cốc (“Thất Sơn huyền bí”). Được kể hay chữ ghi chép, rồi dệt thành thơ, muốn thơ mình phong phú thì phải thêm thắt , kết hợp văn hóa tâm linh, đưa nhân vật lịch sử có uy tín trong vùng (Phật Thầy) lồng vào nhằm đạt đến giá trị mà chủ đích do tác giả hư cấu ra. Chúng tôi tin rằng bài “Thơ xưa” được xuất xứ trong bối cảnh ấy”.*

kẻ hay chữ ghi chép, rồi dệt thành thơ, muốn thơ mình phong phú thì phải thêm thắt, kết hợp văn hóa tâm linh, đưa nhân vật lịch sử có uy tín trong vùng (Phật Thầy) lồng vào nhằm đạt đến giá trị mà chủ đích do tác giả hư cấu ra. Chúng tôi tin rằng bài “Thơ xưa” được xuất xứ trong bối cảnh ấy”. Có lẽ, chúng ta nên xem nhận định trên như một luận đề khoa học có cơ sở. Tuy nhiên, có thể hiểu rằng, bài thơ này được chế tác là do tác giả khuyết danh, sống sau thời Đức Phật Thầy Tây An và ông Đình Tây mất. Vì nếu các Ông còn tại thế chắc chắn sẽ không đồng tình, bởi có những chỗ còn mâu thuẫn, lan man thiếu logic. Điều này, nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Hiệp cho rằng “... Cấu trúc cốt truyện còn ở dạng thô, nhiều chi tiết còn để lộ sự bất cập do thiếu sự gia công hoàn chỉnh (thí dụ như ông Đình Tây dám cãi Đức Phật Thầy; còn ngài là một “vị Phật” mà sao cũng chẳng hay biết gì về việc ông Đình Tây đã lên nuôi nghệt súc suốt ba năm trời...)”. Và lại, cốt tủy của đạo Phật là “mỗi người nên tự thấp đức lên mà đi”, chớ không một thần linh nào có thể ban phước giáng họa cho bất kỳ một ai!. Những bửu bối Phật Thầy ban ra để đi bắt sấu, thật ra đó là hình thức pháp thuật của nhà phù thủy, xa lạ tinh thần Phật giáo. Nhưng rồi cũng chẳng thiêng, vì khi Ông Đình nhận lệnh thì “sấu thần” quấy đuôi chào bái biệt, coi như bửu bối bất linh! Việc truy cùng đuổi tận cho đến Ông Đình chết mà vẫn bắt thành. Nhưng phải nói là trí tưởng tượng của dân gian không đơn giản, và nó đã tác động đáng kể với bao tâm hồn chơn chất của người dân miền phù sa yêu dấu, có trình độ nhận thức nhất định.

Nội dung bài “thơ xưa” như sau :

Tìm về truyền thuyết “Xích ngặc ngư” mà không nói đến bài thơ xưa dệt chuyện, thật là một điều thiếu sót (bản gốc do nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Hiệp sưu tầm đã đăng trong bài *Năm Chèo cứu nghĩa quân*, trên mạng internet.)



Tên Đình (Đình Tây) lòng muốn vào chùa quy y
May đâu có một ông già
Thầy (2) coi tướng mạng vậy thì
Người tu chắc đang ở thì với tôi
Canh khuya Thầy bảo ông Đình
Chon mau đi riết xuống mà mé kinh
Thằng Xinh bỏ vợ ở nhà
Dưới vòm Xà Tón bắt rùa bỏ thê
Cho nên chuyển bụng khóc la
Mau đi tới đó cứu thì người ta
Ông Đình xách gói bốn ba
Nghe lời Thầy dạy tôi mà phải vưng
Tới nơi ngó thấy dưng dưng
Vạt phen chẳng có vách dưng cũng không
Ông Đình hết dạ hết lòng
Viết bùa uống xỏ; vách dưng chặt đưng
Đón lau làm vạt nằm chùng
Hùng đông ngó thấy chàng về gần bên
Ông Đình kêu hú riết về
Vợ ông sanh để đi lâu quá chùng!
– Lạy ông cứu độ phen này

Bằng ông tái tạo sánh bằng phụ thân
Đình xem gánh nặng lại gân
Thấy con sáu nhỏ Đình hầu lại xin
– Cho tôi con sáu đỡ mình
Xem qua quái lạ năm giò lạ thay
– Lạy ông cho hết ông rày
Đội ơn tái tạo tôi nào tiếc đây
– Tôi xin mình sáu vậy mà
Còn rùa tự ý chủ mà mần chi...
Ông Đình ôm sáu ra đi
Bon bon đi riết về chùa tổ phân
Thầy dòm ngó thấy sáu thân
Ngày sau nó giết trong trần biệt ly
Đem ra giết nó để chi
Ngày sau nó báo vậy thì dương gian
Đình đem sáu giấu vào hang
Cấp bánh cùng chuối đem sang nuôi rày
Ba năm sáu lớn quá tay
Tóc hang đi mất kiếm hoài không ra
Lòng buồn sợ thấu tai Thầy
Quở la thăm thiết sáu rày đi đâu.
Ông mà cúi lạy khấu đầu
Bạch Thầy con sáu nó đi mất rồi
Thầy than: Con hỡi Đình ôi!
Cây lao cho đó, câu này sợi dây
Ngày sau tuôn lướt rồng mây
Con mà ra bắt cứu trong dương trần
Tuất, Hợi (3) dịch khí ôn bình
Năm Chèo dậy riết đón vàm Mặc Dung (4)
Cho con sáu lá phù thân
Ngày sau cứu độ trong trần người ta... .

Thất Sơn, phần lớn quy tụ dân “tứ chiếng quần cư”. Trước khi vào Nam, lưu dân ra đi có đủ hạng người: Tù nhân, tội đồ, bị đưa hoặc tự ý vào khai sơn thác địa, những tay giang hồ, dân nghèo “tha phương cầu thực”, những người tín ngưỡng theo Phật Thầy “Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu hành” v.v... tìm đến đây như một chân trời yên ả.

Bài thơ xưa là vậy. Đời sau, những bài văn xuôi các tác giả viết khác, từ con sấu mình đở đỏi lại là sấu hoa cà, vợ ông Xinh chuyển bụng ở Xà Tón nói là Láng Linh. Đình Tây nuôi sấu ở hang được đỏi lại thành ao (chỗ cái hầm do người ta lấy đất đắp nền đình Thới Sơn). dịp này “săn trớn” công ty du lịch Núi Kéc xây thành quanh ao thả sen gắn cái bảng “Ao Năm Chèo”. Năm Chèo dạy ở Mặc Dung lại chuyển tới sông Vàm Nao v.v...

Thay lời kết

Đây là một câu chuyện thần thoại, mượn hình tượng nghiệt thú để dụ ngôn- vừa răn vừa dọa người đời. Hay nói khác, là một “liệu pháp tâm lý”. Giống như người lớn tưởng tượng ra “Ông Kẹ” để hù cho trẻ sợ mà ăn hay ngủ, hoặc con “ngáo ộp”, hình thù dị hợm để con nít dễ hình dung mà tránh xa những nơi tối tăm vắng vẻ. Từ thời Hùng Vương, người ta đã biết đem xăm lên mình, vẽ hình con Giao Long (thuồng luồng) để Giao Long thật lắm tướng “phe nhà” mà không ăn thịt hay thời Trần, Hàn Thuyên đã biết đọc văn tế thả xuống sông Lô (sông Hồng) để đuổi cá sấu đi! Nhưng có điều, cá sấu làm sao biết nghe văn tế của Hàn Thuyên. Giao long làm sao ngửi mùi qua hình vẽ mà nhìn ra đồng loại? Ta biết, tất cả hình thức ấy đều là “nghệ thuật trấn

an” của nhà vua đối với thần dân mà thôi! Ngày nay, trình độ dân trí đã nâng cao, những “Liệu pháp tâm lý” ấy sẽ không còn phù hợp nữa. Tuy nhiên, cũng còn một số đối tượng bình dân, cả tin những câu chuyện thần bí, ham linh, ham nghiệm mà tin bướng nghe càn. Ngay như phim khoa học giả tưởng - vẫn là ngụy tạo, nhưng đôi khi người xem có cảm giác như thật- tưởng thật quên đi cái giả! Vì lời nói dối vừa phát ra, nó có thể đi được nửa vòng trái đất, trong khi lời nói thật chưa kịp xỏ đôi giày. Và lại, mọi sự nhận định đúng sai, đòi hỏi con người phải có tư duy độc lập. Có ai đó đã bảo “Lý trí phục tùng chính nó, còn tối tăm thì vâng lời bất cứ điều gì ra lệnh cho nó”. Để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, người ta sẵn sàng: biến hư thành thật, biến không thành có, chỉ đá hóa vàng. Nghĩa là: dùng mọi quyền chức, phương tiện, giả lập để hỗ trợ cho mục đích cứu cánh.

Cuộc sống ngày một sáng sủa mở mang, mọi thứ đều phơi bày ngày một rõ ràng. Chuyện ông Năm Chèo góp thêm phần kỳ thú cho những câu chuyện dân gian. Sứ mệnh của “ông” là vậy.

N.H.T

CHÚ THÍCH:

(1) Ông Đình Tây tức Bùi Văn Tây, em chú bác với ông Tăng Chủ Bùi Văn Thân, đều là đệ tử của Đức Phật Thầy Tây An. Ông có hai đời vợ. Người vợ trước ở Năng Gù (huyện Châu Phú), sinh được một trai. Người vợ sau ở Thới Sơn, sinh được ba gái. Ông từ trần ngày 23/2 năm Canh Dần (1890, thọ 88 tuổi). Mộ của ông và mộ bà (sau) cạnh nhau, gần chùa Thới Sơn Tự.

(2)Thầy tức Đức Phật Thầy Tây An.

(3)Canh Tuất, 1850; Tân Hợi, 1851.

(4) Mặc Dung tức Mặc Cận Dung cùng với Chắc Cà Dao đều là tên gọi cũ vùng đất phía trên Long Xuyên (thuộc xã Bình Hòa, huyện Châu Thành).



Tác giả Nguyễn Hiếu Trung bên pho tượng Phật Di Lặc
(lớn nhất Châu Á) ở Thiên Cẩm Sơn – An Giang

NHẬN ĐỊNH VỀ TRUYỀN THUYẾT

Có thể nói, mặc dù ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, tư duy phân tích của con người ngày càng được nâng cao, lịch sử đã không ngừng công việc tổng hợp mới cũ, tích hợp các luồng văn hóa ngoại sinh với các yếu tố nội sinh, tuy vậy đường như cơ tầng văn hóa của người Việt vẫn còn mang dấu ấn tâm thức “vạn vật hữu linh”, nhất là đối với người dân Nam Bộ.

Bởi lẽ, trong công cuộc chinh phục, khai phá vùng đất mới này, những cư dân nơi đây, bằng trí tuệ và lòng quả cảm không chỉ đương đầu với sức mạnh tự nhiên, rừng rậm hoang vu, mà còn phải đối mặt với thú dữ nguy hiểm. Việc đánh cọp, đuổi sấu ở những buổi đầu khai hoang là những hoạt động thường xuyên ở vùng đất này. Sự đối phó với môi trường tự nhiên đó, đã buộc người dân nơi đây phải trả lời bằng “ngôn ngữ” văn hóa, nó để lại rõ nét trong tín ngưỡng, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ, địa danh... của một thời khẩn hoang, lập ấp.

Những câu chuyện tưởng như hoang đường nhưng có giá trị hiện thực là họ muốn gửi gắm thông điệp về đạo đức sống, làm lành tránh dữ, họ ước mơ biến một con cá sấu vốn độc ác nhưng vẫn có ích cho con người bằng dụ ngôn: Những người ăn hiền ở lành sẽ được cá sấu giúp đỡ, ngược lại sống không tốt sẽ bị cá sấu ăn thịt như truyền thuyết về “xích ngạ ngư” này. Tuy nhiên, cũng cần hiểu rằng đây là truyền thuyết với chức năng chính là khuyên răn người đời cần sống tốt, và để cho ý nghĩa câu chuyện có tính “linh ứng” hơn, hiệu quả hơn, dân gian đã gắn với một vài nhân vật lịch sử để tạo nên tính chất huyền thoại tâm linh, phù hợp với hoàn cảnh và tâm lý, văn hóa vùng của người dân nơi đây. Vì lẽ đó, chúng ta không nên hiểu truyền thuyết này như một câu chuyện có thật, thêm dệt thêm những huyền tưởng, điều đó sẽ dẫn đến những điều mê tín không nên có.

*(ThS. Nguyễn Hiếu Tín - Trưởng Bộ môn Việt Nam học,
Trường ĐH Tôn Đức Thắng)*

Văng Vẳng Lời Ru

*Ta lớn lên lời từ lời ru của mẹ
Dòng sữa ngọt ngào câu hát tuổi thơ yêu
Bến sông xưa ta nhớ mỗi sớm mỗi chiều
Nơi có cánh cò và đong đầy nắng sớm...*

*Ta nghe sao mùi rạ thơm như mùi hương cốm
Hạt thóc no tròn còn xanh đậm mùi hương
Câu ca xưa nghe tiếng lá rộn trong vườn
Hàng dừa xanh nghe vỗ về bên sóng nước...*

*Về lại đây nghe lời ru nào thuở trước
Nơi đó mẹ ngồi bên bếp bữa cơm trưa
Gió mát xa xa thương lắm mấy rặng dừa
Trường học ấy và con đường bao vất vả....*

*Gió chiều nay nghe chim trong từng kẽ lá
Lời ru quê hương sao mắt cứ cay cay
Dáng mẹ năm xưa đôi vai bạc gầy gầy
Và năm tháng suối nguồn luôn ngọt mát....*



TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU:

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

Quá trình xây dựng và phát triển

NGUYỄN VĂN KỶ

Từ tên gọi đạo Phật Thầy Tây An cho đến tên gọi chính thức Bửu Sơn Kỳ Hương còn có nhiều bờ ngõ ban đầu. Có nhiều lý do mà nhiều người trong bốn đạo thường ít dùng. Theo lời truyền dạy của Sư Hai thì Bửu Sơn Kỳ Hương (1) là mật lệnh. Khi xây dựng ngôi Tây An Cổ Tích Tự vào năm 1973, trên cổng tam quan cũng chỉ ghi Tín đồ Phật Thầy Tây An (2) bằng chữ Hán và có ai hỏi thì tín đồ là đạo gì thì trả lời đạo Phật Thầy.

ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN

Đạo Phật Thầy là niềm tin, là sự tín ngưỡng, là tinh thần tu tập của tất cả mọi tín đồ nơi đây. Với chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhà nước từ năm 1975 đến năm 2007, mọi hoạt động đạo sự đều được chính quyền các cấp ở địa phương tạo mọi điều kiện hỗ trợ giúp đỡ. Nhờ vậy mà **đạo Bửu Sơn Kỳ Hương** xã Nghĩa Thành huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc xây dựng đất nước; xây dựng đời sống văn hoá xã hội của địa phương nói riêng, tỉnh nhà nói chung.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại xã Nghĩa Thành huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do Sư Hai, tục danh Đặng Văn Cứng – pháp danh **Tịnh Chí Chơn Thiện Lợi Hiền Đức** truyền thừa và mở mang nền đạo từ đầu những năm 30 của thế kỷ XX. Người được truyền dạy đầu tiên là cụ Đồng Đoàn – pháp danh Tịnh Bình Quyền Minh tại Hà Tiên, Kiên Giang ngày nay. Sau đó cụ Đồng Đoàn mời Đạo Sư Đặng Văn Cứng mở mang nền đạo ra đến Quảng Ngãi, Phú Yên... **Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương** tại Bà Rịa Vũng Tàu được truyền thừa từ đức Phạm Thái Chung (tức Đức Đạo Lập). Do những biến cố của lịch sử, đạo cũng có những thăng trầm theo thời cuộc.

Được sự quan tâm giúp đỡ của Ban Tôn giáo Dân tộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Ban Tôn giáo Chính phủ... từ năm 2000, Ban trị sự đã tập hợp tất cả mọi tư liệu về sử đạo, về quá trình học đạo, mở đạo trước đây và lập tự của các bậc tiền hiền trong thời gian xây dựng đạo tại xã Nghĩa Thành trong hơn 30 năm. Qua quá trình thăm tra xem xét đánh giá một cách nghiêm túc, đến tháng 5/2007 **đạo Bửu Sơn Kỳ Hương** mới được tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp Giấy Đăng ký Hoạt động tôn giáo.

Mục đích của Đức Phật Thầy Tây An truyền dạy là **“Học Phật tu nhân”** hành theo **“Tứ ân”** trong đó Ân đất nước đặc biệt được Phật Thầy đề cao. Đây cũng là chân lý phục vụ nhân loại, phục vụ dân tộc, phục vụ Tổ quốc mà mọi người tín đồ đạo Bửu

Son Kỳ Hương phải luôn ý thức và có bổn phận bảo vệ đất nước khi bị kẻ thù xâm lăng, nâng đỡ nhau lúc quê hương khốn khó “*Bờ cõi vũng lạng thân ta mới yên, Quốc gia mạnh giàu thân ta mới ấm*”. Chúng sanh phải có tầm nhìn từ nhân đạo rồi tiến đến Phật đạo, đó là pháp môn “**Học Phật tu nhân**” hành theo “**Tứ đại trọng ân**” do Ngài xướng xuất. Điều căn bản giáo lý của Bửu Sơn Kỳ Hương là một nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam và cũng là tinh thần của Phật giáo nhà Trần với Sơ tổ Trần Nhân Tông. Tính nhập thế của Phật Thầy Tây An cũng được thấy rõ qua việc nâng cao việc tổ chức sản xuất nông nghiệp, khai hoang, lập trại ruộng. Đặc trưng nổi bật của truyền thống dân tộc là kết hợp giữa *Lợi lạc quần sinh* với *Vô ngã vị tha* trong tư tưởng Phật giáo. Trong gần 100 năm qua, tính từ khi Sư Hai học và truyền đạo Thầy cho đến nay, các bậc tiền hiền của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại xã Nghĩa Thành đã đi theo một mục đích duy nhất đó học đạo và làm đúng theo con đường nhân đạo để tiến Phật đạo.



Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
thăm Tây An Cổ Tích tự năm 2012

Trong hơn 400 gia đình với trên 2000 người là tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương xã Nghĩa Thành đã có 01 Mẹ Việt Nam anh hùng, hơn 30 gia đình chính sách, có 09 gia đình liệt sỹ. Hiện nay đã hơn 200 trí thức trẻ đang đóng góp công cuộc xây dựng ở địa phương và nhiều tỉnh lân cận. Ngoài con đường tu học thì người tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương luôn hoàn thành trọng trách của người công dân đối với đất nước. Mọi hoạt động xây dựng đời sống văn hoá xã hội⁽³⁾ của địa phương đều tham gia đầy đủ, được các cấp chính quyền đánh giá cao. Trong 06 năm qua từ năm 2010 đến năm 2015, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tặng Bằng khen Xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh nhà. Đặc biệt, ông Phạm Viết Thanh – Nguyên trưởng Ban trị sự (2008 – 2013) đã tham dự và được tuyên dương điển hình Tiên tiến trong Đại hội Thi đua Yêu nước toàn quốc lần thứ VIII, ngày 25/12/2010 tại Thủ đô Hà Nội. Bên cạnh đó hoạt động khuyến học khuyến tài rất được chú trọng. Trong nhiều năm qua, có trên hàng ngàn lượt học sinh giỏi được khen thưởng; các em đỗ đại học tuyên dương khen thưởng hằng năm. Ban Liên lạc sinh viên của đạo được xây dựng và từng bước trưởng thành trong việc phát huy, tập hợp trí thức trẻ một thế hệ tương lai của đạo.

1. Hệ thống điều hành và công tác đạo sự:

Về hoạt động đạo sự, Bửu Sơn Kỳ Hương xã Nghĩa Thành có 01 cấp lãnh đạo chung theo quy định trực thuộc quản lý của Ủy ban Nhân dân các cấp trong tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Phạm vi hoạt động của đạo giới hạn trong toàn tỉnh; Đạo có Điều lệ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, nội dung, các hoạt động đạo sự trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam cho phép. Ban trị sự có từ 12 đến 15 vị do Đại hội Cư sỹ Tín đồ⁽⁴⁾ suy cử. Hoạt động của Ban trị sự tuân theo Quy chế chung do Đại hội cư sỹ Tín đồ thông qua. Nơi thờ tự và sinh hoạt chính là ngôi Tây An Cổ Tích Tự.

Ban trị sự gồm có 01 Trưởng ban; từ 03 - 04 Phó trưởng ban phụ trách các mặt công việc bao gồm: Công tác tổ chức; công

tác đạo sự; công tác văn hoá xã hội; ngoại giao... Bên cạnh có bộ phận thư ký, các ban trực thuộc để giúp mọi công việc của Ban trị sự về đạo sự và thế sự. Đạo có con dấu ⁽⁵⁾ riêng theo mẫu quy định của Ban Tôn giáo Chính phủ. Hoạt động của Ban trị sự theo tinh thần tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, biểu quyết các mặt công tác thống nhất theo đa số. Được sự quan tâm của chính quyền các cấp, hiện nay Ban trị sự có 03 vị là thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ Việt Nam ⁽⁶⁾ các cấp từ xã, huyện cho đến trung ương nhiệm kỳ các nhiệm kỳ 2009 – 2014 và 2014 - 2019. Nhờ đó, mọi ý kiến và tâm tư nguyện vọng của đạo hữu tín đồ đều được các vị đại diện bày tỏ với lãnh đạo các cấp, giúp cho công tác phối hợp giữa chính quyền và Ban trị sự trong việc vận động bà con tín đồ thực hiện tốt các cuộc vận động lớn của Nhà nước.

Theo Điều lệ quy định nhiệm kỳ của Ban trị sự là 05 năm, số lượng thành viên Ban trị sự trong từng nhiệm kỳ do Đại hội Cư sĩ tín đồ quyết định. Từ khi có pháp nhân và tổ chức Đại hội Cư sĩ tín đồ hai nhiệm kỳ cho đến nay, hoạt động của đạo đã đi vào khuôn khổ nề nếp. Trong hơn mười năm qua, hoạt động của đạo đã được chú trọng vào việc xây dựng và phát triển khối cư sĩ tín đồ và hoạt động văn hoá xã hội ⁽⁷⁾. Nhiều người mộ đạo từ các tỉnh miền Đông, miền Tây, miền Trung và cả Tây nguyên đến Tây An Cổ Tích Tự tìm hiểu và xin thọ giới. Hoạt động văn hóa xã hội được chú trọng, việc chăm lo giúp đỡ bà con nghèo trên địa bàn và con em học giỏi được Ban Trị sự thực hiện một cách tích cực và thường xuyên. Tính chung trong năm năm qua công tác từ thiện đã tặng trên hàng ngàn phần quà trị giá trên 300 triệu đồng; khen thưởng học sinh sinh viên giỏi, khó khăn là trên 1200 cháu với số tiền gần 150 triệu đồng.

2. Kinh sách, nghi thức thờ phụng và tu học:

Thực hiện công tác đạo sự một cách nghiêm túc, Ban Trị sự đã hướng dẫn Cư sĩ tín đồ chăm lo tu tập đúng theo hướng dẫn của các bậc tiền hiền, đúng theo quy định giới luật của đạo. Đạo



Tại Hội nghị nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng năm 2012

có 03 **bộ kinh** ⁽⁸⁾ gồm: Bộ Kinh Thiên Nguơn “Tâm kinh”; Bộ Kinh Mạc Kiếp “Báo phụ mẫu ơn Kinh”; Bộ Kinh Huỳnh Đình “Kinh Mật Tông trợ duyên”; ngoài ra còn có kinh Thí thực (Chẩn tế) cúng ngoài sân vào giờ mao và giờ dậu. Hằng ngày tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương có tứ thời công phu gồm: Sáng (giờ Mão); trưa (giờ Ngọ); chiều (giờ Dậu); khuya (giờ Tý).

Đạo kỳ của đạo màu dà trên có 8 chữ Hán: Bửu Sơn Kỳ Hơng - Phật Thầy Tây An màu vàng.

Về cách thờ phụng tại Tây An Cổ Tích Tự thờ Phật Tổ, Phật Thầy trên chánh điện (thể hiện qua tám trần điều). Thờ Thập nhị hiền thủ của đức Phật Thầy, thờ Cửu huyền thất tổ của bá tánh và các vị tiền hiền của đạo. Việc thờ phụng của đạo hữu tín đồ vẫn duy trì theo hướng dẫn các bậc tiền hiền và như tại chùa. Tuy nhiên trước Sư Hai hướng dẫn thờ Sắc lệnh, ngoài trần điều trong am tại gia. Các ngày lễ chính của đạo trong năm gồm: Lễ Đản sanh Đức Phật Thích Ca ngày 15 tháng 4 âm lịch; Lễ Vu Lan báo

hiếu ngày 15 tháng 7 âm lịch; Lễ Đản sanh Đức Phật Thầy Tây An ngày 15 tháng 10 âm lịch; Lễ Viên tịch của Đức Phật Thầy Tây An ngày 12 tháng 8 âm lịch.

Lễ vật dâng lễ, thờ cúng: Hương, đèn, hoa (ngũ hoa), quả (ngũ quả) và nước lạnh (tượng trưng cho sự tinh khiết).

Đạo phục trong hành lễ: áo tràng đà, mũ Quan Âm hay (khăn đóng) đen.

Người muốn được thọ giới đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại Tây An Cổ Tích Tự phải am hiểu đạo, tự nguyện xin cầu đạo, Ban trị sự mới tổ chức lễ thọ giới tại chùa. Khi thọ thực hiện đầy đủ nghi thức theo quy định; phải thực hiện đầy đủ Tam quy Ngũ giới. Từ đây người thọ giới chính thức là tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương.

Về nghi thức công phu công quả hằng ngày, tại tư gia người cư sĩ tín đồ phải đầy đủ các thời công phu. Vào các dịp lễ trọng của đạo, tại chùa còn tổ chức các lễ cầu an, cầu siêu cho bồn đạo và nhân dân bá tánh. Nghi thức công phu công quả, lễ dâng cúng cũng khá đơn giản.

Giáo lý của đạo dựa trên căn bản từ lời dạy của đức Phật Thầy Tây An “Học Phật tu nhân” hành theo “Tứ ân” làm đầu, lấy “Giới - Định - Huệ” làm gốc, hòa hợp và đoàn kết dân tộc, hoà bình cho nhân loại, giáo huấn nhơn sanh vun bồi tính thiện, xa lánh cái ác; hoằng dương chánh pháp chọn truyền của Đức Phật Thầy Tây An, phụng sự dân tộc, phụng sự Tổ quốc để quê hương, đất nước, thế giới được thái bình an lạc, dân tộc và nhân loại được ấm no, hạnh phúc.

3. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tinh Bà Rịa-Vũng Tàu thực hiện tốt phương châm “Tốt đời đẹp đạo”:

Theo lời dạy của các bậc tiền hiền, tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương tinh Bà Rịa-Vũng Tàu chăm lo làm ăn và tu hành. Trong gần 100 năm qua, mọi tín đồ trong đạo luôn đi theo chân truyền của đức Phật Thầy giáo hóa. Các bậc tiền hiền đã học đạo, ngoài tu luyện thân tâm thì việc phổ độ nhơn sinh là việc rất được chú

trọng. Nhờ đó mà rất nhiều người ngưỡng mộ và tin theo đạo.

Từ khi lập tự tại xã Nghĩa Thành huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 1973, bà con đạo Bửu Sơn Kỳ Hương luôn gắn bó giúp đỡ mọi người trong cộng đồng xã hội tại địa phương không phân biệt tôn giáo nào. Trong nhiều năm qua, việc tu tập hành đạo của bà con tín đồ được Nhà nước quan tâm giúp đỡ vì thế mọi hoạt động đạo sự đều diễn ra đúng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Ban trị sự rất quan tâm đến việc tham gia các cuộc vận động lớn của Nhà nước như: Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tham gia cộng việc xóa đói giảm nghèo; quan tâm giúp đỡ người nghèo; hỗ trợ các vùng thiên tai lũ lụt; hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học... Thường xuyên nhắc nhở bà con tín đồ thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới; phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm... Chính vì vậy mà cuộc sống bà con trong bản đạo ngày một phát triển đi lên.

Vùng đất Quảng Tây - Nghĩa Thành là thôn đạo dân cư



Hợp mặt truyền thống SV-HS
Bửu Sơn Kỳ Hương lần 6, xuân Ất Mùi 2015

đông đức ⁽⁹⁾, bà con đạo Bửu Sơn Kỳ Hương Bà Rịa-Vũng Tàu luôn nêu tinh thần trách nhiệm của mình theo phương châm “Tốt đời - đẹp đạo” vừa làm ăn tu học, vừa tham gia xây dựng đời sống xã hội của đất nước để mỗi đạo mà Phật Thầy truyền dạy ngày càng phát triển đi lên trong lòng dân tộc Việt Nam.

N.V.K

Chú thích:

- (1) Theo lời Sư Hai dạy Bửu Sơn Kỳ Hương là mật lệnh của đạo;
- (2) Trước đây gọi đạo Phật Thầy Tây An;
- (3) Bài phát biểu chúc mừng của ông Dương Văn Khá – Phó Ban Tôn giáo Chính phủ tại Đại hội Cư sĩ Tín đồ đạo BSKH lần I nhiệm kỳ 2008 – 2013;
- (4) Ban trị sự nhiệm kỳ 2008 - 2013 có 15 vị, nhiệm kỳ 2013 – 2018 có 12 vị;
- (5) Con dấu của đạo hình tròn, ở giữa là chữ Bửu viết bằng chữ Hán;
- (6) ông Nguyễn Văn Lộ - Trưởng Ban Trị sự hiện nay là thành viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá VII, nhiệm kỳ 2009 - 2014; khóa VIII nhiệm kỳ 2014 – 2019; là thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nghĩa Thành IX; ông Lê Văn Tào - Phó Ban Trị sự là thành viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc huyện Châu Đức khoá VI, nhiệm kỳ 2014 - 2019;
- (7) Ban Trị sự có các ban giúp việc theo điều lệ đạo;
- (8): Đạo có các bộ kinh được truyền thừa chính thức;
- (9) Thôn Quảng Tây xã Nghĩa Thành là nơi đầu tiên bà con tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương - Phật Thầy Tây An về sinh sống lập tự từ năm 1973. Từ đó đến nay bốn đạo mở rộng các xã, các huyện, thành phố lân cận trong tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh khác lân cận.

Vọng Đá Hàm Hồ

Tưởng nhớ Thầy, cố nhà thơ “Nguyễn Đình Lương-Trăng Hàm Hồ Và Em”, Tây Sơn-Bình Định.

*Lộc vừng rắc lối chân ai?
Hàm Hồ động đá réo đòi triều thương(*)
Rừng mai nở rộ ngàn phương
Nhớ cô sơn nữ gửi hương qua đèo*

*Đá chông ôm đá nhấp nhô
Thác tuôn lơ lửng trắng bờ không gian
Thấy gì trong khói mơ tan?
Thiên thai là cõi trần gian dội vào...*

*Xuân về! Vẫy nắng lũng thơ
Khe sâu lắng tử đang trèo ngấn ngơ
Mấy cành lan mọc bờ vơ
Non cao đá dựng mây hờ giọt sương*

Nhớ gì giấc mộng đêm thương?
Nằm lên đá ngủ một trường lá khô
Tường rêu cửa động hoang sơ
Hai ông tiên đá đánh cờ dưới trăng

Nghìn thu chín bãi đá vàng
Để con cá nhảy đớp sương ngõ ngàng
Khách du tìm đến mơ màng
Thoáng nghe trong gió tiếng đàn suối reo...

Khi về, nhớ ghé bến đò
Ta cùng chuốc chén rượu vò Sông Côn
Hầm Hồ đẹp nhất hoàng hôn
Một trời sắc tím thờ hồn Tây Sơn!

(Trích từ tập thơ "Vỡ Màu Ký Ức" - NXB Văn Hóa-Văn Nghệ, 2015)

(*) Hầm Hồ: Cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ ở Tây Sơn-Bình Định.



MỘT VÀI CẢM NHẬN VỀ TÁC PHẨM “KIẾP BA KHÓA”
CỦA TÁC GIẢ TRẦN BẢO ĐỊNH.

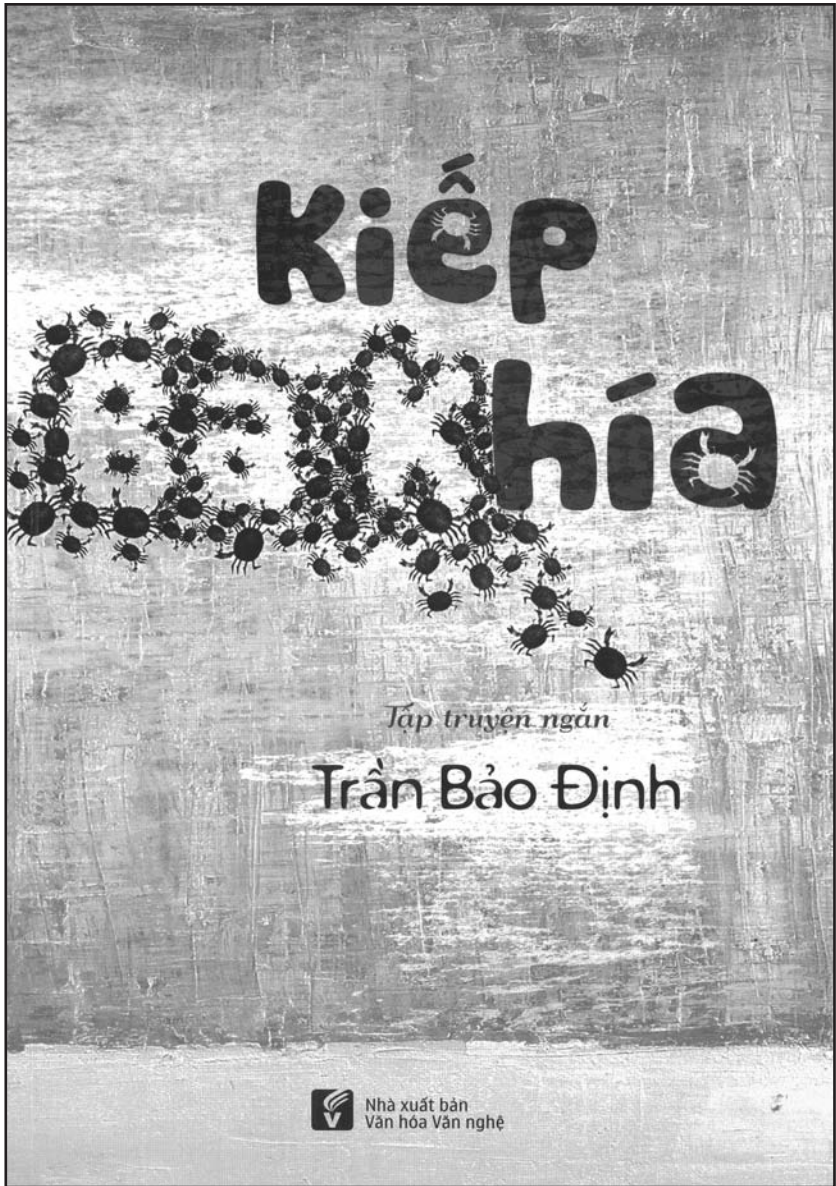
Tủm Tủm Cười Cho Đòi Thêm Tuổi

“Sợ gì tiếng vạc kêu sương. Nếu quả thật nó mang đến điềm dữ thì, cũng chính nó làm công việc cảnh báo để mình chung sức đối phó, giữ sự an lành”. Ít người biết đến cây bút Trần Bảo Định, nhưng nếu đọc tập truyện ngắn *Kiếp Ba Khóa* (NXB Văn hóa - Văn nghệ) của anh, nhiều người sẽ có cảm tình. Ở đó, bằng bạc không khí trào lộng, lạc quan như tính cách của bà con nông dân miền Nam.

“Ở mỗi chuyện khi kể về loài vật hay con người với giọng văn hóm hỉnh nhưng có chiều sâu triết lý, Trần Bảo Định ít nhiều gửi tâm tình vào đó khề khàng thôi, cũng đủ làm người đọc xúc động và ray rứt về tình đất, tình người, tình muôn loài vật đang sống quanh quần cùng ta trong cõi nhân gian này”, nhà văn Bích Ngân ghi nhận.

Cõi nhân gian ấy, qua mắt tác giả, thấy tự nhiên, gần gũi và dung dị từ thiên nhiên đến tính cách con người miền quê Nam bộ. Với nhiều người chưa thấy con ba khóa, rừng mấm, đĩa, mùa nước nổi... khi đọc vỡ vạc ra nhiều chuyện. “Ông bà xưa nói: Mắm trước, đước sau, tràm làm nhiệm vụ đeo sát. Mắm có vai trò cực kỳ quan trọng, nó đi tiên phong và đứng đầu sóng ngọn gió”. Câu văn của Trần Bảo Định làm người ta nhớ đến truyện ngắn *Rừng mấm* của nhà văn Bình Nguyên Lộc, nói về tính cách kiên cường của con người nơi vùng đất cực Nam của Tổ quốc.

Nếu không là người rặt Nam, làm sao có thể quan sát và miêu tả chi tiết như trong truyện ngắn *Kiếp ba khóa*: “Mắm có bốn loại: đen, trắng, quăn, ồi. Hoa bốn cánh, màu vàng hoặc vàng cam. Trái một hạt, hình trái tim, trái xoài, nẩy mấm trước khi rụng. Rễ cắm đất và rễ phổi.



Dân gian gọi rết phổi là cặc mồm. Nó thở khi ngấp mồm và giữ đất bồi. Trái mồm lia cành, rụng vào đất khoảng tháng Bảy âm lịch, là nguồn

thức ăn không thể thiếu của ba khía. Có lẽ, ông trời đã tính toán và lập trình cho mắm và ba khía”. Đọc xong, ước gì có dịp về nơi xa xăm ấy thường thức một lần xem sao.

Rồi các nhân vật trong truyện, đôi khi họ chẳng triết lý sâu xa gì, chỉ đôi câu gọn lỏn nhưng nghe ra thâm thúy lắm. Trong truyện ngắn *Chữ nghĩa*, ông bà Bảy dặn dò con Út phải chịu khó học hành cho biết chữ. Oái ăm ngày Út sinh con cũng là ngày thầy giáo Khải cưới vợ: “Thằng Đực giống giáo Khải như đúc. Hôm thôi nôi thằng Đực, ông Bảy nhìn cháu ngoại và nói với con Út của mình: “Thằng có chữ, chưa chắc nó sống có nghĩa”. Do đó, không phải ngẫu nhiên sau này, khi dạy Đực, cô giáo Ngọc quan niệm “rèn nghĩa trước khi rèn chữ”.

Những chi tiết nho nhỏ ấy, cho thấy nhân vật của Trần Bảo Định trước hết, sống trong đời phải có nghĩa nhân. Chính điều đó giúp họ gắn kết tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau. Đọc nhiều truyện ngắn như *Thằng Mâm Đực*, *Xóm Mù U*, *Mùa tát đìa cuối cùng*, *Chát muối...* thấy phảng phất hương vị ở đồng quê của lớp nhà văn nặng lòng với Nam bộ như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Sơn Nam... Nhân vật của Trần Bảo Định cũng rất khí khái. Họ sống có tình nghĩa, hóm hỉnh nhưng lúc cần thiết vẫn dám bộc bạch chánh kiến.

Chẳng hạn, nhân vật bác Sáu chí cốt với cách mạng, ba đứa con tham gia kháng chiến, ngày về chỉ còn một, đã nói toẹt ra: “Hồi còn chiến tranh, tui đào hầm nuôi mấy cha nội này, họ nói hay lắm, khi có quyền lực thì làm dờ ẹc, tính toán thua mấy đứa con buôn... sách nhiễu dân, làm lòng người oán thán. Thượng bất chánh, hạ tắc loạn...”. Cũng là, một cách nói về sự trực tính của người Nam bộ.

Các truyện ngắn dù bi, dù hài vẫn xuyên suốt một suy nghĩ như nhân vật Út trong *Tiếng vạc kêu sương*: “Sợ gì tiếng vạc kêu sương. Nếu quả thật nó mang đến điềm dữ thì, cũng chính nó làm công việc cảnh báo để mình chung sức đối phó, giữ sự an lành”. Nghe cứ nhẹ tênh như không. Sự lạc quan ấy thật đáng quý, vậy nên, vì đồng cảm với họ, người đọc tùm tùm cười cho đời thêm tươi qua tập truyện ngắn này.

(Báo Phụ Nữ TP. HỒ CHÍ MINH)

Hũ Cốt Máu...

1.

Tôi chui vô căn nhà một em... “gà móng đỏ” vừa thuê trọ, vừa hành sự mỗi khi khách có yêu cầu trút bầu tâm sự; cái mùi tanh tanh đâu đó bốc lên nhẹ nhẹ... nửa như khó chịu... nửa như níu kéo rất lạ, mà trong cuộc đời thường chưa chắc gì, mấy ai có diễm phúc được thưởng thức!



Rồi thì, tôi háo hức mần cái việc đương nhiên giữa A-Đam và E-Và với sự trợ giúp đắc lực của cái say say men rượu. Bốn chum giường lung lợ, lút lấc! Mỗi lần tôi đóng cù, nhịp búa vào thân em, cái hũ sành trên đầu giường nghiêng qua ngã lại, kêu tiếng kêu lộp cộp, lạch cạch kỳ quái. Lạ quá, những âm thanh đó, khiến lòng tôi dao động và hoàn toàn mất lửa. Tôi dọm bước xuống đất, em vội ôm cứng lấy tôi.

- Cái hũ gì vậy, em?

Tôi hỏi khẽ.

Đêm Sài Gòn bao trùm khu nhà ổ chuột, chia bóng tối cho những mảnh đời rách nát chuyện áo cơm ở xứ người. Em im lặng trong không gian im ắng và qua ánh đèn ngủ tù mù không đủ sáng nhìn rõ mặt nhau, tôi cảm nhận mắt em đang rung rung nước mắt!

*

Đã bao đời, người làng em coi mái đình, mái chùa là hồn cốt của họ. Và, nó đi vào tâm thức mỗi người như lẽ đương nhiên, không cần nghiên cứu, tranh cãi! Con sông Bảo Định chảy qua làng, trở ra nhiều nhánh gọi là rạch. Chùa và đình mọc lên theo bước chum người ly hương đi mở đất...

Những làng lân cận làng em thế nào thì em không rõ; chớ làng em đất biên thí thì có trước chùa và đình. Má em nói:

- Đất biên thí, là miếng đất thuộc loại úng thủy không cấy trồng cây gì tươi tốt được nên dành để chôn người chết, nhà quê thường gọi bãi tha ma. Đất đó, do “Nhà việc” tương đương với Ủy ban nhân dân xã bây giờ cấp không, hoặc đất của ông bá hộ nào đó ở trong làng biếu tặng. Má còn nói nửa nghiêm, nửa đùa: Việc chôn cất thầy ma đôi khi cần kíp hơn cả lễ bái Phật, Thần.

Em hỏi:

- Sao vậy má?

- Không có người, ai biết có Phật, có Thần? Người là chủ thể, là động lực cho Phật, Thần ngày một xuất hiện nhiều và sẽ

đôi ứng, tương xứng với tâm tính con người thích nghi với xã hội mới theo trào lưu tín ngưỡng hiện đại.

Em hết sức ngạc nhiên với những gì má nói. Thiết tình, ông ngoại em có cho má đi học hành gì đâu. Cả làng trai gái đều như má em. Đời tá điền, sớm tối lo ôm chun ruộng, mần bở hơi tai, mấy ai nghĩ đến con chữ. Rồi, chiến tranh về làng, bom đạn thay trâu, thay người cày xới ruộng đồng. Dân làng tan đàn xẻ nghé. Kể có điều kiện chạy ra thành, con cái họa hoằn có cơ may học hành. Người chạy vô bụng, mười hai, mười ba tuổi đã cầm súng đánh giặc, điều kiện đâu để cầm bút học chữ? Mỗi lần cậu từ Sài Gòn về chạp giỗ, má nói như trách cậu tôi:

- Lấy cái bây giờ đánh giá cái trước kia là khiên cưỡng, hàm hồ và thiếu công bằng. Không có cái trước kia, lấy chi có cái bây giờ?

Ngày đó, trong mắt em, má là thần tượng về sự hiểu biết không cần chữ. Em phục má sát đất!

*

Những buổi trưa rảnh rỗi, má với em xuống mé sông xắn bập dừa nước chẻ lạt phơi khô, để tới ngày mùa gặt hái, mần dây cột manh bô. Lúc má con lao động, má thường kể chuyện này chuyện kia. Trong đó, có chuyện chùa, chuyện đình của làng. Má nói:

- Con người ta dù thiện hay ác, dù tốt hoặc xấu đều có tâm tưởng. Nhất là, những lưu dân vào khẩn hoang đất phương Nam. Nếu mang cái “tâm viên ý mã”, họ sẽ thất bại và đau khổ. Họ muốn cái tâm bình an thông qua cái linh thiêng của ngôi chùa. Họ gửi hồn họ về cố hương những lúc đường đời nghiệt ngã, chạnh lòng! Tiếng chuông công phu gần họ hơn tiếng trống hội. Khi tâm linh họ buộc ràng theo làn hương nhang khói thì, họ mới tưởng tới Thần. Một khi tưởng tới Thần, họ cùng chung tay dựng ngôi đình thờ người có công với dân làng hoặc với đất nước mà chẳng cần vua chúa sắc phong. Dân phong chắc ăn, vua phong chưa ăn

chắc! Làng có đình, nghĩa là làng đã lập giấy khai sanh đối với thể tục.”Mây dân làng nào?”. Một câu hỏi có tính cách xác tín bản quán, nơi chôn nhau cắt rún của một con người. Đình còn là nơi “bê cổ gà” thè thốt mỗi khi gặp chuyện rắc rối giữa người làng không giải quyết được đúng-sai. Cũng là, chỗ nghỉ trọ cho khách lữ, nên mới có câu: Ăn quán, ngủ đình!

Nghe em nói, tôi liên tưởng và hiểu ra nhiều điều! Lẽ ra những điều đó, tôi phải hiểu từ thời còn trai trẻ. Tôi thấy thương em! Cũng có thể, tôi thương tôi chứ không phải thương em!?

2.

Làng càng bị bom đạn, người làng càng thương nhau. Nay sống mai chết, họ thiết tình chia nhau từng củ khoai, nắm cơm vắt; họ nhận mặt nhau là đàng mình. Mỗi khi lòng buồn vắng vợ, má dặt em sang chùa Long Châu lễ Phật. Cửa chùa rộng mở, không quy định giờ giấc. Ăn cơm chùa lúc nào cũng được. Lính làng hoặc du kích, chùa đối xử như nhau. Sư là sư thuộc về bá tánh, sư không có sư giai cấp nghèo giàu, sang hèn, dân dã hay quan chức. Tượng Phật làm gỗ mít nài mà chao ôi, sao mà “thành chon” vậy!

Sư tu hành ở chùa làng em ít ăn và nhận đồ bá tánh. Chùa có ruộng do dân làng chung góp, các sư trực tiếp cày bừa, cấy gặt...Và, sư không bao giờ làm thầy tụng, thầy cúng. Hình ảnh sư, biểu tượng mái chùa; việc làm của sư, biểu tượng lời kinh Phật! Trong tâm thức người dân quê em, dù phải tha phương cầu thực phương nào cũng đều nhớ chùa, nhớ sư; không dám mản việc có lợi riêng mình nếu việc đó, mản người khác thiết thòi, đau khổ!

*

Má và em ly hương. Mẹ con dặt nhau lên Sài Gòn kiếm sống. Má bán vé số dạo, em mần công nhân may cho Xí nghiệp may Thành Đô. Hồi đó, mỗi khi gặp tụi bạn cũ ở quê, đưa nào cũng trầm trồ: Mây sướng quá hén! Chưn còn dính phen của “giai cấp nông dân”, ngủ đêm sáng dậy thành “giai cấp công nhân”.

Nghe tui bạn nói, không biết nó nói thiệt hay nói mĩa, nhưng dẫu sao em cũng khoái cái đả! Nó mần em tin và hy vọng...

Rồi, đời em trôi bồng bềnh trên dòng thời gian. Chủ bạc đải ông nhân, ngay như đi vệ sinh cũng phải có giờ giấc và xin phép! Tiền công lúc chủ trả, lúc chủ thiếu. Có khi, quy ra sản phẩm và chủ trả bằng sản phẩm. Nghiệt ngã, đứt ruột đó chớ! Toàn xã hội hình như gó lơ và vô cảm cảnh khổ cùng của bọn em.

Má em, ngày một yếu. Người phụ nữ nhà quê không còn đủ sức kéo lê đôi chun nông dân trên con đường nhựa kinh thành. Má đuối, nghi bán vé số, nằm nhà trọ. Trời không thương mà còn cay nghiệt phạt nghèo. Em mất việc vì, xí nghiệp nợ nần và phá sản. Tiền nhà, tiền điện, tiền nước... đủ thứ tiền bủa vây, dẫu cái đầu thép cũng thành điên! Có những bữa, má con cùng ăn một gói mì cầm hơi cho qua bữa. Anh thấy đó, Sài Gòn hoa lệ. Vạy mà, “kẻ ăn không hết, người lần không ra!”.

Nhiều đêm, má con ôm nhau khóc. Má bàn với em, kiếm chùa nào đó để xin mần công quả và tá túc. Má nhớ lời sư ngày xưa bảo: Phật cứu khổ! Má con mình cùng đường, khổ quá. Về với sư, về với chùa thôi!

Nghe lời má, em chạy đôn chạy đáo khắp nơi để kiếm chùa, để gặp sư bà, sư ông cứu giúp. Việc chưa đâu tới đâu, má bệnh ung thư gan. Nếu cuộc đời là một cuộc trao đổi, có thể thiếu sòng phẳng. Nhưng khi em đã trao... chắc là, được đổi cái em cần đổi(!). Nghĩ sao mần vậy, em giấu má và thân nhiên làm cái việc đả... giao kèo, bình tĩnh vui mình tận đáy bùn dơ, mong có chút tiền cứu má. Tất cả vô vọng, má chết và em thì, mình mảy lăm lem!

Trước lúc chết, má nắm tay em cứ dặn đi dặn lại:

- Con đốt thân xác má ra tro, rồi đưa cốt về chùa, để sớm hôm má nghe kinh kệ. Má một lòng tin chùa là nơi mở rộng cửa dung chứa; sư thầy là nơi ban phát độ lượng, từ bi!

Mần theo lời trăng trối của má, em ôm hũ cốt lặn lội đi

NIỀM VUI MỖI SỚM MAI

NGUYỄN HỮU HẠNH

(Tặng Hai Tín và nhóm bạn Cà phê Thư Viện Gò Vấp)

*Cận kê tuổi lặt chín mươi
Sớm mai vợ gọi, bạn mời cà phê
Trốn đi, trưa trật mò về
Vợ ghen, lão đổ lỗi lẽ thói quen!?
Niềm vui của kẻ nghèo hèn
Là chơn tình sống, không chèn ép nhau!*

khấp các chùa, gặp chẳng biết bao sư, để gửi hũ cốt má: Tất cả vô vọng! Bởi em không có khả năng cúng dường “Tam Bảo phước điền” nên hũ cốt má em không thể tìm được nơi an vị trong bất cứ Vãng sanh đường nào! Lúc đó, chỉ có tiếng tụng kinh, mõ phát ra từ cái máy thu băng và tiếng em khóc! Bởi em, cũng không có tiền rước thầy làm đám với giá 500 ngàn đồng cho một Ngọ, mỗi vị. Mùa Vu Lan bôn, đào đầu ra tiền mần chay tặng cứu mẹ như tích Mộc Kiên Liên? Khi phong bì cúng dường cho mỗi vị: Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức... đều có “pa-rem” quy định tính bằng bạc triệu, ngót nghét một tháng lương công nhân của em! Chẳng biết những người giống hoàn cảnh như má em, Tròi Phật có cho về cõi vĩnh hằng? Chùa bây giờ không như chùa ngày cũ.

Sư bây giờ không như sư làng xưa. Phật, bây giờ uy nghi lộng lẫy quá, không còn là nơi để người nghèo khó gửi gắm nỗi niềm khi buồn, lúc vui của mình. Mọi thứ bây giờ được cân đong, đo đếm bằng tiền! Không tiền, đi chỗ khác chơi. Cửa chùa thời nay, đóng mở có nội quy giờ giấc; tiền bạc tính theo thứ bậc, chức phận nhà sư...

Mấy con nhỏ bạn cùng lứa “gà móng đỏ” như em, nói: Sao mày không rải cốt má xuống sông để má theo dòng nước ra biển cả? Mày ôm khư khư hũ cốt bên mình, đêm ngày mày còn... tra tấn má! Buộc má phải coi thiên hạ chơi mày. Má sẽ không đi đầu thai được. Tội lỗi lắm!

Nghe quá đúng, em và mấy con nhỏ bạn muốn ghe chèo ra sông rải tro cốt má. Nước sông màu đen hắc ín, mặt sông cá chết nổi lều bều, mùi hôi bốc lên thúi tận sái óc. Em không đành lòng rải cốt má xuống sông dơ, sợ má không đi đầu thai được.

Gửi chùa thì, không gửi được. Rắc xuống sông thì, rắc chẳng xong! Từ đó, hũ cốt má đi theo bước chum gáo giang hồ của con gái má. Chắc má hiểu mà tha thứ và thương cho em!

Chợt em nhớ chùa làng quê. Tại sao, mình không đưa má về nơi chôn nhau cắt rún?

*

Người xưa ngỡ ngàng và không nhận ra cảnh cũ. Tất cả xa lạ! Đứa con của làng giờ trở thành là khách. Hỏi thăm đường vô chùa, mấy đứa trai mới lớn nhìn chòng chọc vào em bằng ánh mắt xoi mói vừa giễu cợt, vừa thương hại.

Trở về chốn cũ, lòng mừng khắp khởi, bao kỷ niệm thời thơ ấu hiện ra. Và, đây rồi ngôi chùa làng, em bàng hoàng khi nhìn thấy đồng gạch vụn tro tro với bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát đứng trơ vơ giữa tòa sen. Kế bên, mọc lên một ngôi chùa hoành tráng, chẳng khác một tòa lâu đài, cửa đóng then cài với bản nội quy to tổ bố, ghi rõ ràng giờ giấc tiếp khách thập phương, máng lũng lảng trước cổng. Có lẽ, người ta phá ngôi chùa nghèo

ngày trước, thay bằng ngôi chùa giàu có bấy giờ. Các sư thầy thuở xưa đã vãng sanh về cõi Phật. Người làng hình như ít đến chùa, chỉ người phương xa kéo nhau đến nườm nượp bằng xe hơi láng coóng.

Trong nỗi đau và tuyệt vọng, em ôm hũ cốt má gục đầu dưới chun tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, kêu lên:

- Bồ Tát ơi! Con phải mần sao?

Nắng đứng bóng trưa, tiếng lá rơi bên hàng cây trên nền chùa cũ. Em ngược nhìn mẹ Quan Âm qua ánh bạch lạp nhỏ nhoi. Từng giọt bạch lạp rơi xuống chun đế. Trong không gian tĩnh mịch, bất chợt em nghe tiếng kêu từ đâu thảng thốt vọng lại:

- Hết thời! Hết thời!

Thì ra, đó là tiếng kêu của một con Tắc kè bông đang đeo bám ở bức tường loang lổ, còn sót lại của ngôi chùa làng cũ. Tiếng kêu của con tắc kè hay tiếng khuyên nhủ của mẹ Quan Âm dành cho kẻ tuyệt vọng: *Hết thời lạy trời về núi!* Rõ ràng trên đầu em trời vẫn xanh, mây vẫn trắng và nắng vẫn trong veo... Lòng trời vẫn luôn bao dung độ lượng cho dù lòng người hôm nay đổi trắng thay đen!

3.

Có tiếng xe chạy ngoài đường, tiếng lao xao của bạn hàng ra chợ sớm. Trời sắp sáng!

Không hiểu sao tôi buông em, vụt ngòai dậy; quơ hết số tiền tôi mang theo trong người gửi lại tặng em. Thay đồ, tung cửa chạy như chạy trốn điều đau đớn buốt xé trong tôi.

Và, hình như tiếng em đang la chói lói, rượt đuổi phía sau...

C.T.H

Mỹ Tho, 6.1.2016



Nguyễn Năm

Pháp danh: Nguyên Ý

Sinh 1956, tại Đức Phổ, Quảng Ngãi

Hiện sinh sống ở Phú Nhuận, Tp. HCM

AO SEN

*Một chút gì ta nhớ bóng trắng
Ngón tay hoa thơm ngát hương trầm
Qua ao sen bụi trần quên bằng
Cánh lá lụn tàn dưới gót chân!*

NHỚ CÔ HƯƠNG

*Xa quê từ tuổi thơ buồn
Theo cha, nhớ mẹ, dạ bồn chồn thương
Sài Gòn đêm khóc cố hương
Thân cô lữ sống tha phương xứ người!*

CẬU CHÁU NGÀY XƯA

Tội đã rành rành chối sao đây ?
thấy tội, Sư Thầy không mắng mỏ,
nhỏ nhẹ bảo ban: đừng dang nắng
vớ lại đừng theo mấy cái thằng...
thôi để Sư Thầy đưa về mẹ .
nuơng bóng cà sa, cháu lại nhà ...
tội nghiệp đầu thầy không cần lược,
phơi nắng quay về cửa Từ Bi !
ra đến bờ sông mới hoàn hồn,
khế, ổi có gì nhai cái đó,

Nhớ quá trưa hè thời thơ dại,
trưa không chịu ngủ lên vô chùa
ôi me chua ngọt đều chọt hết !
những tưởng Sư Thầy lo tụng niệm
nào ngờ Sư Phụ núp bên trong.
xứ Nẫu Sư Thầy võ nghệ cao
nhún nhẹ châu thân đã vượt rào !
cả bầy đông lẹ khỏi Thiên môn !
khổ nỗi cháu tôi còn đứng lại,
khế chua tang chứng ở trong tay.

Xong rồi mấy đứa lại tắm sông.
tồng ngồng lặn hụp quên mọi sự,
đất Trời có sập cũng như không!
mặt Trời chiếu thẳng bóng đọt tre,
quí phá nhà trai mới rã bèo!
đâu biết Thiên Sư đã tới nhà,
chắc rằng cháu gái không nói ra
để sau còn được đi theo cậu ...
mẹ hỏi, sáng giờ con ở đâu?
tim đập liên hồi, mồm ríu lại :

Con tằm ngoài sông, phía bên cầu
được rồi! vào đây cho mẹ bảo :
một tội phá chùa, hai tội xạo ...
roi tre vun vút vọt vào mông,
đau đớn oằn thân, cam tâm chịu,
rứt căng co giò, chẳng dám đông
đánh xong chưa hả mẹ còn nói:
xuống quỳ dưới bếp đợi cha về!
quỳ không dưới đất, không lo ngại,
quỳ trên vỏ mít, khổ đời con!

Tôi thù cây mít sau nhà lấm,
múi thì ngon ngọt, vỏ nhiều gai
chiều về cha lại cho một trận,
lôi cổ thẳng tôi với lũ kia,
đến gặp Sư Thầy mong thứ lỗi.
ôi khế làm chi khổ quá Trời!
thầy bảo bước vào trong chánh điện,
bắt quỳ sám hối trước tòa cao .
quỳ lên, lạy xuống như té sao,
mấy thẳng phía trước còn lạy Phật,

Mấy đũa phía sau chỉ lạy mông
tàn một nén nhang, cả bọn đông
chọt cây, ném đá làm chùa dột,
thiện nam tín nữ thấy phải lo.
hăm hờ thiện nam trèo lên mái,
săm soi khe lỗ để trám hồ.
dưới nhà mãi mê bày mâm cỗ,
tín nữ vui mừng lỗ trám xong .
thấm mệt thầy vào phương trượng
Tín nữ lo toan việc cúng dường.



Lạy Trời, người tốt gieo nghiệp tốt
Phước nhiều, con trẻ cũng dễ thương
Nhớ hoài một thời thơ dại đó.
Đi bốn phương trời cũng khó quên.
Bây giờ cháu tôi thành bà ngoại,
Móm mém thẳng tôi húp cháo hoài!

N.Đ.H

***Vọng Ngôn, Vọng Ngữ,
Vọng Nào Cũng Tử!***



Rằm tháng Mười, người nhà quê thường kêu là Rằm Hạ Ngươn, tôi thiếu duyên đến chùa Linh Bửu lễ Phật; đồng thời, cũng là dịp gặp gỡ những nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu-phê bình văn học trong nhóm Hương Thiên.

Thật lấy làm tiếc. Rõ, tỳ duyên!

Hai hôm sau, tôi có việc lên Sài Gòn “coi mắt” cháu dâu. Tôi mắc cỡ cứng mình vì, biết chi mà “coi mắt”. Xin lỗi, bằng kinh

nghiệm của mình và kèm theo cái bản lĩnh của “đàn ông miệt ruộng” thứ thiệt, dẫu có “rờ mó” cũng chẳng biết đâu mà coi với mắt(!?)

Vậy mà, trên đường về, mấy bà bác, bà cô, bà thím, bà dì, bà mắc dịch,... đua nhau bàn tán rân trời đất từ miệng lưỡi vọng ngôn về cô thiếu nữ “có thể mãn cháu dâu” ở thì tương lai. Điếc con rái, nhức đầu, tôi tuốt xuống xe ở bến xe Cần Giuộc, định thần, nhắm hướng và cuộc bộ đến đường Bông Sao để gặp Minh

Khùng trút “bầu tâm sự” về cái vọng ngôn trong “cõi người ta”. Cũng phải nói lại cho rõ: Tôi xài “Cõi người ta” từ bản dịch do Bùi Giáng dịch nguyên tác “Terre Des Hommes” của Antoine de Saint-Exupéry. Bùi tiên sinh thì, mượn chữ truyện Kiều. Bởi, “cõi người ta” vốn của Nguyễn Du (*Trăm năm trong cõi người ta*).

*

Minh Khùng râu đâm ra “bốn phương, tám hướng” mất trật tự, khác chi đường Sài Gòn gặp lúc ngập nước, kẹt xe. Nhưng, nhìn kỹ, Minh Khùng tuy râu um tùm mà chẳng có ria. Tôi hỏi:

- Râu ria! Khùng, râu quan trọng hay ria quan trọng?

Minh Khùng đương loay quay mắc lo dọn tách, châm trà, chưa kịp trả lời. Thím Minh từ nhà sau nói với lên:

- Râu bùng nhùng coi dữ tợn, hù dọa đàn bà con gái yếu bóng vía, chớ chết ai. Ria thanh mảnh, hiền lành; coi vậy mà giết người chết tươi trong giây phút đầu tiên... Chẳng ai chống đỡ nổi và sống sót!?

Rồi, thím đi lên nhà trên, vừa đi vừa mời tôi ở lại ăn cơm trưa mới được về.

Sau khi nghe tôi trải lòng những điều thắc mắc, Minh Khùng cười khà khà:

- Thì, vợ của Khùng đã giải thích cho anh rồi đó.

Hai anh em vừa ăn cơm, vừa đàm vọng ngôn. Minh Khùng, nói:

- Vọng thường đi tới tưởng, cùng lắm cũng chỉ là vọng tưởng, cao đạo... chọc cho thiên hạ chê cười. Có khi, bị người đời khinh rẻ nhưng không ghét bỏ. Ngữ sinh ra vọng ngôn. Có người bảo: Ngữ không là Ngôn. Nó chẳng rạch ròi như vậy, nó bỏ sung cho nhau. Nên thiên hạ mới gọi là Ngôn Ngữ, đành rằng lời nói có trước chữ viết.

Khùng “nhón” chút tàu hũ lượt bỏ vào chén của tôi. Tôi bực mình vì, Khùng phát ngôn “nhón” tiếng người Miền Bắc mà, không dùng “gắp” tiếng người miền Nam. Khùng cười sặc sụa:

- Thôi cha nội!’ “Nhón” với “gấp”, dẫu nói sao thì, miếng tàu hũ cũng vào chén chó đi đâu. Nam-Bắc một nhà, chi mà phân với biệt.

Tôi cà rơn, cười che giấu cái “hoi bị quê” với thằng em kết nghĩa.

- Chung nhà nhưng, giường ai nấy ngủ, vợ ai nấy...
Khùng khoái, cười văng cơm tụi bụi!

*

Nói bậy nói bạ đã xong bữa cơm trưa.

Hai anh em xĩa răng, uống trà. Minh Khùng nói:

- Khi xưa, lúc em vào chùa tu tập, thầy Giác Khánh giảng cho em về “vọng ngữ”. Em thuộc lòng và cố sống theo từ đó, thầy dạy:

Tâm là gốc thiện ác, miệng là cửa họa phúc.

Nghĩ một niệm thì hưởng ứng không sai. Nói một lời thì bóng theo chẳng lệch. Quân tử trọng lời như biệ. Cổ nhân ngữ nói như bình. Nói ra thì ngay thẳng công bằng. Mở lời thì không cong queo tà vạy.

Không nói đây hay kia dở. Chẳng bàn mình phải người sai. Đâu dám khua môi múa lưỡi. Cần phải giữ miệng gìn lời. Và nghiệp của thân là nặng. Song họa của miệng là trước. Chẳng những kẻ nói là vọng ngôn. Khiến người nghe làm bậy.

Như muốn cho tôi hiểu thêm, Khùng đọc luôn một hơi bài kệ, rằng:

*Kề vai cười nói khua lưỡi môi,
Cứ mãi làm người vọng ngữ thôi.
Riêng ý cầu tài, mong người thích,
Sau cùng khó tránh nghiệp kéo lôi.*

Nghe xong, tôi như được mở tấm lòng và, buột miệng:

- Khẩu nghiệp quan trọng, nên trong 5 giới của hàng Phật tử tại gia thì giới khẩu, vọng ngữ đứng thứ tư rồi!

*

Trên đường trở về nhà, tôi suy nghiệm và sự nhớ hồi trước, lúc má tôi còn sống, trong lễ đầy tháng con gái đầu lòng của vợ chồng tôi, bà bắt buộc phải có nghi lễ “bắt miếng”. Vợ tôi không thông nên hỏi: “Bắt miếng” là gì má? Bà nói: “Bắt miếng” là lễ khai hoa cái miệng. Vì, họa phúc từ cái miệng.

Rồi, bà ẵm cháu nội gái của bà, tay cầm cành hoa điệp đỏ quơ qua quơ lại trên miệng cháu nhíp nhàng theo điệu về quê đi cấy lúa:

*“Mở miệng ra cho có bông, có hoa
Mở miệng ra cho kẻ thương, người nhớ,
Mở miệng ra cho có bạc, có tiền.
Mở miệng ra cho xóm giềng quý mến...”*

Chẳng phải khi không người xưa, dạy: “*Khẩu khai thân khí tán. Thiệt động thị phi sanh*”(*)

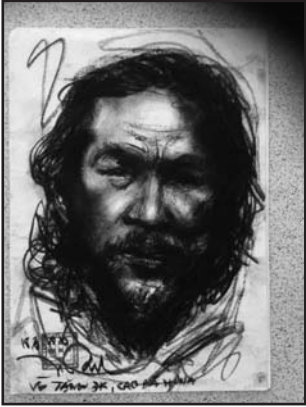
Còn chuyện “khẩu Phật tâm xà” thì sao? Minh Khùng đôi khi đội nón rơm đi dưới nắng, mở miệng chửi đồng đám con nít tụ tập đá gà trong công viên, chửi lăng nhăng mấy mục ngời lê đôi mách, chửi búa xua mấy tay thanh niên chạy xe ôm uống rượu lã lã gây tai nạn... Nhưng hấn lại hào phóng móc túi lấy đồng bạc cuối cùng cho bà già đi ăn xin trước quán cà phê. Khẩu xà tâm Phật, chuyện của thằng Khùng thì chỉ có Khùng biết thôi. Còn những ai đang muốn có cái *an cư lạc nghiệp* ngay trong hiện đời thì phải khéo giữ mồm giữ miệng vậy!

Thương thay, những kẻ hể mở miệng là tạo khẩu nghiệp, khi tay cầm bút viết chữ thì, gây nghiệp báo. Vọng ngôn giết người, vọng ngữ nhân quần ly tán.

Xưa nay là vậy!

28.11.2015

() Mở miệng nhiều lời sẽ hao tổn thân khí, lưỡi động thường nói chuyện phải trái, hơn thua, đẹp xấu, khen chê... để rồi phải tranh đấu, mạ li lẫn nhau khiến sinh ra lắm chuyện thương tâm.*



Chân dung Tuệ Giải
do Trần Đạt ký họa

HẠC THÀNH HOA

*Ngồi trông đàn hạc hóa thành hoa
Hoa dành cho lũ quỷ Dạ Xoa
Cánh hoa dần nghiệp
Hương tan xóa
Mỗi cánh hoa tàn
Sinh tử qua.*

LỜI ĐẤT ĐÁ CŨ

*Mây trôi nơi đầu gió
Nước xa mãi cội nguồn
Đất buồn cơn mưa lạ
Đá cũ nặng rêu xanh*

MỘ KHÚC

*Khi đã biết mình không là gì cả
Thì chung quanh không đến chập chùng.
Rời ra sao để hồn nhiên tất cả
Có và không giữ chặt mộng đôi bờ
Tâm bất sinh có vẻ rất ơ thờ
Dang tay đón thì háo danh chờ lợi
Lạnh lùng sao thời gian chẳng đợi
Có và không nắm mộ đến như chơi!*

Mai tôi về chùa

*Mai em nhé! Khi mùa Xuân nắng ấm
Tôi về đây thăm lại mái chùa xưa
Bao năm rồi không biết mấy nắng mưa
Chắc mái ngói giờ đây rêu phủ kín*

*Mai em nhé! Khi cõi lòng thanh tịnh
Tôi về đây mặc lại áo tràng lam
Đi lễ chùa trong tâm trạng bình an
Và thành kính đọc lại bài kinh cũ*

*Mai em nhé! Tôi xin chào quá khứ
Đã qua rồi những ngày tháng mù sương
Bàn chân xưa tìm lại chốn Phật đường
Nghe thuyết pháp trong mùi hương vạn thọ*

*Mai em nhé khi hồn tôi mở ngõ
Và sân si quên mất lối quay về
Tôi đi chùa tha thiết nỗi đam mê
Được tắm gội trong hào quang đức Phật*

(Trích “Mai Tôi Về Chùa” - thơ Phạm Đông Hoàng)

Như một lời chia tay

CAO BÁ HƯNG

Trong một chuyến chơi xa, khi về vãn vương bạn hiền, anh Lê Gioăng, cái tên thật kỳ lạ, không ai có – Gioăng mà lại có “g” đằng sau, thiệt ngộ! Lê Gioăng cục mịch và giọng nói sang sảng, chẳng ai ngờ anh bệnh nan y! Tôi và anh chơi với nhau suốt bốn ngày liền với núi đồi lồng lộng – chơi cho đến giờ xe đón ra bến về lại Sài Gòn. Ly cà phê nóng trước mặt, điều thuốc đỏ trên tay với dư âm tình bạn vừa mới chia tay lòng còn lưu luyến quá đỗi. Trong ngôi nhà vắng lặng, từ tâm thức tuôn trào lời thơ mộc mạc gửi đến anh với tin nhắn bằng chiếc điện thoại cũ mềm. Anh nhận tin và gọi lại, cười ha hả: “Tao phở nhạc, tao phở nhạc!”. Tôi vui lây với tiếng cười của anh. Thời gian không quá dài dù nó là một, hai tiếng đồng hồ... Anh gọi điện thoại và hát cho tôi nghe. Sau đó anh ký âm và gửi về cho tôi bản chép tay duy nhất!

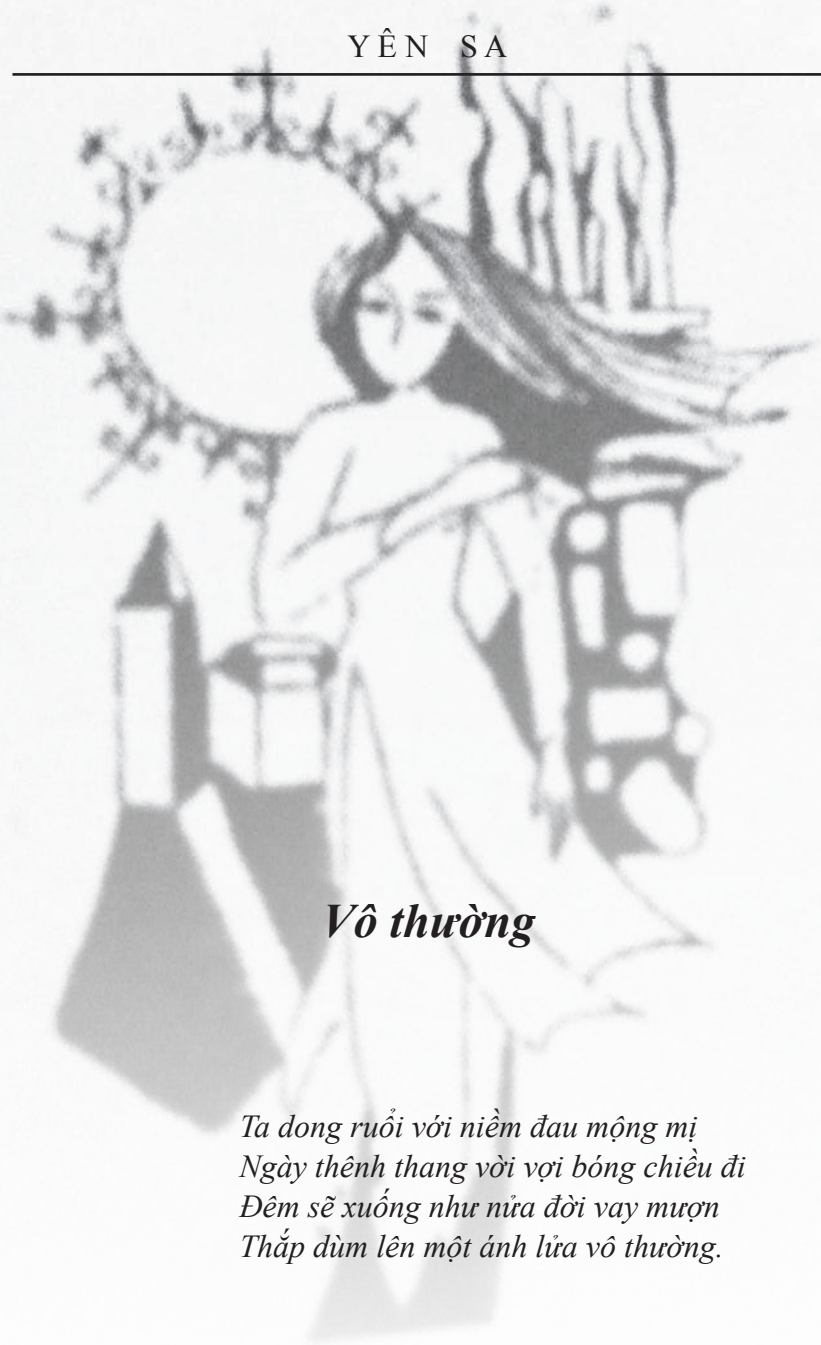
Chẳng ngờ, đó là lần gặp mặt cuối cùng. Anh trở bệnh và mất. Thương biết mấy cho người bạn, người anh thân thương Lê Gioăng. Với giọng nói đặc sệt Quảng Nam thật dày, cái đầu tóc húi cua, ánh mắt thật xa xăm diệu vợi như nhìn vào cõi vô cùng... Nốt nhạc lời thơ hòa quyện vào nhau như điềm báo trước. “*Nhủ lòng thôi xa*” dành cho anh như một lời chia tay mãi mãi...

NHỮ LÒNG THÔI XA

♫ Thơ: Cao Bá Hưng
Nhạc: Lê Giảng

The musical score is written in a single system with five staves. The first four staves are in the key of B-flat major (two flats) and 4/4 time. The fifth staff is in the key of D major (two sharps) and 4/4 time. The lyrics are written below the notes. The score includes various musical notations such as treble clefs, time signatures, and dynamic markings like '3' (triplets).

Chênh vênh thân phận người Lưng chùng cội đá leo. Muộn phiền như chiếc
lá bọt bèo nước cuốn theo Trăng treo trên non Đồi Chuông đổ lời lan
xa. Ru hồn hoang ẩm đoạn nhũ lòng chân thôi xa. Trăm
năm chưa mà tỉnh. Theo gót hài lung linh Đóa sen mùa an tịnh chẳng
lạ gì tử sinh. Trăm lạ gì tử sinh.



Vô thường

*Ta dong ruổi với niềm đau mộng寐
Ngày thênh thang với vợi bóng chiều đi
Đêm sẽ xuống như nửa đời vay mượn
Thắp đèn lên một ánh lửa vô thường.*

TƯỚNG NIỆM HÒA THƯỢNG KHÁNH ANH



Thiền viện Trúc lâm Tuệ Quang, Thủ Đức
tưởng niệm Húy nhật HT. thượng Khánh hạ Anh.

Ngày 28/2 Bính Thân (6/3/2016), Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Quang, Thủ Đức đã long trọng tổ chức lễ Húy nhật tưởng niệm Hòa Thượng thượng Khánh hạ Anh, một trong những vị có công lớn trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Ngoài ra tại Thiền viện còn tôn trí di ảnh của chư tôn đức xương minh trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam như HT. Thích Huệ Quang, HT. Thích Thiện Hoa, HT. Thích Thiện Hòa, Bồ Tát Thích Quảng Đức... để nhắc nhở quý Phật tử hậu bối noi theo.

TÂM VƯƠNG

Mùi hoa Nguyệt Quới và màu nắng Sài Gòn

Ba giờ khuya đây, chợt nghe mùi hoa Nguyệt Quới ngào ngạt. Nhớ má. Chị em tôi hay gọi hoa Nguyệt Quới là hoa bà ngoại, vì đây là loại hoa má tôi thích và rồi khiến chị em tôi “mê tín” sau khi má mất.

Phải gọi là hoa Nguyệt QUỚI mới đúng kiểu kêu rất Nam kỳ của má, như kiểu má tôi hay nói, làm NHẬT TRÌNH cực quá mà nguy hiểm quá, má không muốn đứa nào làm nghề đó hết.

Má tôi, một bà má Nam kỳ, sống với ba tôi, ông Bắc kỳ khó chịu đến gần nửa thế kỷ mà mỗi khi ông Bắc kỳ bực bội, nói mấy những câu móc họng, mỉa mai, thậm chí chì chiết, thì bà vợ vẫn vô tư, không buồn giận, chỉ vì má tôi... không hiểu!

Bao nhiêu năm, nghe mãi, má chẳng quan tâm, cứ không hiểu. Đám con thì hiểu hết và thấy vui vì cái sự không hiểu đã “vô hiệu hóa” mọi lời hăm dọa, cay độc. Sau này, chị em tôi đã tách ra ở nhiều nhà khác nhau với gia đình riêng, nhưng tình cờ coi lại, nhà nào cũng có trồng nguyệt QUỚI. Hoa trắng tinh, khiêm tốn, hiền hòa mà mùi hương lan xa, rất khó lẫn hay quên. Cùng với mùi hương là màu nắng. Ôi cái màu khó diễn tả mà khiến mình đi đâu cũng cứ nhớ hoài. Tôi thấy nắng Đà Lạt rất khác màu nắng Gò Công và



nắng Sài Gòn... Thiết lập một bảng kê các yếu tố của màu hay bảng kê của mùi là việc các chuyên gia, nhưng tôi tin, đôi mắt và cái mũi người Việt, điều khiển bởi trái tim, luôn rất tinh và chuyên. Và nhạy vô cùng.

Tất cả kỷ niệm với má ào ào tràn về, chỉ từ một mùi hoa. Tất cả kỷ niệm với Sài Gòn, với con hẻm xưa, căn nhà cũ Xóm Lách, trường tiểu học Tân Định cứ tràn về, khi bắt nhịp được đúng màu nắng cũ...

Hôm qua, có người bạn tặng một cây hoa Hồng Hạc (ảnh). Hoa đẹp, sang cả, chứ không mộc mạc như Nguyệt Quới. Tôi đặt Hồng Hạc cạnh Nguyệt Quới. Chợt nghĩ, má tôi sẽ gọi cây hoa Hạc Hường chẳng?

V.K.H

Lửa Từ Bi - Lửa Trí Tuệ

Ngày lịch sử 11 tháng 6 năm 1963 là ngày mà ngọn đuốc Phật giáo Việt Nam lấy thân thấp sáng giữa ban ngày để soi sáng tâm hồn đen tối vô minh của một cơ chế độc tài, gia đình trị.

Có những ngọn lửa sân hận thiêu hủy bao công đức, có những ngọn lửa thế tục đốt cháy núi rừng, đốt cháy tài sản và sinh mạng con người, thì cũng có những con người lấy thân mình làm ngọn đuốc đốt cháy vô minh và thiêu rụi một cơ chế áp bức. Ngọn lửa ấy không là lửa sân si, không là lửa tham lam, không là lửa hận thù. Ngọn lửa đầu tiên đã thấp sáng lịch sử dân tộc, đó là ngọn lửa Từ Bi của Bồ Tát Thích Quảng Đức mà Phật giáo Việt Nam đã chịu nhiều áp bức suốt 9 năm cầm quyền của nhà Ngô. Sự chịu đựng nào cũng có hạn và hạn chịu đựng ở mức độ không



thể chịu đựng hơn, tất yếu phải có cuộc bùng nổ. Thế giới bùng nổ do bất đồng và áp bức, bất công thì chiến tranh và xương máu phải trả giá, để rồi, kẻ thắng người thua đều mang tâm trạng đau khổ bất an, hận thù dai dẳng. Kể cả những tôn giáo mà thời Trung cổ cũng đã sử dụng bạo lực để thanh toán lẫn nhau và rồi triển miên hận thù.

Riêng Phật giáo không đối kháng bằng bạo lực, không lấy máu trả máu, không hận thù trả hận thù. Kinh Pháp cú, phẩm Song Yếu:

*Khấp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xóa tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.*

Chính vì thế, để thức tỉnh lương tâm nhân loại, để kêu gọi tình thương đồng loại và sự công bằng giữa con người với con người, Bồ Tát Thích Quảng Đức đã tự nguyện lấy thân mình làm đuốc để rồi, như chưa đủ công lực, tiếp nối sáu ngọn lửa của Tăng Ni làm nên trang sử bi hùng tráng cho một Phật giáo Việt Nam ngày nay.

Những ngọn lửa đó, ***lửa Từ bi - lửa Trí tuệ*** trở thành thiên hùng ca gọi bao cảm hứng cho nhà văn, nhà thơ, nhạc kịch hợp tấu nên khúc ca khai hoàn. Ngoài Vũ Hoàng Chương, còn biết bao nhà thơ dệt nên âm điệu về Phật giáo, trong đó có nhà thơ Tuệ Kiên đã được nhạc sĩ Trần Đức Tâm (Ngộ Anh Kiệt) phổ nhạc với tựa đề: “Trái Tim Bất Diệt”.

Hàng năm, Tăng tín đồ Phật giáo đều tưởng nhớ Bồ Tát và các Thánh tử đạo, những tiền hiền mở lối nở hoa cho những ai còn tin Phật để mảnh đất này luôn được thơm mát tuệ giác. Đại biểu cho lòng tri ân đó, nhạc phẩm sau đây sẽ mãi đi vào giáo sử Phật giáo Việt Nam.

G.K

* Kính tặng tác giả thơ Tuệ Kiên.
Việt Nam, 20/3/2016.
Ngô Anh Kiệt.

TRÁI TIM BẤT DIỆT

* Kính dâng lên Bồ Tát Thích Quảng Đức

◊ Thơ: **Tuệ Kiên**
Nhạc: **Ngô Anh Kiệt**

* Hoa vô úy nở bừng trong lửa đỏ,
Đóa sen Người sáng đẹp giữa muôn ngàn.
(Tuệ Kiên)

Thành kính - Trang nghiêm ♩ = 75

The musical score is written in 4/4 time with a tempo of ♩ = 75. It consists of eight staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics are:
Người đáp y vàng, khoan thai tiến bước; Đến giữa phố đông, uy nghi trăm
mặt. Ngôi xuống kiết già, nét mặt từ bi ... An nhiên châm
lửa: Lửa lửa hừng hực hực cháy! Như búp sen, hai tay Người vẫn
cháp; Ngọn đuốc hồng rực sáng cả non sông. Quên thân sống hiến mình dâng Tổ
quốc; Đâu sá gì khi Người rõ sắc không! Duo (Nữ-Nam)
Lịch sử sang
Nam Nam trang; ngậm ngùi, chấn động! Nữ Nữ Tin dữ truyền lan, Nam Nam thế giới bàng
hoàng! Nữ Nữ Phật giáo năm châu thương mùa pháp nạn, Nữ Nữ Đồng vấn khần

tang, ^{Nam} nước mắt dâng tràn ... Lửa vô úy kết thành muôn sức
 mạnh; Trái tim Người bát ngát Tin, Nguyễn, Hành. Quê hương
 ơi! Người cháy rực trần gian! Tâm Bồ Tát giữa đất trời hiển
 thánh ... $\text{♩} = 50$ Chuông nước $\text{♩} = 50$ nở hồn Từ Quang, Xá
 Lợi; Kính mô buồn, lòng pháp lữ Ấn Quang. Cây ử
 rũ giữa đôi bờ sinh diệt; Huế, Sài Gòn đang đứng đây hiển
 ngang ... Con qùy kính, trước uy linh Quảng Đức; Lòng từ
 bi sáng rực mãi trần gian. Hoa vô úy nở bừng trong lửa
 đỏ, ^{1.} Đóa sen Người sáng đẹp giữa muôn ngàn. Hoa vô ...
^{2.} ... ngàn. Đóa sen Người sáng đẹp giữa muôn ngàn ...

Cư sĩ Minh Mẫn biên soạn phần này.

(Đọc diễn cảm phần này khi diễn xong lần thứ nhất.)

* Ngọn lửa từ bi và oai hùng, đã mở đường tiếp theo cho ngọn lửa tại Bình Thuận vào ngày 4/8 của thầy Thích Nguyên Hương 23 tuổi. (Vào điệp khúc)

Hoa vô úy nở bừng trong lửa đỏ, Đóa sen
Người sáng đẹp lối con về. Hoa vô về.

* Vẫn tiếp tục, 13/8 cùng năm đó, thầy Thích Thanh Tuệ 18 tuổi tự nguyện thiêu thân cúng dường Tam Bảo để đốt sáng cõi vô minh tại Huế. (Vào điệp khúc)

* Thích nữ Diệu Quang tuy thân nữ nhi, 27 tuổi, vẫn can đảm tiếp nối cho ngọn lửa sáng thêm vào ngày 15/8 tại Huế. (Vào điệp khúc)

* Và tiếp theo, ngày 16/8 Thiền sư Thích Tiều Diêu đốt thân tại chùa Từ Đàm (Huế). Ngài 71 tuổi. Bấy nhiêu ngọn lửa cũng chưa đủ thức tỉnh chế độ. (Vào điệp khúc)

* Ngài Thích Quảng Hương 37 tuổi, lại chọn ngày 5/10 để tiếp nối ánh sáng của tiền nhân tại chợ Bến Thành (Sài Gòn). (Vào điệp khúc)

* Kết thúc cho hàng loạt ngọn lửa từ bi lay động lương tâm nhân loại, Đại đức Thích Thiện Mỹ 23 tuổi vào ngày 27/10/ 1963 đã thiêu thân cúng dường Tam Bảo tại Sài Gòn, cầu mong Phật giáo Việt Nam sớm thoát đại nạn. (Vào điệp khúc)

* Lấy thân mình để cảnh tỉnh con người vô minh độc ác, ngọn lửa từ bi đốt cháy cả một chế độ bạo tàn, để đất nước mãi mãi nở hoa tình thương bất diệt, cho giống nòi danh rạng Rộng Tiên.

MỘT PHẬT GIÁO VIỆT NAM TÙNG LÀ THỂ ĐÓ!

Hoa vô úy nở bừng trong lửa đỏ, Đóa sen Người sáng đẹp lối con
về. Hoa vô về. Đóa sen Người sáng đẹp lối con về.

(Tiếp tục, diễn tiếp lần thứ hai để kết thúc.)

Khi Chúa Năm Yên

Năm ấy tôi khoảng 18, 20 chi đó. Nhà tôi ở Vĩ Dạ, dân quanh vùng đa số theo Phật giáo. Các nhà thờ đều khá xa. Tối Noel tôi muốn đi chơi vô cùng mà không biết rủ ai. Anh Hiền đã đi chơi với đám bạn từ chiều, nhà chỉ còn hai cha con. Tôi đi ra đi vào một lát rồi rủ ba tôi:

- Chú ơi! - Anh em tôi gọi ba bằng chú - đi nhà thờ chơi chú hề!

Hai cha con vừa nói chuyện vừa đạp xe lòng vòng quanh mấy nhà thờ rồi ghé vào Nhà chung. Chú tôi giữ xe cho tôi vào xem triển lãm. Hai dãy phòng phía trước Nhà chung sáng choang ánh đèn. Cái lạnh của đêm dường như bị chặn lại ngoài cổng. Từng đám người ra vào tấp nập. Tôi hơi chóa mắt trước vô số tranh ảnh và hình tượng. Phần trình bày kỹ thuật và linh động giữa những khóm hoa đầy màu sắc. Tôi say mê đi từ phòng này sang phòng khác. Chung quanh bao nhiêu là người, đa số là thanh niên: Họ vui vẻ ồn ào. Tiếng cười nói át cả tiếng thánh ca êm dịu phát ra từ



những chiếc máy đặt ở cuối phòng. Còn một phòng cuối gần khu Nhà chung, khoảng này vắng người hơn hết. Tôi bước vào và giật mình trước một bức tranh chiếm gần hết khoảng vách. Tranh như cảnh thật, với đức Chúa lớn bằng người ta, nằm nghiêng trên một chiếc thuyền giữa biển. Biển đang giông tố thì phải, những lưỡi sóng cong vòng, cuộn cao chực úp lấy chiếc thuyền. Vẻ hoảng hốt của những người trên thuyền lộ rõ. Nét vẽ sống động đến nỗi tôi bắt rùng mình trước hiểm họa ấy. Nhưng ngạc nhiên nhất là trong đám hỗn loạn kinh hãi kia, đức Chúa đang nằm nghiêng an tĩnh bên mạn thuyền, mắt khép hờ, tay xuôi theo mình.

Tôi bước tới gần, đọc dòng chữ ghi chú “Bằng sự yên tĩnh, Chúa cứu đám người khỏi nạn đắm thuyền”.

Thật là khó hiểu. Quả tình tôi không hiểu gì hết. Chẳng chèo chống chi cả. Làm sao mà cứu thuyền? Mắt tôi không rời bức tranh. Không biết cái gì trên bức tranh đã tạo ấn tượng cho người xem đến thế! Tôi bước ra xa một chút, yên lặng ngắm nhìn. Khuôn mặt Chúa quả thật bình an, tương phản với vẻ hốt hoảng của những người trong thuyền. Người như đang ngủ yên dưới một gốc cây đầy bóng mát. Sự bình an và từ ái tỏa ra từ khuôn mặt và dáng nằm thư thả của người. Những cuộn sóng chung quanh dường mờ nhạt, biển cả cuồn cuộn như dời xa ra. À, à, tôi gật gù, có lẽ cũng không hiểu gì hơn lúc này, nhưng nghe ra có đôi phần cảm thông. Bây giờ thì phải về thôi, chắc chú tôi đã dài cổ vì chờ tôi ngoài cổng.

Hồi ấy, tôi không kể cho chú tôi nghe về bức tranh, chỉ nói sơ sơ, có gặp một bức tranh thật lạ, rồi thôi. Có lẽ - tôi biết mình sẽ không kể lại được những cảm xúc trong lòng lúc xem tranh. Nhưng đến nay, cũng mười mấy năm rồi, lâu lâu cái cảm giác kỳ lạ kia vẫn sống lại trong tôi.

Người ta thường nói ở chùa thật là thanh tịnh. Nhưng có nhiều khi mình ngồi trên bồ đoàn mà cứ như ngồi trên biển - cuồn cuộn phong bão tố. Những cuộn sóng phiền não, cứ chực hất tôi

Biển đang giông tố thì phải, những lưỡi sóng cong vòng, cuộn cao chực úp lầy chiếc thuyền. Về hoảng hốt của những người trên thuyền lộ rõ. Nét vẽ sóng động đến nổi tôi bắt rùng mình trước hiểm họa ấy. Nhưng ngạc nhiên nhất là trong đám hỗn loạn kinh hãi kia, đức Chúa đang nằm nghiêng an tĩnh bên mạn thuyền, mắt khép hờ, tay xuôi theo mình.

tuột khỏi bờ đoàn. Tôi thấy mình ra sức chống chèo cầm cự, nhưng dường như bao giờ cũng vậy, cơn bão mộng tưởng ấy thường chỉ chấm dứt ở tư thế ngồi bó gối rầu rĩ ôm cái bờ đoàn trước bụng của tôi. Đó là chưa kể những trận đắm thuyền thực sự với những cơn giận không kèm chế được thỉnh thoảng bùng ra thành lời nói, việc làm. Và

tôi thắc mắc hoài. Làm sao để được yên đây?

Hôm nay chúng tôi học giờ Thầy - Thiên Sư Trung Hoa tập II, giọng cô Huệ rành rọt:

“... Tăng hỏi Hưng Hóa:

- Khi bốn phương tám mặt đến thì thế nào?

Hưng Hóa đáp:

- Đánh vào giữa đi.

Tăng làm lễ, Hưng Hóa nói:

- Hôm qua, ta đi phò trai trong thôn, đi đường gặp một trận gió to mưa lớn, lại nhằm trong miếu cổ tránh được qua.”

Thầy cười hỏi chúng tôi:

- Mấy đức có biết miếu xưa ở đâu không.

Tôi giật mình. Dáng nằm yên của Chúa trong bức tranh Noel năm nào chợt hiện ra rõ nét trong trí tôi. Tự nhiên tôi hết thắc mắc tại sao Chúa cứu được nạn đắm thuyền với dáng nằm yên tĩnh ấy. Bao năm rồi, tôi cứ như đám người mờ mịt, hốt hoảng, chèo chống, và sặc sụa chìm lìm trong sóng biển. A, Chúa và Phật giống nhau ghê hê! Đây là chỗ trở về cội nguồn an ổn?

T.T

Đường Tiễn Khách

Cửa tu viện mở ra trên đầu con dốc cao, bước xuống là lối đi chập chùng đổ xuôi theo triền núi. Ở phiên đá đầu cổng, thầy tri khách vừa phát tay áo tiễn một người quen, khách chỉ bước xuống một vài bậc đá mòn là đã khuất, trên này chỉ còn lại bầu trời trong xanh và những cơn gió cột đũa nhau trong vườn cây của tu viện. Thầy chậm rãi trở vào, màu áo vàng bay phất phới dưới những tàn cây màu lục đậm, như một cánh đại bàng vũ lộng. Sau lưng thầy, ba chữ “Tống khách đầu” khắc bên bảng gỗ dựng bên lối đi, nổi bật màu nâu đỏ.



Chàng trẻ tuổi mới leo lên được lưng chừng con đường, ngóng cổ nhìn lên chỉ thấy đầu ngọn lá thướt tha của hàng khuy nh diệp, không thấy dạng nhà cửa lẫn bóng người. Chàng hơi ngần ngừ, ngồi bệt xuống bậc tam cấp, lột giày vớ, xoa bóp chân căng. Nhìn tới ngó lui chỉ có chàng là người leo núi độc nhất sáng nay, con đường phía dưới ngoằn ngoèo xa tít, gần bên bầy chim sẻ lao chao rĩa cánh và ngó nghiêng chàng không chút gì sợ hãi. Hồi lâu mới thấy một chú tiểu vác bó củi đi lên, tới chỗ chàng ngồi chú cười làm quen và quăng bó củi xuống gần đó, chú cũng ngồi nghỉ chân để lau bớt mồ hôi đang nhỏ giọt trên khắp mặt mũi.

Đợi chú thở lại bình thường, chàng mở đầu câu hỏi:

- Tu viện còn xa không chú?

- Lên hết cái dốc này, ngay trên đầu của tôi với anh.

Vừa nói chú vừa ra dấu chỉ lên trên. Chàng mừng rỡ:

- Vậy mà tôi tưởng còn xa, tính trở lui thì gặp chú.

- Anh mới đi lần đầu?

- Tôi sinh hoạt với bạn bè ở xóm chài lưới dưới kia, nghe nói trên núi này có tu viện rất đẹp và có Hòa thượng đắc đạo nên muốn đến viếng thăm cho biết.

Chú tiểu cười hồn nhiên:

- Tu viện cũng chẳng có kỳ hoa dị thảo, lại ở tuốt trên cao nên thiên hạ leo lên đến nơi đã mệt bở hơi tai, gặp được chỗ nghỉ chân mừng khen rồi rít. Nếu chê thì hóa ra uổng công mình đi xa, trèo cao, mà lại mang tiếng ngu ngốc, bỏ hết công lao để đến một chỗ không ra gì. Phải khen đẹp để tự thưởng mình, người này đồn người kia thành tiếng.

Lối nói chuyện của chú khiến chàng bật cười thích thú, chàng hỏi tiếp:

- Còn về Hòa thượng đắc đạo thì sao?

- Cái đó phải gặp Hòa thượng mới biết. Có khi đối với người này ổng là Hòa thượng đắc đạo, mà đối với người khác ổng chỉ là một ông già lắm cảm.

Chàng tuổi trẻ tán đồng bằng nhiều cái gật đầu lý thú:

- Chú nói có lý, tôi phải bỏ ý định có một cái tu viện đẹp và Hòa thượng đắc đạo thì mới đến nơi với một cái tâm bình thường.

- Anh thật thông minh, xứng đáng là thiền khách hôm nay. Thôi ta đi.

Cả hai cùng cười vui vẻ, chú tiểu vác bó củi lên vai bước thoăn thoắt lên con dốc quen thuộc còn chàng phải xắn ống quần loa và xách đôi giày, mới theo kịp chú.

Qua khỏi cổng tu viện, thấy tấm bảng với ba chữ “Tổng khách đầu” như đứng sẵn sàng chào đón, chàng đột nhiên thắc mắc:

- Tôi nghe nói cửa chùa luôn luôn hiếu khách, tại sao vừa mới bước vào cổng lại dựng tấm bảng này, như muốn tổng khách trở ra vậy chú?

- Ba chữ đó chỉ có nghĩa là Đầu đường tiễn khách, tiễn xong là không còn lưu luyến. Còn khách bước vào chốn này, cũng nên rũ bỏ bớt những khách trần của mình. Mang theo nhiều sẽ không còn thấy đâu là tu viện, đâu là nhà sư.

Chàng trẻ tuổi im lặng sau câu giải thích của chú tiểu, nét tươi cười biến mất, một chút gì buồn bã thoáng hiện. Họ đã đi mất hút vào trong, bên cổng cũng chỉ còn ba chữ “Tổng khách đầu”.

Buổi trưa ở đây thật yên tĩnh, phía sau tu viện là lưng núi xanh cuộn cuộn mây trắng, gió thổi bành bồng xạc xào trên mái ngói, vài tiếng chim lích chích rơi nhẹ giữa khoảng không. Chàng ngồi tựa lưng vào cây cột gỗ tròn bóng mượt của thiền đường, lòng tự thầm hỏi không biết giờ này Thu đang làm gì, nắng trưa chỗ nàng có chói chang đủ để nhớ đến kỷ niệm của hai người. Chàng thăm dò trong tận cùng sâu thẳm, những thương nhớ mong manh đang kéo đến. Trong những lúc này, người ta thường để chúng tự do thao túng. Lẽ dĩ nhiên chàng tuổi trẻ cũng đang có

Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa tà dâm ngoại tình, sống hạnh chung thủy, bảo vệ hạnh phúc tất cả mọi người trong sự bảo hộ của cha và mẹ, hoặc cả cha mẹ, hoặc anh chị em, hoặc bên sui gia, hoặc người đồng tính, hoặc vợ chồng con của mình và người, cả kẻ cuồng dâm, bạo lực gia đình, hoặc kẻ bán phần. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng không bị tâm lý hưởng thụ thấp kém làm mất hạnh phúc.

(KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG)

một nỗi niềm bất ổn, một cơn sầu tình ray rút nên mới tìm đến buổi trưa vắng của tu viện.

Trước đó hoạt động của chàng luôn luôn sôi nổi trong phố thị, bạn bè vây quanh ca hát vui chơi, lượn xe vi vút qua những đường phố đầy tràn âm thanh màu sắc. Đôi lúc bắt gặp một vài nhà tu thoáng qua, chàng nghĩ đó là những người của một thế giới chết, thế giới không tình yêu, đâu có dính dáng gì đến mình. Có một lần sau chuyến công tác xa, chàng đón nhằm một chuyến xe đò đông khách, vai phải mang cồng kền những dụng cụ, giấy tờ, lại phải chen lấn giữa những người khách lạ của tứ xứ. Chàng tìm cách để gởi bớt những túi xách trên vai, ngó dáo dác chẳng biết tin cậy vào người nào, chàng chợt thấy một ông thầy ngồi trầm tĩnh gần đó, và không cần suy nghĩ cân nhắc, chàng gởi ngay ông ta cái túi nặng nhọc. Được gỡ bớt sức nặng chàng mới lấy lại tư thế đứng vững vàng giữa những luồng người ép qua, đẩy lại. Đó là lần đầu tiên chàng tin cậy một người lạ trong tâm trạng thơ thối và yên ổn. Nhưng rồi những bận rộn sau đó khiến chàng quên nhanh câu chuyện trên xe.

“Không gần gũi kẻ ác
Thân cận bậc trí hiền
Đánh lễ người đáng lễ
Là phúc lành cao thượng.

Ở trú xứ thích hợp
Công đức trước đã làm
Chơn chánh hướng tự tâm
Là phúc lành cao thượng.

Đa văn, nghề nghiệp giỏi
Khéo huấn luyện, học tập
Nói những lời chơn chất
Là phúc lành cao thượng.

Kinh HẠNH PHÚC

Tại sao hôm nay chàng lại lên tới tu viện ở đầu núi cao này? Có phải chàng cần một nơi xa lạ nhưng bình an để có thể tự do bộc lộ hết những phiền muộn của mình? Có phải chàng vừa chớm có ý định rời bỏ bạn bè và nếp sống quen thuộc để tránh khơi sâu vết thương? Hay chàng muốn được ngồi yên để tìm lại chính mình mà trong suốt cuộc sống náo nhiệt của tuổi trẻ, chàng không nhìn ra được? Cái cố lên thăm tu viện nổi tiếng và vị Hòa thượng đắc đạo chỉ là một cách để nói với lũ bạn đang lao nhao tập dợt đờn ca. Trong suốt con đường đưa lên đây, chàng cảm

thấy có một cái gì không thỏa đáng, mặc dầu chân vẫn bước tới nhưng đầu là lý do chính?

Càng không thỏa đáng hơn khi trưa nay, ngồi trong bầu không khí tĩnh lặng của chốn thiền môn, chàng lại không có được một ý niệm mộ đạo hay tham hỏi về Phật pháp, mà chỉ thấy nhớ với buồn. Hình ảnh người tình và cuộc chia tan đã khiến chàng đứng sựng lại trong nhịp sinh hoạt, chàng bị ngộp trong đám đông và chỉ thích ngồi yên một mình để suy tư. Hồi đó trong những lần đi chơi, Thu cũng thường ngồi bên chàng trong những buổi trưa ở khu vườn nào xa xôi hay một vùng quê êm ả. Nàng hát nhỏ một khúc ca quen thuộc, cho đến nỗi ngồi ở đâu chàng cũng có thể nghe mừng tượng văng vẳng: “... Đòi xin có nhau dài cho mãi sau, nắng không gọi sầu. Áo xưa dù nhàu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau...” những sợi tóc của nàng bay trong suốt như

những sợi hạnh phúc đang dệt quanh đây. Vậy mà chuyện tình của chàng, ước mơ chung đôi chung bóng, gọi tên tới rặng long đầu bạc đã có lúc tan vỡ như những giọt nắng rơi trên tàn cây, khi gió thổi chao động bỗng rớt tuột luột.

Sau bữa cháo chiều, chàng theo Thầy tri khách đi dạo trong vườn, lối đi rải rác những phiến đá ngồi sạch bóng, tu viện đang thu lại những hoạt động trong ngày nên ai cũng có vẻ yên nghỉ. Câu chuyện của họ lẫn dưới những tàn cây khi gần khi xa. Hình như chàng đã tâm sự với thầy về mối tình sương khói. Thầy tri khách mỉm cười với tất cả vẻ thông cảm, chắc thầy đã từng quen tiếp các chàng khách trẻ tuổi. Chàng kết luận:

- Hạnh phúc thật gần gũi và hoàn toàn như ý nếu tôi không xa Thu. Người ta chỉ cần bao nhiêu đó, như một giọt mưa đủ làm mát cả bầu trời. Đâu cần phải tìm kiếm xa xôi cực nhọc như Thầy.

- Hạnh phúc của anh bị lệ thuộc rất nhiều, thời gian, nhân vật, tình yêu và cả hoàn cảnh chung quanh. Ngay cả anh là người đang hưởng hạnh phúc cũng không chắc chắn. Nếu lỡ như anh chết thì ai hưởng hạnh phúc đó?

- Thầy nói chỉ những chuyện cao vời, phần đông không ai nghĩ ngợi xa xôi, cứ nắm ngay những thứ mình hiện có. Nhưng tôi vừa chợt khám phá ra rằng thế giới của Thầy thật bình an không có khổ sở ray rứt như thường tình, và chắc là cũng không có hạnh phúc nồng nhiệt.

Thầy cười nhẹ trước sự sôi nổi chủ quan của người khách trẻ. Làm sao giải thích cho chàng biết hết những vui buồn của một ông thầy. Chú nhỏ tưởng rằng chỉ có thất tình mới làm người ta đau khổ, trên đời chỉ có vấn đề đó là quan trọng và chỉ có chủ độc quyền về đau khổ và hạnh phúc. Có một thế giới thoát ngoài quan niệm của chú nhưng cũng rất gần gũi, bằng có là chú có thể tìm tới và tỏ hết nỗi niềm. Thầy hỏi:

- Bây giờ anh cũng đang nhớ đến Thu?

Chàng đáp với giọng thật trầm:

- Phải.

- Người ta ít khi nào nhớ mình. Họ luôn luôn chứa chất đầy ắp kỷ niệm, hình ảnh của người khác, cảnh khác. Thật là hao phí khi anh chỉ sử dụng có phân nửa con người của mình trong cuộc sống.

- Thầy nói như một ông Thánh, còn tôi không biết làm cách nào khác hơn.

Câu nói của chàng thật tội nghiệp. Bóng tối đã phủ đầy, họ đến ngồi im trên một bậc đá. Trên chánh điện đang có một thời kinh. Những tiếng sắc không vang dội nhịp nhàng cả một vùng rừng núi. Hình như mỗi thân cây cổ thụ, từng nhánh lá đen mờ, mỗi gộp lá, mỗi bụi cỏ hoa đều góp chung lời tụng Bản hòa âm bất phân người và cảnh, trời đất cùng bay rền âm thanh:

“... Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tướng, hành, thức cũng lại như thế...”

... Trong không chẳng có màu sắc, âm thanh, mùi hương...
; ... chẳng có mắt, tai, mũi, lưỡi...

... Chẳng có già chết... Chẳng có đau khổ... Chẳng có tu tập.... Chẳng có chứng đắc...”

Sau một hồi phủ định quyết liệt như thế, tưởng như mọi thứ trên đời, mọi giá trị đều bị xô dẹp đến tận cùng. Bài kinh chuyển sang lời ca ngợi thành tựu:

“... Các vị Bồ tát không còn e ngại, không còn sợ hãi, xa lìa tất cả điên đảo mộng tưởng, đạt đến Niết bàn rốt ráo... Chư Phật trong ba đời đắc đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác...”

Bài kinh được lập đi lập lại ba lần, như một lời nhắn gởi vô cùng tha thiết. Trong dòng thác chấn động lời kinh, nhịp mõ, chàng lại cảm nghe một nỗi im lặng tận cùng, như một nốt Silence chọt vang lên trong bản hòa tấu. Mỗi lần cùng bạn bè chơi nhạc, tất cả tay đàn đều ngừng lại ngang dấu hiệu Silence nhưng tất



cả đều cảm thấy như có một sợi tơ rung động thật trầm lắng đang ngân lên không có cung bậc nào so sánh được. Trong bài kinh tối nay, chàng lại nghe rõ ràng dấu hiệu im lặng ấy, bất chợt mà nghe trong khi ngồi dưới bầu trời đầy sao lấp lánh - Im lặng vì không còn cách nào để diễn tả hay hơn, không còn lời để nói trong chốn không tuyệt cùng. Và

nên im lặng trước tính cách vi diệu nhiệm mầu của bài kinh cứu khổ, để tự nó thấm sâu trong bình an.

Hồi nhỏ, mỗi lần trong lớp chuyện trò ồn ào, cô giáo đưa ngón tay lên ra hiệu Silence, lập tức mọi tiếng rì rào của lũ học trò đều ngưng bật. Ở đây cũng có giọng Silence oai nghiêm ấy, những dao động băng khuâng, những ngôn ngữ và tâm sự niềm vui nỗi buồn đột nhiên bị cắt đứt. Chàng mơ hồ nghe lại giọng cô giáo ngày xưa. Hãy im! Hãy thôi! Chàng tự nói thầm với mình như vậy.

Khi thời kinh chấm dứt, các thầy rũ áo sương khuya trở về thiền phòng. Chàng nhìn theo từng bóng một cho tới người cuối cùng, như trên sân khấu sắp đến hồi kết cuộc. Thầy tri khách ngồi cạnh chàng cũng không nói thêm một lời. Cả chàng, thầy và tu viện như đồng thời tan biến trong đêm sâu.

T.N.N.Đ

HƯƠNG THIỀN tập 2 (36)

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419. Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn

nxbvanhovannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhovannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Nguyễn Thị Kim Phước

Sửa bản in: Bảo Bảo

Trình bày: Phương Nhất Điền

Bìa: Mai Phúc Châu

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.Hồ Chí Minh.

ĐT: 0913 724 043

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu In Sài Gòn

Số đăng ký KHXB: 36-2016/CXBIPH/42-02/VNTPHCM

QĐXB số: 161-QĐ/NXBVHVN ngày 22/4/2016

ISBN: 978-604-68-2624-8

In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2016

SƯ VÀ CON

♠ Thơ: Nguyễn Hải Thảo

Nhạc: Nguyễn Khải Hoàn

Thong thả

Sư bảo con đi tu, cho đời con bớt khổ. Con
Sư bảo con xem kinh, đưa bao nhiêu sách vở. Con

ngồi nhìn nắng gió, đôi mắt buồn mênh mông.
xem rồi trần - trở, Con xem rồi bần - khoản. Nam mô A di

đà. Nam mô A di đà. Mịt mù đường phía trước, chông gai hay an

binh? Con như người chống gậy, đi trên đường vô minh! Tính còn sân si

quá, trái tim còn vọng động. Làm sao con xuống tóc, khi nợ trần còn vương?

Nam mô A di đà. Nam mô A di đà. Đừng

trách con Sư nhé! Con mời sư dùng trà, chuyện tu chờ duyên đến, Sư

dừng buồn con nha! Nam mô A di đà. Nam mô A di đà ...

Fade out

- 06.** NT. Thích Nữ Huệ Giác - HT. Thích Giác Quang - TT. Thích Thiện Tài - TT. Thích Minh Điền - Phạm Thiên Thư - Phan Cát Tường - Trần Tam Bảo.
- 22.** Tỳ kheo Thiện Tâm - Tỳ kheo Thiện Minh - Tỳ kheo Viên Minh - Minh Đức Triều Tâm Ảnh.
- 30.** Nguyễn Thịnh - Nguyễn Đăng Triều - Nguyễn Đăng Trình - Lương Túy Vân - Lê Hành.
- 40.** Nguyễn Duy Nhiên - Minh Mẫn - Lê Tất Sĩ - Dạ Lữ Kiều.
- 49.** Nhật Chiêu - Nguyễn Hữu Tình - Dị Khách.
- 59.** Nguyễn Đức Tố - Thích Nữ Hiền Thủ - Nguyễn Thị Mây - Huỳnh Đức Tú - Lê Mai Trinh.
- 74.** Nguyễn Hải Thảo - Phan Ngọc Thường Đoan - Phan Thành Danh - Nguyễn Đăng Thanh - Quang Thám - Hoài Huyền Thanh - Huỳnh Châu Đổ - Nguyễn Quốc Hưng - Tuấn Đặng - Trung Thúy - Mai Tuyết - Dung Thị Vân - Tôn Thất Hòa - Mong Manh - Hoàng Anh 79 - Ngô Chiêu - Rose - Diệp Tử - Nguyễn Long Xuân - Tường Vy - Nguyễn An Bình - Vân Thanh - Vương Ánh - Nhật Triết - Thiện Chí - Trăng Khuyết - Nguyễn Khải Hoàn.
- 116.** Nguyễn Hiếu Tín - Nguyễn Hiếu Trung - Hoa Thư - Phạm Văn Sau - Lê Minh Thành - Nguyễn Văn Kỳ.
- 148.** Trần Bảo Định - Nguyễn Ngọc Thơ - Huyền Sương - Cao Thị Hoàng - Nguyễn Hữu Hạnh - Nguyễn Năm - Nguyễn Đồng Hoang - Châu Đông Thơ.
- 168.** Cao Bá Hưng - Tuệ Giải - Lê Gioảng - Phạm Đông Hoàng - Yên Sa - Tâm Vương - Vũ Kim Hạnh - Ngô Anh Kiệt - Tuệ Kiên - Thuận Tuệ - Thích Nữ Như Đức.



LIÊN KẾT XUẤT BẢN

ISBN: 978-604-68-2624-8



9 786046 826248

20.000 đồng